



DANH MỤC CHUNG

**VẬT LIỆU LỢP, CHỐNG THẤM
VÀ CÁCH NHIỆT**

NỘI DUNG

GIỚI THIỆU3

VỀ TECHNICONICOL	3
CẢI TIẾN SẢN XUẤT	4
GIẢI PHÁP ĐÁNG TIN CẬY	4
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN	5

MÀNG BITUMEN POLYMER7

VỀ VẬT LIỆU	8
PHƯƠNG PHÁP ÁP DỤNG	9
CÁC LĨNH VỰC ỨNG DỤNG	10
VẬN CHUYỂN VÀ LƯU TRỮ	10

MÀNG ỨNG DỤNG ĐỀN KHÒ

ULTRAPLAST	12
KHOÁNG CHẤT XÁM ULTRAPLAST	13
ULTRAFLEX	14
KHOÁNG CHẤT XÁM ULTRAFLEX	15
ULTRAPLAST BRIDGE	16
ULTRAFLEX BRIDGE	17
ĐÁ PHIẾN XÁM TECHNOELAST MOST B	18

MÀNG TỰ DÍNH

ULTRAFLEX SA	19
ULTRAFLEX SA TOP	20
ULTRAFLEX SA 7000-X	21
ULTRAFLEX SA NB	22
ULTRAFLEX SA NBS	23
ULTRAFLEX SA HDPE D	24
VAPORSTOP CA 500	25
VAPORSTOP CA 1000	25

MÀNG CHUYÊN DỤNG

ULTRAFLEX Xanh lá	26
TECHNONICOL ENVIRO WHITE	27
TECHNONICOL ENVIRO AIR	28
TECHNONICOL SOUNDSTOP SUPER	29

PHIM CẢN HƠI

UNDERLAY PRO (S) 500	30
UNDERLAY BASE 900	31
UNDERLAY BASE 1500	32
UNDERLAY NEXT SELF	33

BĂNG KEO BỊT KÍN TỰ DÍNH..... 35

NICOBAND	36
----------------	----

MÀNG POLYME 37

VỀ VẬT LIỆU	38
LẮP ĐẶT	39
VẬN CHUYỂN VÀ LƯU TRỮ	39

MÀNG PVC

MÀNG LỢP MÁI

LOGICROOF V-SR	40
LOGICROOF V-RP	41

LOGICROOF V-RP FB	41
LOGICROOF V-GR	42
LOGICROOF V-GR FB	42

MÀNG CHỐNG THẤM NGẦM

LOGICBASE V-SL	43
LOGICBASE V-ST	43
LOGICBASE V-PT	44
ECOBASE V-UV	44

MÀNG TPO

MÀNG LỢP MÁI

SINTOFOIL RT	45
SINTOFOIL RT FB	46
SINTOFOIL RG	47
SINTOFOIL RG FB	48
SINTOFOIL ST	49
SINTOFOIL FB	50

MÀNG CHỐNG THẤM NGẦM

SINTOFOIL ST WPS	51
SINTOFOIL ST WPS PT	52
SINTOFOIL ST WPS ST	53
SINTOFOIL RG WPS	54

MÀNG HDPE

ULTRABASE PA	55
ULTRABASE PA Sand Finish	55

MÀNG DIMPLE (THOÁT NƯỚC)

PLANTER standard	56
PLANTER geo	56

PHIM XÂY DỰNG..... 57

MÀNG KHUẾCH TÁN

TECHNONICOL ALPHA TOP	58
TECHNONICOL ALPHA VENT	58

PHIM CẢN HƠI

TECHNONICOL ALPHA BARRIER 4.0	59
TECHNONICOL ALPHA BARRIER 3.0	59
TECHNONICOL ALPHA BARRIER 2.0	60

TẤM LỢP... 61

VỀ VẬT LIỆU	62
ƯU ĐIỂM	63

TẤM LỢP MÁI MỘT LỚP

Dòng sản phẩm AR CLASSIC	64
Bộ sưu tập TROPIC APP	64

TẤM LỢP ĐA LỚP KIẾN TRÚC

Bộ sưu tập JAZZ	65
Bộ sưu tập AR COUNTRY	65
Bộ sưu tập WESTERN	65
Bộ sưu tập CONTINENT	65
Tấm lợp hồng, sườn và khởi động TECHNOCICOL	66

HỆ THỐNG 67 |

THÔNG SỐ KỸ THUẬT 67 |

GẠCH MẶT TIỀN HAUBERK..... 69

VỀ VẬT LIỆU	70
Bộ sưu tập GẠCH.....	71

MÁI NGÓI KIM LOẠI PHỦ ĐÁ 73

VỀ VẬT LIỆU	74
Màu BASIC	75
Màu DUAL.....	75

CHỐNG THẤM DẠNG LÔNG 77

SƠN LÓT BITUM

SƠN PHỦ BITUM	78
SƠN PHỦ POLYME-BITUM.....	78
SƠN LÓT GỐC NƯỚC ĐA NĂNG	79

MATIT BITUM

MATIT TECHNOMICOL số 21.....	80
MATIT TECHNOMICOL số 24	81
MATIT TECHNOMICOL số 31.....	82
MATIT TECHNOMICOL số 33	83
MATIT TECHNOMICOL số 57	84
MATIT TECHNOMICOL FIXER	85

SƠN PHỦ POLYME

SƠN LÓT EPOXY TECHNOMICOL 021	86
TECHNOMICOL ULTRASHIELD	87
TECHNOMICOL ULTRATHANE	88
TECHNOMICOL ULTRATHANE ECO.....	88
TECHNOMICOL ULTRATHANE PUD.....	89
TECHNOMICOL ULTRATHANE SUPER	90
TECHNOMICOL ULTRATHANE SUPER CA.....	90

CHỐNG THẤM XI MĂNG..... 91

TECHNOMICOL TECHNOCRETE	92
TECHNOMICOL ULTRACEM 2C	93
TECHNOMICOL CA 110	94
TECHNOMICOL CA 112	95

BỘT POLYURETHAN..... 97

TECHNOMICOL LOGICFOAM SPF	98
---------------------------------	----

LEN ĐÁ..... 99

VỀ VẬT LIỆU	100
ƯU ĐIỂM.....	101
TECHNOROOOF V60	102
TECHNOROOOF N30.....	102
TECHNOFACADE.....	103

TECHNOVENT STANDARD.....	103
TECHNOLITE	104
TECHNOSAFING	104
TECHNOCYLINDER.....	105
TECHNOMAT WIDÔ.....	105

POLYSTYRENE ÉP ĐÙN 107

VỀ VẬT LIỆU	108
ƯU ĐIỂM.....	109
TECHNOMICOL CARBON ECO	110
TECHNOMICOL CARBON ECO FACADE	110
TECHNOMICOL CARBON PROF 300.....	111
TECHNOMICOL CARBON SOLID 500	111

PIR..... 113

VỀ VẬT LIỆU	114
ƯU ĐIỂM.....	115
LOGICPIR	116

GIỚI THIỆU VỀ TECHNONICOL

8000

NHÂN VIÊN CÓ TRÌNH ĐỘ

69

ĐỊA ĐIỂM SẢN XUẤT

10

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

hơn 30

NĂM TRÊN THỊ TRƯỜNG



TECHNOMICOL Corporation là nhà sản xuất và cung cấp vật liệu lợp mái, chống thấm, cách âm và cách nhiệt lớn nhất của Nga và Châu Âu.

Công ty được thành lập vào năm 1992 và kể từ đó đã tích lũy được kinh nghiệm đáng kể trên thị trường vật liệu xây dựng. Chúng tôi tự hào cung cấp các vật liệu và công nghệ hiện đại kết hợp chuyên môn toàn cầu và sự phát triển của các trung tâm nghiên cứu và phát triển của chúng tôi. Nhiều loại vật liệu chất lượng cao và giải pháp đáng tin cậy cho phép khách

hàng đưa ra lựa chọn phù hợp nhất cả về giá cả lẫn chất lượng.

Hiện nay, Tập đoàn TECHNOMICOL sở hữu 69 địa điểm sản xuất tại Châu Âu và Châu Á, mạng lưới bán lẻ gồm 140 chi nhánh và văn phòng đại diện tại 37 quốc gia. Tài liệu của công ty đã được sử dụng tại hơn 200.000 địa điểm ở 118 quốc gia trên thế giới. Thật vinh dự cho chúng tôi khi được trở thành đối tác của hơn 500 nhà phân phối độc lập đại diện cho 32 thương hiệu của riêng chúng tôi.



CẢI TIẾN SẢN XUẤT

Chìa khóa cho hoạt động thành công của TECHNONICOL nằm ở chất lượng nghiên cứu và kiểm soát cao trước, trong và sau quá trình sản xuất. Tất cả các nhà máy xuất khẩu của TECHNONICOL đều đã đạt chứng nhận UNI EN ISO 9001 và UNI EN ISO 14001 và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn chất lượng được xác định bởi các yêu cầu quốc tế này.

Tất cả các nhà máy của TECHNONICOL đều cam kết cải tiến liên tục việc ngăn ngừa ô nhiễm và tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường có liên quan:

- Tất cả các nhà máy của Tổng công ty đều phải được nhà nước thẩm định môi trường ở giai đoạn thiết kế. Môi trường tại các khu công nghiệp của chúng tôi được theo dõi hàng ngày. TECHNONICOL đầu tư vào sản xuất không chất thải, thiết bị tiên tiến và công nghệ bảo vệ môi trường.
- Tất cả các sản phẩm do TECHNONICOL phát triển và cung cấp đều đạt tiêu chuẩn môi trường, an toàn cho con người và môi trường.

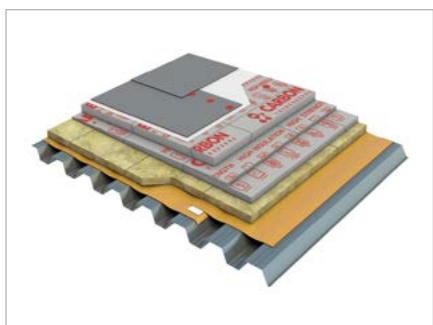
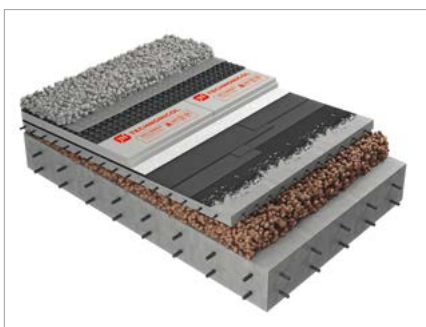


Năng lực sản xuất và thiết bị của chúng tôi giúp chúng tôi có khả năng cung cấp vật liệu cho các dự án xây dựng lớn và phát triển các sản phẩm độc đáo dựa trên yêu cầu riêng. Năng lực của nhân viên, tư vấn kỹ thuật chuyên nghiệp, phát triển vật liệu mới tại trung tâm nghiên cứu và phát triển của chúng tôi, chất lượng sản phẩm và giải pháp - tất cả những điều này cho phép TECHNONICOL tiếp cận từng đối tượng khách hàng và giúp chúng tôi

đáp ứng mong đợi và nhu cầu của mọi khách hàng.

Cải thiện dịch vụ khách hàng cũng là một trong những nguyên tắc ưu tiên của chúng tôi. Vị trí dẫn đầu của các sản phẩm TECHNONICOL trên thị trường chống thấm đạt được không chỉ nhờ vào chất lượng sản phẩm chúng tôi sản xuất mà còn nhờ vào mức độ hỗ trợ kỹ thuật cao.

GIẢI PHÁP ĐÁNG TIN CẬY



TECHNONICOL Corporation phát triển và quảng bá các vật liệu và hệ thống giúp giảm thiểu thất thoát năng lượng trong lĩnh vực công nghiệp và tiện ích công cộng. Chúng tôi giới thiệu các hệ thống xây dựng nhằm mục đích tạo ra sự bảo vệ toàn diện cho kết cấu từ móng đến mái.

Các sản phẩm được cung cấp bởi TECHNONICOL Công ty cổ phần - chống thấm chất lượng cao và vật liệu cách nhiệt - là hoàn toàn tương thích và có thể được sử dụng trong hệ thống được cung cấp. Khả năng tương thích vật liệu với nhau là một trong những điều cơ bản điều kiện để có được một bản hoàn chỉnh đáng tin cậy hệ thống cách nhiệt. Đó là lý do tại sao các chuyên gia của chúng tôi đã phát triển một số chuyên gia giải pháp kỹ thuật cho các loại khác nhau của các dự án. Ở đây chúng tôi theo ba chủ đề chính nguyên tắc: tính tương thích của các thành phần, độ bền và giá cả hợp lý.

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN

TECHNONICOL có 10 trung tâm nghiên cứu và phát triển khoa học nằm gần địa điểm sản xuất và một số phòng thí nghiệm để thử nghiệm vật liệu mới. Các nhà khoa học của chúng tôi tập trung vào nghiên cứu hiệu suất của vật liệu xây dựng, chống lão hóa, tăng khả năng ứng dụng bằng cách mở rộng phạm vi nhiệt độ hoạt động, phát triển các chức năng bổ sung, như lọc không khí, chống mốc rêu hoặc tăng hiệu quả sử dụng năng lượng.

Các hoạt động chính của trung tâm nghiên cứu và phát triển là:

- tạo ra các vật liệu lợp mái, chống thấm và cách nhiệt mới;
- nghiên cứu: hóa học, vật lý và phân tích khác, hỗ trợ giải quyết các vấn đề công nghệ;
- hiện đại hóa công nghệ sản xuất;
- cải tiến các phương pháp phân tích nguyên liệu thô và thành phẩm, áp dụng các phương pháp nhanh;
- hỗ trợ hợp tác được cung cấp cho các phòng thí nghiệm của nhà máy.

Phòng thí nghiệm trong các nhà máy hoạt động trên nền tảng thiết bị hiện đại, dùng để nghiên cứu các đặc tính cơ lý của vật liệu trong khoảng nhiệt độ rộng, xác định cấu trúc, thành phần nguyên liệu thô, kiểm tra độ bền của vật liệu. Một thiết bị sắc ký độ dốc được sử dụng để xác định thành phần của bitum để sản xuất vật liệu lợp mái và để đảm bảo lựa chọn tối ưu loại và lượng sửa đổi chất phụ gia.

Buồng khí hậu nhân tạo được sử dụng để nghiên cứu quá trình lão hóa của vật liệu. Phương pháp này mang lại khả năng dự đoán hiệu suất của vật liệu chống thấm sau nhiều năm sử dụng trên mái nhà chỉ sau 2 hoặc 3 tháng thử nghiệm.

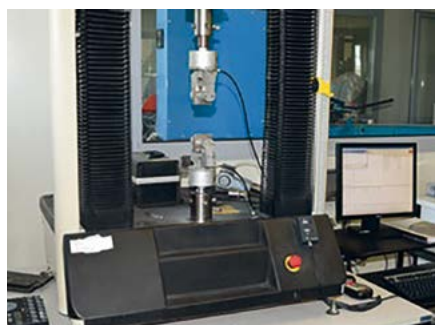
Fire-safe materials and construction systems are one of the major priorities of Vật liệu và hệ thống xây dựng an toàn



chống cháy là một trong những ưu tiên hàng đầu của TECHNONICOL Corporation. Tấm lợp và màng chống thấm của chúng tôi tuân thủ đầy đủ các quy định nghiêm ngặt về an toàn cháy nổ của Châu Âu. Màng bitum và màng tổng hợp có khả năng chống cháy và tương ứng với loại E. Hệ thống mái được thử nghiệm để đánh giá khả năng chống cháy và đáp ứng các tiêu chí dành cho phân loại Broof. Len đá TECHNONICOL phù hợp với yêu cầu của A1 Euroclass.

Việc nghiên cứu và triển khai các công nghệ tiên tiến cho phép TECHNONICOL mang đến những sản phẩm mới và nhiều biến thể sản phẩm tùy theo nhu cầu khách hàng mỗi năm.

Hợp tác với các trung tâm nghiên cứu và phát triển, các nhà máy của chúng tôi đã đạt được một số chứng chỉ sản phẩm do nhiều viện uy tín trên thế giới cấp.





Gurugram, Ấn Độ
KHÁCH SẠN AIR CỦA AHUJA RESIDENCY



Bengaluru, Ấn Độ
SÂN BAY QUỐC TẾ BANGALORE - NHÀ GA SỐ 2

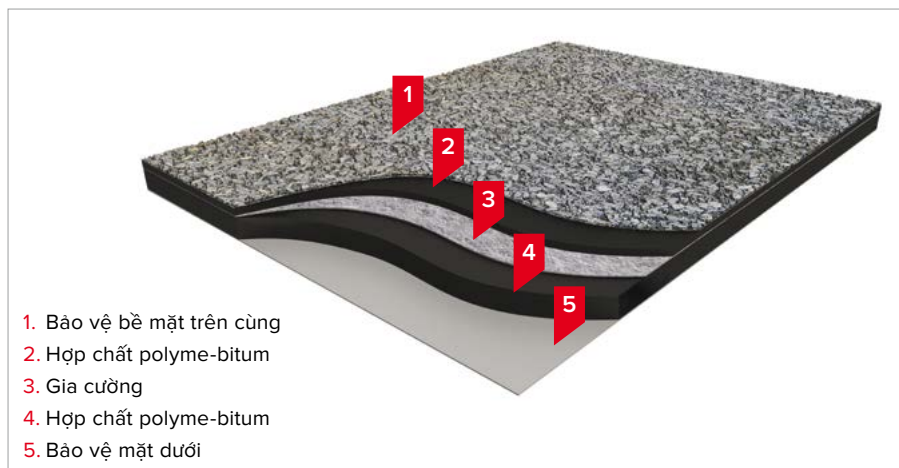


Goa, Ấn Độ
KHU NGHỈ DƯỠNG RIVA





MÀNG POLYME- BITUM



Các vật liệu phổ biến nhất để tạo ra lớp chống thấm là màng cuộn polyme-bitum. Điều này là do việc lắp đặt tương đối đơn giản, tính phổ biến của công nghệ, độ bền của vật liệu và độ ổn định của các thông số kỹ thuật do nhà máy thiết lập.

Màng polyme-bitum thường được sử dụng để chống thấm nền móng, công trình kỹ thuật, đường giao thông, mặt cầu và mái bằng. Những vật liệu này cũng có thể được sử dụng làm lớp lót cho mái dốc và làm lớp chắn hơi.

Màng polyme-bitum bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bất lợi từ môi trường bên ngoài. Những thay đổi về nhiệt độ xung quanh có thể gây ra biến dạng của vật liệu và nền nơi nó được lắp đặt. Khả năng chịu được những biến dạng như vậy là đặc tính quan trọng nhất của vật liệu lợp mái và chống thấm và nó phụ thuộc vào thành phần được sử dụng ở giai đoạn sản xuất.

HỢP CHẤT POLYMER-BITUM

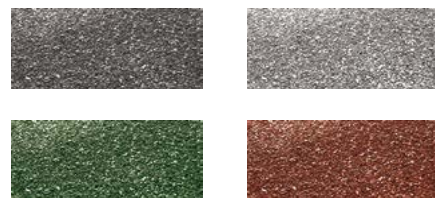
Hợp chất này là hỗn hợp có công thức đặc biệt của bitum và polyme. Sự khác biệt chính giữa các loại hợp chất là loại polyme được sử dụng:

- **APP** polyme cung cấp thêm khả năng chống dòng chảy giúp có thể sử dụng vật liệu ở vùng khí hậu rất nóng.
- **SBS** polyme mang lại thêm tính linh hoạt và khả năng kháng động cho vật liệu.
- Các chất phụ gia chống rỉ đặc biệt có thể được thêm vào hợp chất polyme-bitum để giúp nó chống lại sự xâm nhập của rỉ và đảm bảo khả năng chống thấm đáng tin cậy cho mái nhà xanh và móng.

toàn (bề mặt toàn màu đen), điều đó có nghĩa là vật liệu quá nóng. Vật liệu được làm nóng đúng cách khi các chỉ báo đồ họa bị biến dạng nhưng vẫn nhìn thấy được.

- Màng polyme không có các yếu tố đồ họa được sử dụng làm lớp bảo vệ bề mặt trên cùng của màng lót và vật liệu được thiết kế để chống thấm nền móng và kết cấu kỹ thuật.
- Màng polyme đục lỗ có thể được sử dụng làm lớp bảo vệ mặt dưới để đảm bảo các điểm phân bố độ bám dính đều và tăng tốc độ lắp đặt vật liệu.

ĐÁ PHIẾN



Đá phiến khoáng hạt thô với phương pháp xử lý kỹ nước đặc biệt sẽ bảo vệ vật liệu khỏi bị hư hại bởi bức xạ cực tím trong suốt thời gian sử dụng của màng. Nó được sử dụng cho lớp màng phủ trong hệ thống chống thấm hai lớp

Đá phiến có thể được cung cấp với nhiều màu sắc khác nhau để mang lại vẻ ngoài thẩm mỹ đẹp mắt. Các màu tiêu chuẩn bao gồm xám tự nhiên, đỏ, xanh lá cây và trắng, trong khi các màu khác có sẵn theo yêu cầu.

LỚP PHỦ ĐẶC BIỆT



Dòng sản phẩm thân thiện với môi trường ENVIRO có tác động tích cực đến môi trường-nhờ bề mặt có các chất phụ gia đặc biệt giúp thanh lọc không khí thành phố, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng của các tòa nhà và bảo vệ mái nhà khỏi rêu mốc quá mức. Những vật liệu này kết hợp hiệu quả sự thân thiện với môi trường và công nghệ nhằm cải thiện mức sống và giảm chi phí vận hành của cơ sở. Dòng sản phẩm ENVIRO được tạo ra với sự quan tâm thực sự đến tương lai của hành tinh chúng ta.

GIA CƯỜNG



- **Polyester** mang lại đặc tính co giãn tuyệt vời và mang lại độ bền tối ưu cho vật liệu.
- **Sợi thủy tinh** mang lại độ ổn định kích thước bổ sung nhưng không mang lại đặc tính giãn dài.

PHIM POLYME



- Phim polyme mỏng được sử dụng để bảo vệ bề mặt bên dưới khỏi bị dính vào cuộn. Phim được bao phủ bởi các chỉ báo đồ họa đặc biệt để lắp đặt bằng đèn khô dễ dàng và đáng tin cậy hơn. Phim chảy khi được làm nóng. Nếu các chỉ số đồ họa trở nên hợp nhất hoàn

BỀ MẶT TỰ DÍNH

Hợp chất polyme-bitum kết dính đặc biệt được sử dụng để sản xuất màng tự dính. Hợp chất được phủ một lớp màng bảo vệ dễ tháo rời. Vật liệu tự dính đảm bảo tốc độ thi công an toàn và rẻ, đồng thời không yêu cầu bất kỳ thiết bị và kỹ năng bổ sung nào.

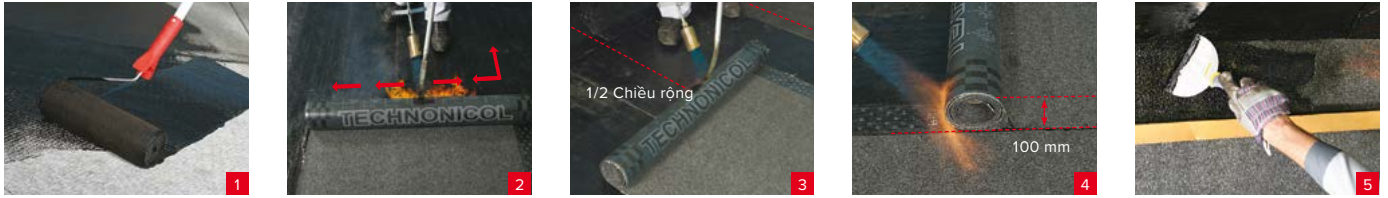
Những vật liệu như vậy cũng có thể được sử dụng trong các điều kiện cấm sử dụng đèn khô tiêu chuẩn (ép đun polystyrene hoặc đế gỗ, chống thấm trong nhà).

CÁT HẠT MỊN HOẶC TALC



Có thể sử dụng cát hạt mịn hoặc talc để phủ lên bề mặt trên hoặc dưới của màng. Loại lớp phủ như vậy cho phép lắp đặt bằng ma tít nóng hoặc lạnh hoặc bằng cách khô.

ỨNG DỤNG ĐÈN KHÒ



1. Bề mặt phải được làm sạch bụi, mảnh vụn, dầu mỡ, lá cây và không được có các khoảng trống, vết nứt hoặc các bất thường khác. Bề mặt phải được xử lý bằng sơn lót trước khi lắp đặt vật liệu chống thấm.
2. Trong quá trình lắp đặt, vật liệu và chất nền phải được làm nóng bằng đèn khô trên toàn bộ chiều rộng của cuộn; nơi chồng lớp phải được làm nóng thêm. Khi được lắp đặt đúng cách, toàn bộ bề mặt vật liệu sẽ dính vào lớp nền và bitum rò rỉ từ dưới các cạnh khoảng 5-10 mm.
3. Màng lớp phủ phải được đặt ở khoảng cách tối thiểu 300 mm tính từ phần chồng lớp của màng lót. Thông thường nó được di chuyển ở khoảng cách 500 mm (50% chiều rộng cuộn). Khoảng cách giữa các vòng cuối khác nhau của cuộn phải ít nhất là 500 mm.
4. Phần chồng lớp dọc theo mép mỗi nối phải là 100 mm. Lớp chồng được khuyến nghị cho việc thi công màng bitum một lớp là 120 mm. Phần chồng lớp ở các đầu tấm không được nhỏ hơn 150 mm. Chiều dài tối thiểu của vật liệu cuộn có thể lắp đặt là 1 m.
5. Người thợ mái nên loại bỏ đá phiến hạt thô ở những vị trí chồng lên nhau của màng lớp phủ, vì nó làm giảm đáng kể độ bám dính của vật liệu. Mặt trên của vật liệu (có đá phiến) phải được làm nóng thêm bằng đèn khô ở những chỗ chồng lớp. Sau đó đá phiến được ép thành bitum bằng dao bả.

ỨNG DỤNG VỚI MA TÍT



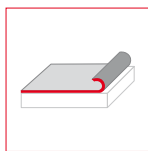
1. Bề mặt phải được làm sạch bụi, mảnh vụn, dầu mỡ, lá cây và không được có các khoảng trống, vết nứt hoặc các bất thường khác. Bề mặt phải được xử lý bằng sơn lót trước khi thi công ma tít.
2. Trải ma tít gắn trên bề mặt bằng dao bả đặc biệt theo độ dày lớp khuyến nghị. Nên sử dụng ma tít thợ mái thi công nguội đặc biệt, nhưng cũng có thể sử dụng ma tít thi công nóng. Ma tít thi công nóng phải được nung chảy trước ở nhiệt độ 180°C trước khi thi công lên bề mặt.
3. Vật liệu dạng cuộn nên được lắp đặt trên lớp ma tít trải rộng để tránh tạo nếp nhăn và bong bóng.
4. Làm thẳng vật liệu được cuộn bằng cách làm phẳng nó bằng bàn chải để tránh tạo nếp nhăn hoặc bọt khí trên vật liệu. Sau đó cố định cuộn đã dán hoàn toàn bằng con lăn nặng.
5. Dùng con lăn nặng ấn vật liệu xuống các điểm chồng lên nhau cho đến khi ma tít chảy ra khỏi mối nối. Ma tít cần chảy ra từ dưới lớp phủ khoảng 7-10 mm để có chất lượng mối nối tốt nhất.

LẮP ĐẶT MÀNG BITUM ĐƠN LỚP



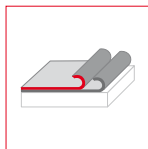
1. Có thể sử dụng thiết bị tự động như Leister Varimat để hàn các phần chồng lớp trong quá trình lắp đặt. Trong trường hợp này, nên chuẩn bị một dải lắp bổ sung. Nó sẽ làm cho việc lắp đặt thuận tiện hơn và nhanh hơn. Ở cuối bên cạnh dải lắp, các mối nối cuối không cần đặt so le. Phương pháp công nghệ này cũng có thể được sử dụng trong quá trình ứng dụng đèn khô.
2. Các lớp chồng lên nhau không được nhỏ hơn 120 mm, các đầu của lớp chồng không được nhỏ hơn 150 mm. Khoảng cách giữa các lớp chồng chéo so le (nếu cần) tối thiểu phải là 500 mm. Trên mái ván sàn định hình, nên lắp đặt màng một lớp ngang qua các sóng sàn.
3. Các góc của cuộn nên được cắt ở những nơi có mối nối hình chữ T.
4. Cắt các góc cho phép tăng chất lượng mối hàn và tránh thiếu vật liệu hàn ở những nơi như vậy.
5. Những nơi không thể hàn bằng thiết bị tự động thì hàn bằng súng nhiệt.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG



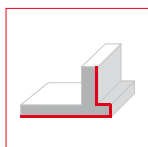
LỚP MỘT LỚP

Chống thấm các trung tâm mua sắm, công trình công nghiệp hoặc bất kỳ công trình nào khác có diện tích mái lớn, nơi cần đạt được kết quả nhanh chóng (việc lắp đặt hệ thống một lớp mất ít thời gian hơn so với việc lắp đặt hệ thống hai lớp). Đối với tấm lợp một lớp, cần có màng dày hơn.



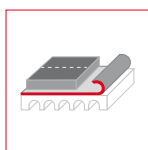
LỚP HAI LỚP

Một giải pháp rất đáng tin cậy để chống thấm mái bằng là hệ thống hai lớp, có đặc điểm là giảm nguy cơ rò rỉ. Hệ thống này sử dụng hai loại màng polyme-bitum. Màng tấm phủ được sử dụng làm lớp trên cùng. Mặt trên của màng thường được bảo vệ khỏi tia cực tím bằng đá phiến hoặc hạt bazan thô. Màng cho lớp dưới cùng được bảo vệ bằng màng polyme hoặc cát hạt mịn tùy thuộc vào loại cố định của các lớp hệ thống.



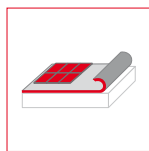
MÓNG VÀ MẶT BỊ CHE KHUẤT CỦA TƯỜNG HẦM

Chống thấm móng, mặt bị che khuất của tường hầm và các loại công trình ngầm. Nó bảo vệ cấu trúc khỏi nước ngầm, nước mưa chảy tràn, lũ lụt, v.v. và tăng tuổi thọ sử dụng của toàn bộ cấu trúc nói chung.



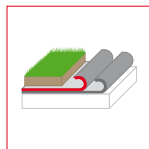
CHỐNG THẤM CẦU ĐƯỜNG

Chống thấm mặt cầu bê tông và thép, cầu vượt, bãi đỗ xe và các khu vực giao thông khác. Màng phải có đặc tính cơ lý tăng cường để chịu được các chuyển động vận hành của nền.



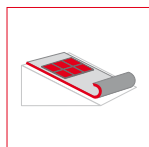
CHỐNG THẤM TRONG NHÀ

Nhóm này bao gồm các màng tự dính và các vật liệu có cát hạt mịn ở mặt dưới có thể được cố định vào bề mặt bằng ma sát để tránh sử dụng ngọn lửa trần. Nó được sử dụng để chống thấm phòng tắm, nhà bếp và các khu vực nội thất khác có độ ẩm không khí cao.



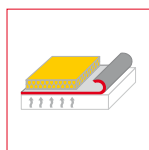
MÀNG TẤM PHÙ CHO MÁI NHÀ XANH

Lớp tấm lợp trên cùng với các chất phụ gia chống rễ đặc biệt trong hợp chất polyme-bitum được thiết kế để xây dựng "mái nhà xanh" - một loại mái ballast có cây xanh phía trên. Nó cũng được sử dụng để chống thấm móng với khả năng bảo vệ bổ sung khỏi rễ cây gần đó.



LỚP LÓT CHO MÁI DỐC

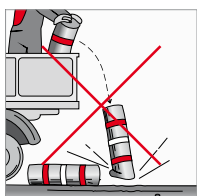
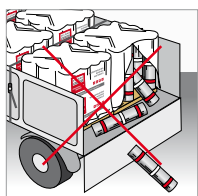
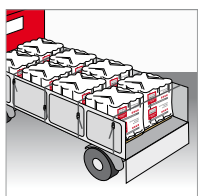
Vật liệu lót cho các loại mái dốc có lớp phủ bảo vệ phía trên (tấm lợp bitum, gạch men, ngói kim loại, v.v.). Việc áp dụng màng lót là cần thiết để đảm bảo bảo vệ bổ sung khỏi mọi rò rỉ có thể xảy ra.



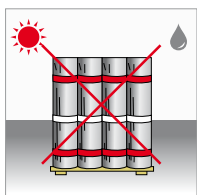
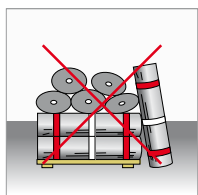
RAO CẢN HƠI

Rào cản hơi cho mái bằng của các công trình dân cư, công cộng hoặc công nghiệp phù hợp với mọi loại bề mặt – bê tông, kim loại, gỗ, v.v. Cần thiết để bảo vệ lớp cách nhiệt và tấm ốp mái khỏi độ ẩm, được hình thành do sự khác biệt giữa nhiệt độ trong nhà và ngoài trời và độ ẩm không khí.

VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN



- Các cuộn phải được vận chuyển trong phương tiện đóng kín ở tư thế thẳng đứng trên pallet ở độ cao bằng 1 hàng.
- Nên sử dụng dây thừng để buộc chặt pallet để tránh làm hỏng phim.
- Tránh bị rơi hoặc các tác động cơ học khác trong quá trình xếp và dỡ các cuộn giấy.



- Phim bảo vệ của cuộn không được bị hỏng sau khi dỡ ra.
- Các cuộn giấy phải được xếp thẳng đứng trên pallet ở độ cao bằng 1 hàng.
- Cấm lưu trữ các cuộn ở vị trí nằm ngang.
- Bảo vệ cuộn khỏi tia UV trực tiếp và độ ẩm.
- Giữ khoảng cách tối thiểu 1 m với bất kỳ nguồn nhiệt nào.



Sochi, Nga
SÂN VẬN ĐỘNG OLYMPIC TRUNG TÂM FISHT



Jakarta, Indonesia
THÁP CIBIS



Klaipeda, Lithuania
VLANTANA, TRUNG TÂM LOGISTICS

MÀNG ỨNG DỤNG ĐÈN KHÒ

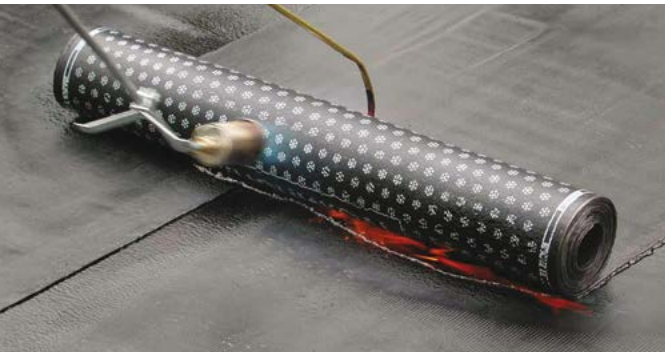
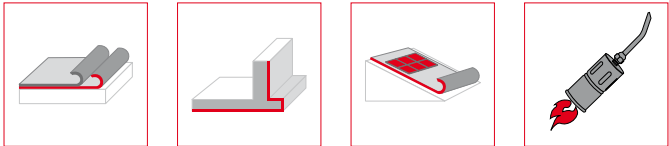
ULTRAPLAST

VẬT LIỆU LỢP BITUM BIẾN TÍNH APP VÀ MÀNG CHỐNG THẤM

Màng bitum biến tính APP ULTRAPLAST được thiết kế để lắp đặt dưới dạng một lớp đơn trong một lớp không tiếp xúc và là lớp dưới cùng trong hệ thống mái hai lớp của các tòa nhà và công trình cũng như để chống thấm móng và kết cấu kỹ thuật. Nó cũng có thể được sử dụng làm lớp lót cho tấm lợp bitum trên mái dốc. Màng được sử dụng cho công trình mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu chịu được sự biến động nhiệt độ và tải trọng cơ học cao mang lại khả năng chống thấm lâu dài, đáng tin cậy và hiệu quả. APP polyme cung cấp thêm khả năng chống dòng chảy giúp có thể sử dụng vật liệu ở vùng khí hậu rất nóng.

Ở mặt dưới, vật liệu được phủ một lớp phim polyme với các yếu tố đồ họa đặc biệt, sự chảy của chúng cho thấy quá trình gia nhiệt vật liệu chính xác. Ở mặt trên, vật liệu được phủ bởi lớp phim polyme.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAPLAST A 2 3 4 mm	ULTRAPLAST B 2 3 4 mm	ULTRAPLAST C 2 3 4 mm
Độ dày, mm	EN 1849-1	2.0±0.20 3.0±0.20 4.0±0.20		
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	2.8±0.28 3.8±0.38 5.1±0.48		
Dài x rộng, m	EN 1848-1	15 x 1 10 x 1 10 x 1		
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥145	≥145	≥145
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-6	≤-2	≤0
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥120	≥120	≥120
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	45±9 / 50±10	40±8 / 45±9	40±8 / 45±9
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	850±170 / 650±130	750±150 / 600±120	650±130 / 400±80
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	350±100 / 350±100	300±100 / 300±100	300±100 / 300±100
Loại gia cố	-	polyester	polyester	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	phim polyme	phim polyme	phim polyme
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim polyme	phim polyme	phim polyme

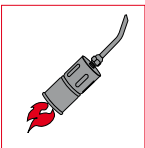
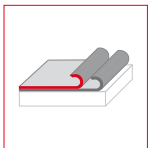
Khoáng chất xám ULTRAPLAST

VẬT LIỆU LỚP BITUM BIẾN TÍNH APP VÀ MÀNG TẮM PHỦ CHỐNG THẤM

Màng bitum biến tính APP khoáng chất xám ULTRAPLAST được thiết kế để lắp đặt dưới dạng đơn lớp và lớp trên cùng trong hệ thống mái hai lớp trên các tòa nhà và công trình. Nó có thể được sử dụng công trình mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu chịu được sự biến động nhiệt độ và tải trọng cơ học cao mang lại khả năng chống thấm lâu dài, đáng tin cậy và hiệu quả. APP polyme cung cấp thêm khả năng chống dòng chảy giúp có thể sử dụng vật liệu ở vùng khí hậu rất nóng.

Ở mặt dưới, vật liệu được phủ một lớp màng polymer với các yếu tố đồ họa đặc biệt, sự chảy của chúng cho thấy quá trình gia nhiệt vật liệu chính xác. Ở mặt trên, vật liệu được phủ một lớp đá phiến thô được xử lý kỵ nước đặc biệt để bảo vệ vật liệu khỏi bị hư hại bởi bức xạ cực tím trong suốt thời gian sử dụng của màng.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAPLAST A 3 4 mm Xám mineral	ULTRAPLAST B 3 4 mm Xám mineral	ULTRAPLAST C 3 mm Xám mineral
Độ dày, mm	EN 1849-1	3.0±0.20 4.0±0.20	3.0±0.20 4.0±0.20	3.0±0.20
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	3.8±0.38 5.1±0.48	3.8±0.38 5.1±0.48	3.8±0.38
Dài x rộng, m	EN 1848-1	10 x 1	10 x 1	10 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥145	≥145	≥145
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-6	≤-2	≤0
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥120	≥120	≥120
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	45±9 / 50±10	40±8 / 45±9	40±8 / 45±9
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	850±170 / 650±130	750±150 / 600±120	650±130 / 400±80
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	350±100 / 350±100	300±100 / 300±100	300±100 / 300±100
Loại gia cố	-	polyester	polyester	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	đá phiến hạt thô	đá phiến hạt thô	đá phiến hạt thô
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim polyme	phim polyme	phim polyme

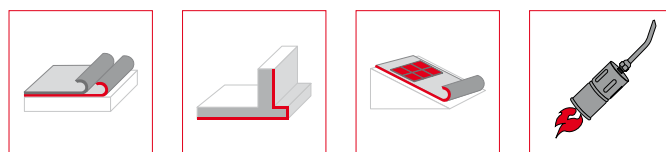
ULTRAFLEX

TẤM LỢP BITUM BIẾN TÍNH SBS VÀ MÀNG CHỐNG THẤM

Màng bitum biến tính ULTRAFLEX SBS được thiết kế để lắp đặt dưới dạng đơn lớp trong một lớp không tiếp xúc và là lớp dưới cùng trong hệ thống mái hai lớp của các tòa nhà và công trình cũng như để chống thấm nền móng và kết cấu kỹ thuật. Nó cũng có thể được sử dụng làm lớp lót cho tấm lợp bitum trên mái dốc. Màn được sử dụng cho công trình mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu chịu được sự biến động nhiệt độ và tải trọng cơ học cao mang lại khả năng chống thấm lâu dài, đáng tin cậy và hiệu quả. SBS polyme cung cấp thêm tính linh hoạt và khả năng chống động.

Ở mặt dưới, vật liệu được phủ một lớp màng polyme với các yếu tố đồ họa đặc biệt, sự tan chảy của chúng cho thấy quá trình gia nhiệt vật liệu chính xác. Ở mặt trên, vật liệu được phủ một lớp màng polyme.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX A 2 mm	ULTRAFLEX A 3 mm	ULTRAFLEX A 4 mm
Độ dày, mm	EN 1849-1	2.0±0.20	3.0±0.20	4.0±0.20
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	2.8±0.28	3.8±0.38	5.1±0.48
Dài x rộng, m	EN 1848-1	15 x 1	10 x 1	10 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥110	≥110	≥110
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-10	≤-10	≤-10
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥100	≥100	≥100
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	45±9 / 50±10	45±9 / 50±10	45±9 / 50±10
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	850±170 / 650±130	850±170 / 650±130	850±170 / 650±130
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	350±100 / 350±100	350±100 / 350±100	350±100 / 350±100
Loại gia cố	-	polyester	polyester	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	phim polyme	phim polyme	phim polyme
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim polyme	phim polyme	phim polyme

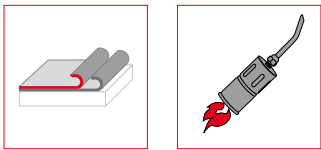
Khoáng chất xám ULTRAFLEX A

TẦM LỢP BITUM BIẾN TÍNH SBS VÀ MÀNG TẮM PHỦ CHỐNG THẤM

Màng bitum biến tính SBS khoáng chất xám ULTRAFLEX được thiết kế để lắp đặt dưới dạng đơn lớp và lớp trên cùng trong hệ thống mái hai lớp trên các tòa nhà và công trình. Nó có thể được sử dụng cho công trình mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu chịu được sự biến động nhiệt độ và tải trọng cơ học cao mang lại khả năng chống thấm lâu dài, đáng tin cậy và hiệu quả. SBS polyme cung cấp thêm tính linh hoạt và khả năng chống động.

Ở mặt dưới, vật liệu được phủ một lớp màng polyme với các yếu tố hòa đặc biệt, sự tan chảy của chúng cho thấy quá trình gia nhiệt vật liệu chính xác. Ở mặt trên, vật liệu được phủ một lớp đá phiến thô được xử lý kỵ nước đặc biệt để bảo vệ vật liệu khỏi bị hư hại bởi bức xạ cực tím trong suốt thời gian sử dụng của màng.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX A Khoáng chất xám 3mm	ULTRAFLEX A Khoáng chất xám 4mm
Độ dày, mm	EN 1849-1	3.0±0.20	4.0±0.20
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	3.8±0.38	5.1±0.48
Dài x rộng, m	EN 1848-1	10 x 1	10 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥110	≥110
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-10	≤-10
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥100	≥100
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	45±9 / 50±10	45±9 / 50±10
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	850±170 / 650±130	850±170 / 650±130
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	350±100 / 350±100	350±100 / 350±100
Loại gia cố	-	polyester	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	đá phiến hạt thô	đá phiến hạt thô
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim polyme	phim polyme

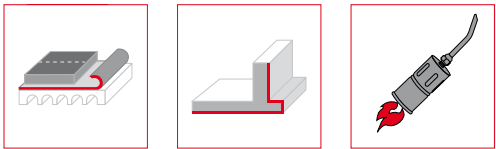
ULTRAPLAST BRIDGE

MÀNG CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH APP DÀNH CHO CẦU VÀ CẦU VƯỢT

Màng bitum biến tính ULTRAPLAST BRIDGE APP được thiết kế để chống thấm cho tấm thép trực giao và tấm bê tông cốt thép của lòng đường khi bê tông nhựa (lên đến +220°C) được rải trực tiếp lên lớp chống thấm. Nó cũng có thể được sử dụng làm chất chống thấm đơn lớp cho móng.

ULTRAPLAST BRIDGE là vật liệu chống thấm được sản xuất bằng cách đặt hai mặt chất kết dính polyme-bitum chất lượng cao đặc biệt trên nền polyester cực bền. Vật liệu này có tính chất cơ lý cao nhất và có thể chịu được nhiệt độ rất cao.

Ở mặt dưới, vật liệu được phủ một lớp màng polymer với các yếu tố đồ họa đặc biệt, sự chảy của chúng cho thấy quá trình gia nhiệt vật liệu chính xác. Ở mặt trên, vật liệu được phủ một lớp cát mịn.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAPLAST BRIDGE
Độ dày, mm	EN 1849-1	5.2±0.10
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	5.8±0.25
Dài x rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥150
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥140
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	≥40 / ≥40
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	≥1000 / ≥900
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	-
Loại gia cố	-	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	cát hạt mịn
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	polymer film

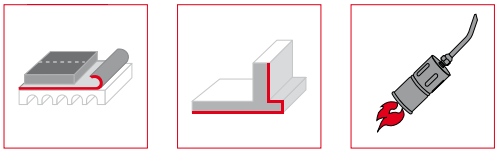
ULTRAFLEX BRIDGE

MÀNG CHỐNG THẤM BITUM BIẾN TÍNH SBS DÀNH CHO CẦU VÀ CẦU VƯỢT

Màng bitum biến tính ULTRAFLEX BRIDGE SBS được thiết kế để chống thấm cho các tấm bê tông cốt thép trên đường của các kết cấu cầu và các khu vực giao thông khác. Nó cũng có thể được sử dụng để chống thấm móng.

ULTRAPLAST BRIDGE là vật liệu chống thấm được sản xuất bằng cách đặt hai mặt chất kết dính polymer-bitum chất lượng cao trên nền polyester. Vật liệu này có thêm các tính năng về độ bền và khả năng chống chịu nhờ công thức đặc biệt của chất kết dính polymer-bitum và độ dày tăng lên.

Ở mặt dưới, vật liệu được phủ một lớp màng polymer với các yếu tố đồ họa đặc biệt, sự chảy của chúng cho thấy quá trình gia nhiệt vật liệu chính xác. Ở mặt trên, vật liệu được phủ một lớp cát mịn.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX BRIDGE
Độ dày, mm	EN 1849-1	5.0±0.20
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	6.4±0.25
Dài x rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥110
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥100
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	≥40 / ≥40
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	≥600 / ≥600
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	-
Loại gia cố	-	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	cát hạt mịn
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim polyme

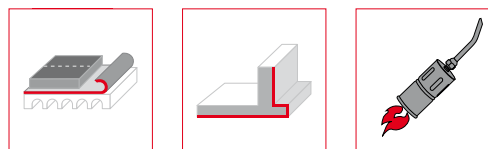
ĐÁ PHIẾN XÁM TECHNOELAST MOST B

MÀNG BITUM BIẾN TÍNH SBS CHỐNG THẤM CHO TẤM CẦU BÊ TÔNG CỐT THÉP VÀ CÁC KHU VỰC GIAO THÔNG KHÁC

Đá phiến xám TECHNOELAST MOST B - màng Bitum biến tính SBS được thiết kế để chống thấm các tấm bê tông cốt thép trên đường của các kết cấu cầu và các khu vực giao thông khác. Nó cũng có thể được sử dụng làm chống thấm một lớp cho nền móng.

Đá phiến xám TECHNOELAST MOST B là vật liệu chống thấm được sản xuất bằng cách đặt hai mặt chất kết dính polymer-bitum chất lượng cao trên nền polyester. Vật liệu này có thêm các tính năng về độ bền và khả năng chống chịu nhờ công thức đặc biệt của chất kết dính polyme-bitum và độ dày tăng lên.

Ở mặt dưới, vật liệu được phủ một lớp màng polyme với các yếu tố đồ họa đặc biệt, sự chày của chúng cho thấy quá trình gia nhiệt vật liệu chính xác. Ở mặt trên vật liệu được phủ một lớp đá phiến hạt thô để bảo vệ vật liệu khỏi ánh nắng trực tiếp trong quá trình lắp đặt.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	TECHNOELAST MOST B 3.5 mm ĐÁ PHIẾN XÁM	TECHNOELAST MOST B 4.5 mm ĐÁ PHIẾN XÁM
Độ dày, mm	EN 1849-1	3.6±0.1	4.6±0.1
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	≥ 4,2	≥ 5.4
Dài x rộng, m	EN 1848-1	10 (±0,2) x 1 (±0,03)	10 (±0,2) x 1 (±0,03)
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥ +110	≥ +110
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1110	≤ -20	≤ -20
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥ +100	≥ +100
Đặc tính kéo: độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	40±20 / 40±20	40±20 / 40±20
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D5147	500±150 / 500±150	500±150 / 500±150
Đặc tính kéo: độ bền kéo L/ T, N/50mm	ASTM D5147	≥ 600 / ≥ 600	≥ 600 / ≥ 600
Khả năng chống nước ở áp suất 0,2 MPa trong 24 giờ	EN 1928	Đạt	Đạt
Loại gia cố	-	polyester	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	đá phiến hạt thô	đá phiến hạt thô
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim polyme	phim polyme

MÀNG TỰ DÍNH

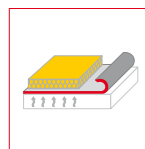
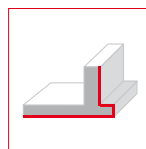
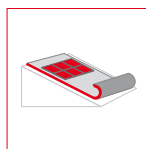
ULTRAFLEX SA

MÀNG CHỐNG THẤM TỰ DÍNH BITUM BIẾN TÍNH SBS

Màng bitum biến tính SBS được gia cố bằng polyester ULTRAFLEX SA được thiết kế để lắp đặt an toàn tuyệt đối. Nó được sử dụng làm lớp lót trên mái dốc và làm rào cản hơi. Nó cũng có thể được sử dụng để chống thấm nền móng và các công trình kỹ thuật. Nhờ hợp chất bitum kết dính đặc biệt, vật liệu này có thể được sử dụng trên các bề mặt cấm sử dụng đèn khò tiêu chuẩn (chất nền dễ cháy).

Vật liệu chống thấm ULTRAFLEX SA có các ưu điểm sau:

- sức bền tăng do được gia cố bằng polyester;
- nó có thể được sử dụng trên các chất nền nơi sử dụng đèn khò tiêu chuẩn (gỗ, XPS, v.v.);
- tốc độ lắp đặt nhanh;
- lắp đặt an toàn và rẻ - màng được thi công mà không cần sử dụng khí đốt và lửa;
- không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng nào;
- phương pháp thi công ngăn ngừa sự hình thành khói, mùi hôi và tiếng ồn.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX SA 1.5 mm	ULTRAFLEX SA 2.0 mm
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.20	2.0±0.20
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	1.8±0.20	2.3±0.20
Dài x rộng, m	EN 1848-1	20 x 1	20 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100	≥100
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-20	≤-20
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥90	≥90
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	35±20 / 35±20	35±20 / 35±20
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	400±100 / 300±100	400±100 / 300±100
Peel resistance of joints: overlap to overlap / overlap to film, N/50 mm	EN 12316-1	≥40 / ≥20	≥60 / ≥30
Loại gia cố	-	polyester	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	phim polyme hoặc cát	phim polyme hoặc cát
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim chống dính	phim chống dính

ULTRAFLEX SA TOP

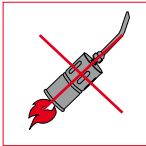
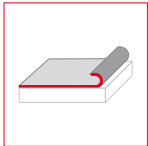
TẤM LỢP TỰ DÍNH BITUM BIẾN TÍNH SBS VÀ MÀNG CHỐNG THẤM

Màng bitum biến tính SBS tự dính ULTRAFLEX SA TOP là vật liệu lợp và chống thấm được thiết kế để lắp đặt đơn lớp trên mái bằng chưa được khai thác với độ dốc lên đến 5° (có thể lắp đặt trên mái có độ dốc lên đến 22° với sự cố định cơ học bổ sung của các lớp phủ). Nó có thể được sử dụng cho công trình mới hoặc sửa chữa.

ULTRAFLEX SA TOP được sử dụng trên các bề mặt có độ co thấp, chẳng hạn như bê tông, lớp láng nền xi măng-cát, tấm xi măng sợi, ván dăm gốc xi măng và các vật liệu tương tự.

Vật liệu lợp ULTRAFLEX SA TOP có những ưu điểm sau:

- Tấm lợp đơn lớp;
- Nó có thể được lắp đặt trên sàn dễ cháy (OSB-3, ván ép, v.v.);
- Các dải tự dính dọc ở mặt trên của vật liệu cung cấp lớp chồng kín đáng tin cậy;
- Tốc độ lắp đặt nhanh;
- Không cần bất kỳ thiết bị và kỹ năng bổ sung nào;
- Phương pháp thi công nguội giúp ngăn khói, mùi hôi và tiếng ồn;
- Độ bền cao nhờ gia cố polyester.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX SA TOP
Độ dày, mm	EN 1849-1	4.2±0.42
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	5.0±0.25
Dài x rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥110
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-15
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥100
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	30±15 / 30±15
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	≥600 / ≥400
Khả năng chống bong tróc của mối nối: lớp chồng/ lớp chồng lên phim, N/50 mm	EN 12316-1	≥25
Loại gia cố	-	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	đá phiến hạt thô
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	màng chống dính

ULTRAFLEX SA 7000-X

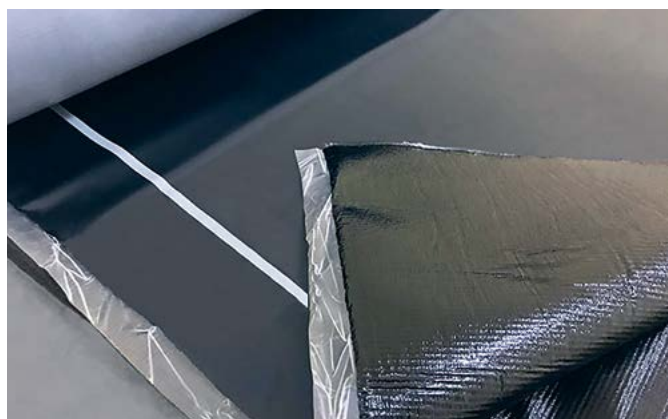
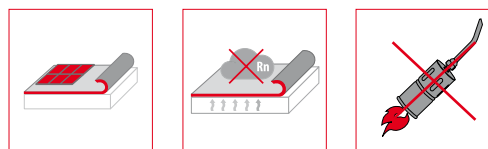
MÀNG BITUM BIẾN TÍNH TỰ DÍNH SBS KHÔNG GIA CỐ VỚI ĐẶC TÍNH GIÃN DÀI KỶ LỤC

Màng bitum biến tính SBS không chất mang ULTRAFLEX SA 7000-X được thiết kế để chống thấm nền móng và kết cấu kỹ thuật với tính năng bổ sung là bảo vệ radon.

ULTRAFLEX SA 7000-X được sản xuất bằng cách đặt chất kết dính polyme-bitum tự dính đặc biệt lên một màng polyme hiệu suất cao độc nhất phù vật liệu lên trên. Mặt dưới của vật liệu được phủ một lớp màng bảo vệ để dễ tháo lắp.

Vật liệu chống thấm ULTRAFLEX SA 7000-X có những ưu điểm sau:

- đặc tính giãn dài cao giúp vật liệu không bị hư hại do chuyển động của chất nền;
- đặc tính cơ lý tuyệt vời ở mọi hướng;
- ngăn chặn sự xâm nhập của radon vào cấu trúc;
- tốc độ lắp đặt nhanh;
- lắp đặt an toàn và rẻ - màng được thi công mà không cần sử dụng khí đốt và lửa.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX SA 7000-X
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.10
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	1.5±0.15
Dài x rộng, m	EN 1848-1	20 × 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-15
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥85
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	≥800 / ≥800
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	400±100 / 300±100
Khả năng chống bong tróc của mối nối: lớp chống/ lớp chống lên phim, N/50 mm	EN 12316-1	≥25 / -
Loại gia cố	-	không chất mang
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	phim polyme hiệu suất cao
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	màng chống dính

ULTRAFLEX SA NB

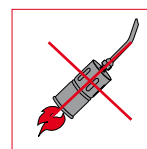
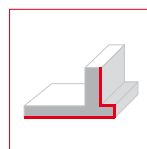
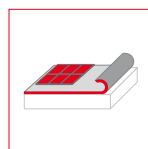
MÀNG BITUM BIẾN TÍNH TỰ DÍNH SBS KHÔNG GIA CỐ DÀNH CHO CHỐNG THẤM

Màng bitum biến tính SBS không gia cố ULTRAFLEX SA NB được thiết kế để chống thấm cho nền móng và kết cấu kỹ thuật cũng như chống thấm trong nhà.

Vật liệu này được sản xuất bằng cách đặt một chất kết dính polyme-bitum tự dính đặc biệt lên một màng polyme dày phủ vật liệu lên trên. Mặt còn lại của vật liệu được phủ một lớp màng bảo vệ có thể tháo rời. Không chất mang là đặc điểm chính của vật liệu này khiến nó rất đàn hồi và linh hoạt.

Vật liệu chống thấm ULTRAFLEX SA NB có những ưu điểm sau:

- nó có thể được sử dụng trên các bề mặt cấm sử dụng đèn khò tiêu chuẩn (gỗ, XPS, v.v.);
- tốc độ lắp đặt nhanh;
- không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng nào;
- lắp đặt an toàn và rẻ - màng được thi công mà không cần sử dụng khí đốt và lửa;
- nó có thể được sử dụng để chống thấm trong nhà.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX SA NB
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.10
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	1.5±0.25
Dài x rộng, m	EN 1848-1	20 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-15
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥85
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	≥200 / ≥200
Xác định khả năng chống cắt của mối nối, kN/m	EN 12317-1	≥2.0
Khả năng chống bong tróc của mối nối: lớp chống/ lớp chống lên phim, N/50 mm	EN 12316-1	- / ≥25
Loại gia cố	-	không chất mang
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	phim polyme dày
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	màng chống dính

ULTRAFLEX SA NBS

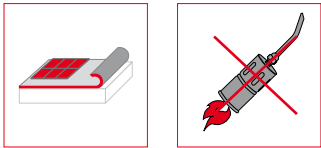
MÀNG BITUM BIẾN TÍNH TỰ DÍNH SBS KHÔNG GIA CỐ DÀNH CHO CHỐNG THẤM TRONG NHÀ

Màng bitum biến tính SBS không gia cố ULTRAFLEX SA NBS với spunbond là lớp bảo vệ trên cùng được thiết kế để chống thấm trong nhà.

Vật liệu này được sản xuất bằng cách đặt một chất kết dính tự dính đặc biệt lên spunbond để phủ vật liệu lên trên. Mặt còn lại của vật liệu được phủ một lớp màng bảo vệ có thể tháo rời.

Vật liệu chống thấm ULTRAFLEX SA NBS có những ưu điểm sau:

- nó được sử dụng để chống thấm trong nhà bằng cách lắp đặt trực tiếp gạch men lên vật liệu mà không cần lớp vữa xi măng cát bảo vệ;
- tốc độ lắp đặt nhanh;
- lắp đặt an toàn và rẻ - màng được thi công mà không cần sử dụng khí đốt và lửa;
- không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng nào;
- phương pháp thi công giúp ngăn chặn khói, mùi hôi, tiếng ồn và phù hợp cho các công trình trong nhà.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX SA NBS
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.10
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	1.5±0.25
Dài x rộng, m	EN 1848-1	20 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-15
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥85
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	≥60 / ≥60
Xác định khả năng chống cắt của mối nối, kN/m	EN 12317-1	≥2.0
Khả năng chống bong tróc của mối nối: lớp chống/ lớp chèn lên phim, N/50 mm	EN 12316-1	≥25 / -
Loại gia cố	-	không chất mang
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	spunbond
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	màng chống dính

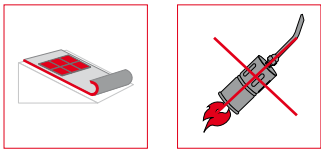
ULTRAFLEX SA HDPE D

MÀNG BITUM BIẾN TÍNH SBS DÀNH CHO CHỐNG THẤM NGẦM

Màng bitum biến tính SBS không chất mang ULTRAFLEX SA HDPE D được thiết kế để chống thấm cho nền móng và kết cấu kỹ thuật.

ULTRAFLEX SA HDPE D được sản xuất bằng cách đặt chất kết dính polyme-bitum tự dính đặc biệt lên màng HDPE (polyethylene mật độ cao) nhiều lớp phủ vật liệu lên trên. Các dải chồng lên nhau tự dính kép (mỗi dải ở mỗi bên của bề mặt trên cùng của màng) giúp đơn giản hóa việc lắp đặt hệ thống chống thấm. Mặt dưới của vật liệu được phủ một lớp màng bảo vệ để tháo lắp.

- Màng HDPE nhiều lớp mang lại sự ổn định về kích thước cho vật liệu.
- Hai dải chồng lên nhau tự dính mang lại độ tin cậy tối đa cho việc bịt kín các mối nối và cho phép cố định tạm thời các tấm bảo vệ.
- Tốc độ lắp đặt nhanh.
- Không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng nào.
- Phương pháp thi công nguội giúp ngăn chặn khói, mùi hôi và tiếng ồn.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX SA HDPE
Độ dày, mm	EN 1849-1	1.5±0.10
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	1.5±0.15
Dài x rộng, m	EN 1848-1	20x1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥ +100
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤ -15
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥ +85
Đặc tính kéo: độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	≥ 300 / ≥ 250
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	220±80 / 220±80
Xác định khả năng chống cắt của mối nối, kN/m	EN 12317-1	≥ 2.0
Loại gia cố	-	không chất mang
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	màng HDPE nhiều lớp
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	chất kết dính tự dính/phim chống dính

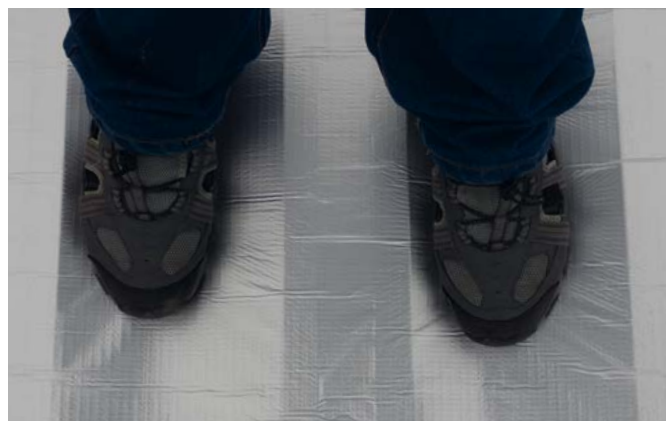
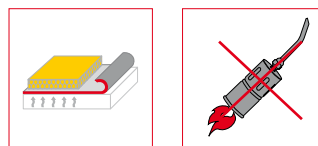
VAPORSTOP CA 500 | CA 1000

RÀO CẢN HƠI TỰ DÍNH BITUM BIẾN TÍNH SBS

VAPORSTOP CA 500 | Màng bitum biến tính SBS được gia cố linh hoạt CA 1000 được sử dụng làm rào cản hơi hiệu suất cao trong hệ thống chống thấm mái nhà. Vật liệu này được sản xuất trên nền của lưới thủy tinh được phủ chất kết dính bitum tự dính biến tính SBS. Màng được bảo vệ ở mặt dưới bằng một lớp phim silicon có thể tháo rời dễ dàng, trong khi mặt trên được phủ bằng lá nhôm.

VAPORSTOP CA 500 | Rào cản hơi CA 1000 có những ưu điểm sau đây:

- Cung cấp khả năng cách nhiệt rất hiệu quả.
- Độ bền kéo cao mang lại khả năng đi qua vật liệu trong quá trình lắp đặt.
- Đặc tính bám dính đáng tin cậy giúp vật liệu không bị dịch chuyển và khiến nó không bị ảnh hưởng bởi tải trọng gió.
- Có thể sử dụng trên các tòa nhà thuộc mọi loại công trình và chiều cao.
- Có thể sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu cách nhiệt và chống thấm nào.
- Có thể dùng làm tấm lợp tạm thời.
- Không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng nào.
- Khả năng sửa chữa cao.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	VAPORSTOP CA 500	VAPORSTOP CA 1000
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	0.5±0.1	1.0±0.1
Dài x rộng, m	EN 1848-1	50 x 1.08	30 x 1.08
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100	≥100
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25	≤-25
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥90	≥90
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	≥2.0 / ≥2.0	≥2.0 / ≥2.0
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	600±120 / 600±120	600±200 / 500±200
Xác định khả năng chống cắt của mối nối, kN/m	EN 12317-1	≥1.5	≥1.5
Khả năng chống bong tróc của mối nối: lớp chống/ lớp chồng lên phim, N/50 mm	EN 12316-1	≥50	≥50
Loại gia cố	-	lưới thủy tinh	lưới thủy tinh
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	lá nhôm	lá nhôm
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	màng chống dính	màng chống dính

MÀNG CHUYÊN DỤNG

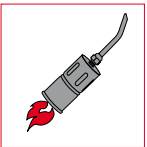
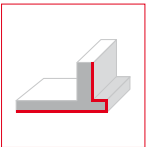
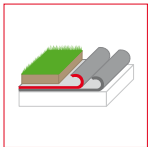
ULTRAFLEX Xanh lá

TẤM LỢP BITUM BIẾN TÍNH SBS VÀ MÀNG CHỐNG THẤM CHO MÁI NHÀ XANH

Màng bitum biến tính SBS ULTRAFLEX Xanh lá được thiết kế để chống thấm cho mái nhà xanh và các công trình kỹ thuật ngầm. Vật liệu này có lớp bảo vệ cơ học bổ sung phía trên, giúp vật liệu có khả năng chống lại các hư hại do rễ cây gây ra và đảm bảo khả năng chống thấm đáng tin cậy. Một hợp chất hóa học đặc biệt ngăn chặn sự xâm nhập của rễ, nhưng đồng thời không có tác động tiêu cực đến thực vật hoặc môi trường.

ULTRAFLEX Xanh lá có thể được sử dụng cho cả việc lắp đặt mái nhà xanh và chống thấm nền móng với khả năng bảo vệ bổ sung khỏi rễ cây mọc gần đó.

Mái nhà xanh giúp giảm chi phí năng lượng, tăng giá trị bất động sản và tuổi thọ của mái nhà, đóng vai trò là lớp cách âm. Nó còn tạo ra cảnh quan và không gian giải trí hấp dẫn về mặt thẩm mỹ, tăng tính đa dạng sinh học trong khu vực đô thị, điều hòa nhiệt độ, độ ẩm trong công trình và môi trường, thanh lọc không khí và nước mưa. Việc lắp đặt mái nhà xanh có thể được chính phủ hỗ trợ thông qua trợ cấp hoặc giảm thuế.



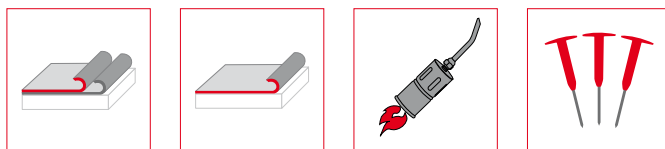
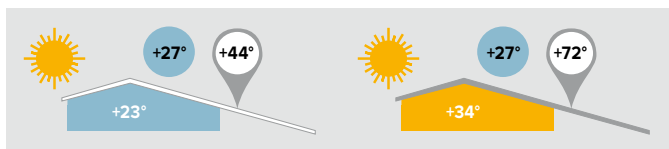
ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	ULTRAFLEX Xanh lá
Độ dày, mm	EN 1849-1	3.3±0.20
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m²	EN 1849-1	4.0±0.25
Dài x rộng, m	EN 1848-1	10 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥120
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥100
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	50±25 / 50±25
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	700±100 / 500±100
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	180±30 / 180±30
Loại gia cố	-	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	phim polyme dày
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim polyme

TECHNONICOL ENVIRO WHITE

MÀNG LỢP BITUM BIẾN TÍNH SBS CHO MÁI MÁT

TECHNONICOL ENVIRO WHITE là màng lợp bitum biến tính SBS cho phép đạt được hiệu ứng “mái mát” nhờ đá phiến trắng có khả năng phản chiếu ánh nắng mặt trời cao được sử dụng làm lớp bảo vệ trên cùng. Nhờ đó, mái nhà không bị nóng lên và nhiệt độ dưới mái vẫn dễ chịu. Việc sử dụng vật liệu này giúp giảm 10-30% chi phí năng lượng để điều hòa không gian dưới mái nhà và tăng tuổi thọ của mái nhà.

Màng này được thiết kế để lắp đặt ở dạng lớp trên cùng trong hệ thống mái hai lớp hoặc làm màng lợp polyme-bitum một lớp trên các tòa nhà và công trình. Nó có thể được sử dụng cho công trình mới hoặc sửa chữa.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	TECHNONICOL ENVIRO WHITE
Độ dày, mm	EN 1849-1	4.0±0.10
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	5.0±0.25
Dài x rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥110
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥100
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	50±25 / 50±25
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	700±100 / 500±100
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	180±30 / 180±30
Loại gia cố	-	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	đá phiến hạt thô trắng
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim polyme

TECHNONICOL ENVIRO AIR

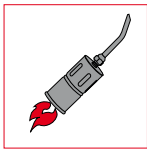
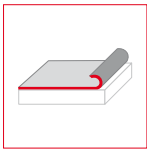
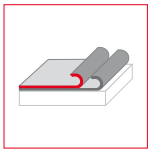
TẦM LỢP BITUM BIẾN TÍNH SBS VÀ MÀNG CHỐNG THẤM GIÚP GIẢM Ô NHIỄM KHÔNG KHÍ

TECHNONICOL ENVIRO AIR là màng bitum biến tính SBS dùng để lợp mái và chống thấm với tính năng đặc biệt là lọc không khí khỏi các oxit nitơ có hại (NOx). Đá phiến kỵ nước được sử dụng làm lớp bảo vệ trên cùng được phủ titan dioxide (TiO₂) và các chất phụ gia đặc biệt.

Nó được thiết kế để lắp đặt làm lớp trên cùng trong hệ thống mái hai lớp hoặc làm màng lợp polyme-bitum một lớp trên các tòa nhà và công trình. Nó có thể được sử dụng để xây dựng mới hoặc sửa chữa.

Vật liệu lợp TECHNONICOL ENVIRO AIR có những ưu điểm sau:

- ảnh hưởng tích cực đến việc giảm khí NO_x độc hại trong không khí;
- lớp phủ bảo vệ vật liệu khỏi bức xạ tia cực tím và ngăn ngừa sự phá hủy hợp chất bitum;
- nó góp phần phá hủy các chất ô nhiễm hữu cơ.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	TECHNONICOL ENVIRO AIR
Độ dày, mm	EN 1849-1	4.0±0.10
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	5.0±0.25
Dài x rộng, m	EN 1848-1	8 x 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥110
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-25
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥100
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	50±25 / 50±25
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	700±100 / 500±100
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	180±30 / 180±30
Loại gia cố	-	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	đá phiến hạt thô với các chất phụ gia đặc biệt
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim polyme

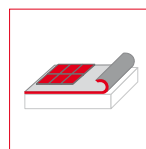
TECHNONICOL SOUNDSTOP SUPER

MÀNG BITUM BIẾN TÍNH SBS CHỐNG ỒN VÀ CHỐNG THẤM CHO TẦM SÀN

TECHNONICOL SOUNDSTOP SUPER - Màn hình bitum biến tính SBS được gia cố bằng sợi thủy tinh với vải cách âm ngăn chặn sự lan truyền của tiếng ồn và chạm truyền qua các tấm sàn. Vật liệu này được sử dụng trong nhà để lắp đặt lớp cách âm và chống thấm trong hệ thống sàn “nổi”, sàn có hệ thống sưởi, sàn có độ trễ và vách ngăn bên trong. Một loại vải không dệt đặc biệt ở mặt dưới của màng mang lại đặc tính cách âm hiệu quả cho vật liệu, trong khi màng nhôm trắng ở mặt trên giúp giảm ảnh hưởng của trường điện từ.

Màng cách âm TECHNOMICOL SOUNDSTOP SUPER có những ưu điểm sau:

- chỉ số giảm tác động tiếng ồn cao;
- nó còn có tác dụng như lớp chống thấm do độ dày của hợp chất bitum tăng lên;
- vật liệu có khả năng chống mục nát;
- tổng độ dày nhỏ của vật liệu cho phép giữ nguyên chiều cao của sàn;
- không cần thêm bất kỳ thiết bị và kỹ năng nào;
- lắp đặt an toàn và rẻ - màng được thi công mà không cần sử dụng khí đốt và lửa;
- nó giúp giảm ảnh hưởng của trường điện từ từ các nguồn đặt trên các tầng liền kề.



ĐẶC TÍNH	TECHNONICOL SOUNDSTOP SUPER
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	2.2±0.25
Dài x rộng, m	10 x 1
Chỉ số giảm tác động tiếng ồn tối đa ΔLn, dB	27
Khả năng chống nước ở áp suất 0,2 MPa trong 2 giờ	Đạt
Mô đun đàn hồi động dưới tải trọng 2 kPa, MPa	≤0.15
Độ bền kéo, N	≥300
Loại gia cố	sợi thủy tinh
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	màng nhôm
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	vải không dệt cách âm

LỚP LÓT

UNDERLAY PRO (S) 500

MÀNG LÓT SIÊU NHẸ ĐƯỢC GIA CỐ POLYESTER BITUM BIẾN TÍNH SBS DÀNH CHO MÁI DỐC CÓ CHỐT CƠ HỌC

Màng bitum biến tính SBS UNDERLAY PRO (S) 500 được sử dụng làm lớp lót cho tấm lợp lợp trong hệ thống mái dốc có chốt cơ học (đóng đinh).

Vật liệu được lắp đặt trên sàn gỗ cứng (OSB-3, ván ép, ván lười và ván rãnh). Không thể sử dụng nó ở các khu vực rãnh và mái hiên vì những khu vực này dễ bị rò rỉ nhất và cần phải sử dụng màng tự dính UNDERLAY NEXT SELF hoặc ULTRAFLEX SA.

Vật liệu chống thấm UNDERLAY PRO (S) 500 có các ưu điểm sau:

- Độ bền tăng cường do được gia cố bằng polyester;
- Đặc tính cơ lý tuyệt vời đảm bảo độ bền cao hơn;
- Mặt dưới của vật liệu được phủ bằng cát hạt mịn, mặt trên - bằng spunbond giúp người lắp đặt không bị trượt khỏi mái dốc;
- Trọng lượng siêu nhẹ của màng giúp cho việc thi công trên mái dốc dễ dàng và an toàn hơn;
- Hợp chất polymer-bitum chất lượng cao có đặc tính tự phục hồi, đảm bảo độ kín tuyệt đối ở những nơi đinh xuyên qua;
- Cũng có sẵn một dạng biến thể với dải chồng lên nhau theo chiều dọc của bitum hoạt tính nhiệt để tăng sự thuận tiện và tốc độ thi công - thanh UNDERLAY PRO (S) 500.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	UNDERLAY PRO (S) 500
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	0.5±0.1
Chiều dài, m	EN 1848-1	25±2%
Chiều rộng, m	EN 1848-1	1±3%
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-20
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥+120
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	40±10 / 40±10
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	500±150 / 400±100
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	180±50 / 180±50
Loại gia cố	-	polyester
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	spunbond
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	cát hạt mịn

UNDERLAY BASE 900

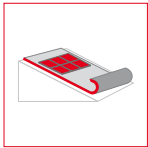
MÀNG LÓT GIA CỐ BẰNG SỢI THỦY TINH BITUM BIẾN TÍNH SBS CHO MÁI DỐC CÓ CHỐT CƠ KHÍ

Màng bitum biến tính SBS UNDERLAY BASE 900 được sử dụng làm lớp lót cho ván lợp mái trong hệ thống mái dốc có chốt cơ học (đóng đinh).

Vật liệu được lắp đặt trên sàn gỗ cứng (OSB-3, ván ép, ván lười và ván rãnh). Không thể sử dụng nó ở các khu vực rãnh và mái hiên vì những khu vực này dễ bị rò rỉ nhất và cần phải sử dụng màng tự dính UNDERLAY NEXT SELF hoặc ULTRAFLEX SA.

Vật liệu chống thấm UNDERLAY BASE 900 có những ưu điểm sau:

- Cả hai mặt của vật liệu đều được phủ một lớp cát hạt mịn giúp người lắp đặt không bị trượt khỏi mái dốc;
- Trọng lượng nhẹ của màng giúp cho việc thi công trên mái dốc dễ dàng và an toàn hơn;
- Hợp chất polymer-bitum chất lượng cao có khả năng tự phục hồi, đảm bảo độ kín tuyệt đối ở những vị trí đinh xuyên qua.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	UNDERLAY BASE 900
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	0.9±0.1
Dài x rộng, m	EN 1848-1	20 x 1
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-5
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥95
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	4±2 / 4±2
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	400±100 / 400±100
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	100±50 / 100±50
Loại gia cố	-	lưới thủy tinh
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	cát hạt mịn
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	cát hạt mịn

UNDERLAY BASE 1500

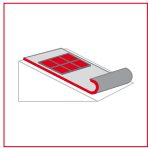
MÀNG LÓT GIA CỐ BẰNG SỢI THỦY TINH BITUM BIẾN TÍNH SBS CHO MÁI DỐC CÓ CHỐT CƠ KHÍ

Màng bitum biến tính SBS UNDERLAY BASE 1500 được sử dụng làm lớp lót cho ván lợp mái trong hệ thống mái dốc có chốt cơ học (đóng đinh).

Vật liệu được lắp đặt trên sàn gỗ cứng (OSB-3, ván ép, ván lười và ván rãnh). Không thể sử dụng nó ở các khu vực rãnh và mái hiên vì những khu vực này dễ bị rò rỉ nhất và cần phải sử dụng màng tự dính UNDERLAY NEXT SELF hoặc ULTRAFLEX SA.

Vật liệu chống thấm UNDERLAY BASE 1500 có những ưu điểm sau:

- Cả hai mặt của vật liệu đều được phủ một lớp cát hạt mịn giúp người lắp đặt không bị trượt khỏi mái dốc;
- Trọng lượng nhẹ của màng giúp cho việc thi công trên mái dốc dễ dàng và an toàn hơn;
- Hợp chất polymer-bitum chất lượng cao có khả năng tự phục hồi, đảm bảo độ kín tuyệt đối ở những vị trí đinh xuyên qua.
- Cũng có sẵn một dạng biến thể với dải chồng lên nhau theo chiều dọc của bitum hoạt tính nhiệt để tăng sự thuận tiện và tốc độ thi công - thanh UNDERLAY BASE 1500.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	UNDERLAY BASE 1500
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	1.5±0.1
Dài x rộng, m	EN 1848-1	20 x 1
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-20
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥95
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	ASTM D5147	4±2 / 4±2
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	ASTM D5147	400±100 / 400±100
Khả năng chống rách L/T, N	ASTM D4073	100±50 / 100±50
Loại gia cố	-	lưới thủy tinh
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	cát hạt mịn
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	cát hạt mịn

UNDERLAY NEXT SELF

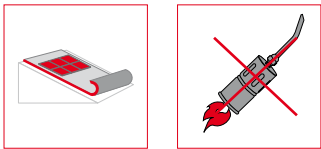
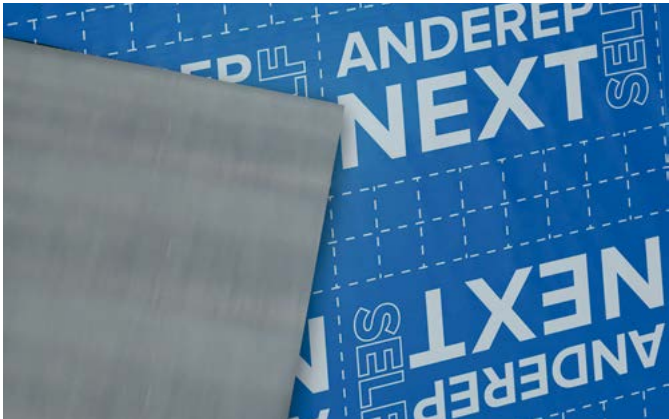
LỚP LÓT KHÔNG GIA CỐ TỰ DÍNH BITUM BIẾN TÍNH SBS CHO MÁI DỐC

Màng bitum biến tính SBS không gia cố tự dính UNDERLAY NEXT SELF được sử dụng làm lớp lót trên mái dốc với sàn gỗ cứng (OSB-3, ván ép, ván lười và ván rãnh).

Mặt trên của vật liệu được phủ một lớp vải polypropylen chắc chắn. Chất kết dính tự dính ở mặt dưới được phủ một lớp màng bảo vệ dễ tháo rời.

Vật liệu chống thấm UNDERLAY NEXT SELF có những ưu điểm sau:

- nó bám dính tốt vào bề mặt trên và không cần sử dụng matit kết dính trên các lớp phủ;
- vải polypropylen nhiều lớp giúp người lắp đặt không bị trượt khỏi mái dốc;
- vật liệu nhẹ;
- lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng;
- các đường đánh dấu đặc biệt trên vải giúp cho việc lắp đặt các tấm lợp sau trở nên dễ dàng hơn.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	UNDERLAY NEXT SELF
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-1	1.0±0.1
Dài x rộng, m	EN 1848-1	25 × 1
Điểm hóa mềm, °C	ASTM D36	≥100
Độ linh hoạt ở nhiệt độ thấp, °C	EN 1109-1	≤-15
Khả năng chống dòng chảy ở nhiệt độ cao, °C	EN 1110	≥90
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	EN 12311-1	20±10 / 20±10
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	EN 12311-1	600±200 / 600±200
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310-1	500±100 / 500±100
Khả năng chống bong tróc của mối nối: chồng lên màng, N/50 mm	EN 12316-1	40±15
Loại gia cố	-	không chất mang
Loại lớp phủ bảo vệ trên cùng	-	vải polypropylen nhiều lớp
Loại lớp phủ bảo vệ ở phía dưới	-	phim chống dính



Noida, Ấn Độ
DLF MOIN-MALL ẤN ĐỘ



Karjat, Ấn Độ
KHU NGHỈ DƯỠNG & SPA RADISSON BLU KARJAT



Olsztyn, Ba Lan
TRUNG TÂM MUA SẴM WARMINSKA





**BĂNG KEO BỊT
KÍN TỰ DÍNH**

BĂNG KEO BỊT KÍN TỰ DÍNH

Băng keo NICOBAND là một cách rất thuận tiện để bịt kín các vết nứt và mối nối khác nhau. Nó cũng có thể được sử dụng để cách nhiệt các mối nối, sửa chữa mái nhà và hệ thống sửa chữa mái nhà.

ƯU ĐIỂM:

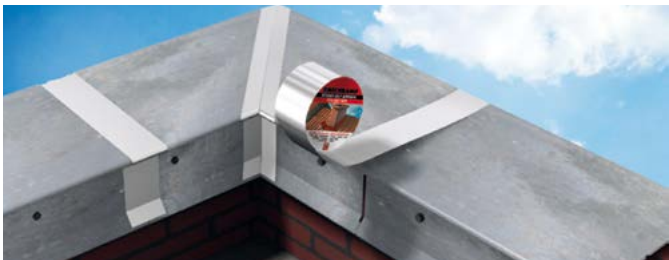
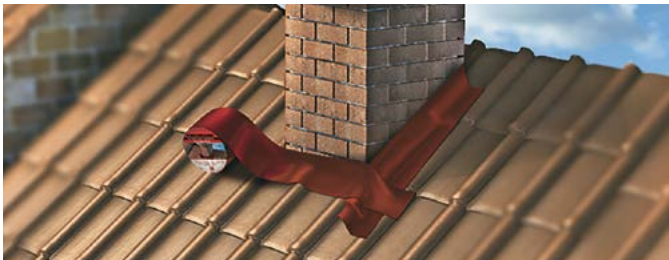
- Được bảo vệ khỏi tia UV. Lớp bitum của băng keo NICOBAND được bảo vệ khỏi bức xạ UV bằng lớp phủ nhôm. Điều này giúp có thể sử dụng băng ngoài trời.
- Dễ sử dụng và bền bỉ. Băng keo NICOBAND rất dễ sử dụng và thi công nó không đòi hỏi kỹ năng đặc biệt. Chức năng bịt kín của băng kéo dài suốt thời gian sử dụng (10 năm) nhờ chất kết dính polyme-bitum có công thức đặc biệt.
- Màu sắc khác nhau. Băng được thiết kế cho các màu lợp phổ biến nhất. Nó cho phép thực hiện sửa chữa hoặc bảo trì theo tông màu của bề mặt chính mà không làm ảnh hưởng đến hình thức của nó.



- Độ bám dính hoàn hảo trên nhiều bề mặt khác nhau. Lớp tự dính mang lại chất lượng bám dính hoàn hảo cho nhiều bề mặt khác nhau: kim loại, đá phiến, gỗ, nhựa, thạch cao, bê tông, kính, v.v.

PHƯƠNG PHÁP LẮP ĐẶT:

Bề mặt phải phẳng, khô và sạch. Cắt băng dính theo chiều dài cần thiết, tháo lớp màng bảo vệ, dán băng dính vào khu vực mong muốn và ấn chặt. Nếu nhiệt độ dưới +5°C thì trước tiên cần giữ NICOBAND ở nhiệt độ phòng ít nhất 12 giờ trước khi sử dụng. Việc sử dụng vật liệu ở nhiệt độ dưới 0 đòi hỏi phải làm nóng thêm bề mặt. Không nên sử dụng NICOBAND trên các bề mặt thẳng đứng nóng hoặc trên các bề mặt có nhiệt độ trên +80°C.

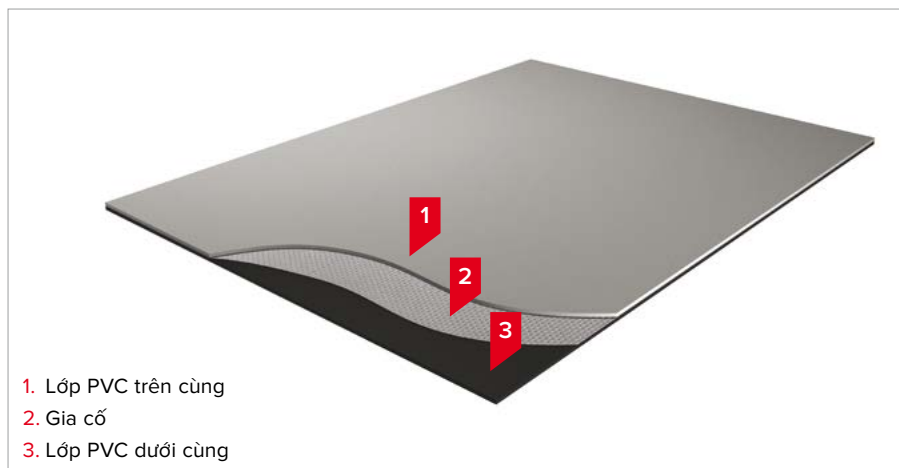


CHIỀU RỘNG, cm	5	7.5	10	15	20	30
Chiều dài: 3 m	+	+	+	+	-	-
Chiều dài: 10 m	-	+	+	+	+	+

KÍCH THƯỚC BĂNG, mm	KÍCH THƯỚC ĐÓNG GÓI, mm	SỐ LƯỢNG TRONG GÓI	TRỌNG LƯỢNG BAO BÌ, kg
3000x50	box 240x240x320	24	5.9
3000x75	box 240x240x320	16	5.9
3000x100	box 240x240x320	12	5.9
3000x150	box 240x240x320	8	5.9
10000x75	box 180x180x320	4	5
10000x100	box 180x180x320	3	5
10000x150	box 180x180x320	2	5
10000x200	box 180x180x320	1	3.5
10000x300	box 180x180x320	1	5



MÀNG POLYME



Màng tổng hợp được sử dụng cho hệ thống chống thấm nền móng, đường hầm và mái nhà. Những vật liệu chống thấm đáng tin cậy và bền bỉ này được sản xuất bằng cách sử dụng công nghệ đồng đùn - tốt nhất hiện nay. Nhờ kiểm soát chất lượng quang học, chúng tôi có thể đảm bảo độ dày đồng đều của màng được sản xuất. Tất cả các màng tổng hợp của TECHNOMICOL đều có dấu CE. Tuyên bố của nhà sản xuất rằng sản phẩm tuân thủ các yêu cầu thiết yếu của tiêu chuẩn hài hòa Châu Âu.

Hơn 200.000.000 m² mái nhà, đường hầm và nền móng đã được bảo vệ bằng các loại màng chống thấm tổng hợp TECHNOMICOL.

CHẤT LƯỢNG SẢN XUẤT

Chúng tôi sản xuất màng tổng hợp có đặc tính kỹ thuật hàng đầu nhờ:

- các nhà máy chu trình đầy đủ của chúng tôi với trang thiết bị hiện đại;
- công nghệ sản xuất ép đùn tiên tiến;
- nguyên liệu thô Châu Âu có chất lượng cao nhất;
- sự đóng góp của các trung tâm nghiên cứu và phát triển cũng như phòng thí nghiệm của chúng tôi tại các nhà máy;
- kiểm soát cẩn thận và chính xác trước, trong và sau sản xuất.

Kết quả là, khách hàng nhận được vật liệu chống thấm có cấu trúc đồng nhất không có dị tật bên trong, đảm bảo tiêu chuẩn cao về chất lượng và độ bền.

GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ GIẢI THƯỞNG

- Chất lượng của màng TECHNOMICOL được xác nhận bởi một số tổ chức chứng nhận quốc tế như FM (Mỹ), BBA (Anh), SINTEF (Na Uy), DBA (Hà Lan), SKZ (Đức) và nhiều tổ chức khác
- Giấy chứng nhận hợp quy theo Tiêu chuẩn Hài Hòa Châu Âu (đánh dấu CE theo EN 13956).
- Báo cáo thử nghiệm khả năng chống cháy bên ngoài (Broof (t1), Broof (t3)).

- Cập nhật liên tục các chương trình chứng nhận khác.

DỊCH VỤ ĐỘC ĐÁO

Cách tiếp cận toàn diện cho phép chúng tôi cung cấp dịch vụ cá nhân hóa cho từng khách hàng ở mức cao nhất:

- nhiều giải pháp đa dạng cho từng dự án khác nhau về mặt kỹ thuật;
- đầy đủ các phụ kiện và linh kiện cho từng hệ thống riêng lẻ;
- giám sát tại chỗ và kiểm soát chất lượng trong quá trình lắp đặt;
- tư vấn kỹ thuật cho các đối tác.

MỘT CÔNG CỤ ĐA NĂNG GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ PHỨC TẠP

Màng tổng hợp TECHNOMICOL là tinh hoa kinh nghiệm kỹ thuật hơn 20 năm của các chuyên gia, kỹ sư và công nghệ tận tâm với công việc và mục tiêu hàng ngày là thể hiện ý tưởng của khách hàng: nhà thầu, kiến trúc sư, nhà thiết kế. Công ty đang tích cực thúc đẩy các giải pháp chìa khóa trao tay để chống thấm mái nhà, nền móng và đường hầm. TECHNOMICOL sẵn sàng cung cấp giải pháp hệ thống hoàn chỉnh, lý tưởng cho từng dự án riêng lẻ. Hơn nữa, việc sử dụng màng tổng hợp cho phép tăng tốc độ thi công do chiều rộng cuộn hơn 2 m và khả năng hàn tự động.

PHẠM VI VẬT LIỆU

Công ty sẵn sàng cung cấp nhiều loại màng tổng hợp, được phân biệt theo lĩnh vực ứng dụng:

MÀNG LỚP

- Độ đàn hồi cao giúp dễ dàng lắp đặt.
- Khả năng chống đâm thủng và tác động cơ học.
- Bảo vệ đáng tin cậy khỏi bức xạ tia cực tím trong suốt thời gian sử dụng của màng thông qua hệ thống TRI-P® gồm chất chống cháy và chất ổn định bảo vệ đặc biệt.

MÀNG CHỐNG THẤM NGẦM

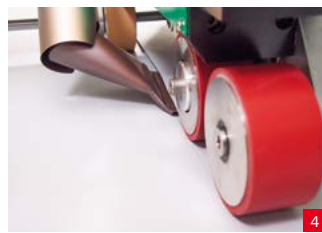
- Một lớp tín hiệu đặc biệt để phát hiện sớm các hư hỏng trên màng.
- Khả năng lắp đặt vật liệu trên bề mặt bê tông không bằng phẳng và ướt.
- Khả năng chống đâm thủng và tác động cơ học.
- Độ đàn hồi cao giúp dễ dàng lắp đặt.

MÀNG THOÁT NƯỚC

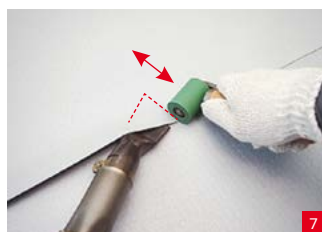
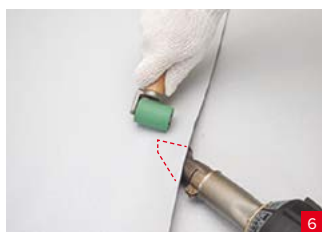
- Màng HDPE được sản xuất bằng phương pháp ép đùn.
- Bề mặt được định hình đặc biệt.
- Tính chất cơ học toàn diện.
- Vật liệu nhẹ và dễ lắp đặt cho nhiều mục đích khác nhau.



LẮP ĐẶT



1. Trải màng ra và đặt nó chồng lên nhau 12 cm cho các ốc vít. Màng được đánh dấu tại nhà máy với các đường chồng và đường vị trí các ốc vít để dễ dàng lắp đặt. Các cuộn nửa chiều rộng có thể được sử dụng ở các khu vực biên và góc quan trọng của tòa nhà.
2. Tất cả các bề mặt hàn phải sạch và khô. Thiết bị hàn khí nóng tự động LEISTER VARIMAT được khuyến nghị sử dụng để hàn các phần chồng lên nhau. Các cài đặt như tốc độ, lưu lượng không khí và nhiệt độ hàn có thể được điều chỉnh để phù hợp với nhiệt độ môi trường thay đổi.
3. Nhà khóa trên súng cơ khí; vòi phun phải nằm phẳng trên màng tiếp giáp với màng chồng lên nhau. Sau đó trượt vòi phun giữa hai màng cho đến khi súng cơ khí khóa lại.
4. Lúc này máy sẽ tự động di chuyển theo cài đặt đã được thiết lập.



5. Các góc của màng nên được bo tròn bằng kéo. Nên tránh tạo lớp chồng nhiều hơn ba tờ.
6. Trong trường hợp sử dụng thiết bị hàn khí nóng thủ công, nên thực hiện tiền hàn để tránh rò rỉ không khí ra khỏi vùng hàn. Mép sau của phần chồng lên nhau phải được hàn bằng mối hàn mỏng liên tục. Để thực hiện việc này, hãy lắp vòi của súng hơi nóng và di chuyển nhanh dọc theo màng cho đến độ dài hàn mong muốn bằng một sườn của con lăn ép màng vào mép vòi phun.
7. Để thực hiện mối hàn cuối cùng, lắp súng hơi nóng vào phần chồng lên nhau còn lại một góc 45°. Khi đã đạt đến nhiệt độ hàn thích hợp và màng bắt đầu “chảy”, con lăn tay được đặt vuông góc với vòi phun và ấn nhẹ. Di chuyển súng dọc theo mối nối, đồng thời di chuyển con lăn silicon qua mối nối.
8. Để kiểm tra chất lượng mối hàn, sử dụng một dải (tối thiểu 30 mm) gồm 2 màng hàn. Cắt dải và dùng tay kéo 2 màng hàn ra. Sự đứt gãy của mối hàn chất lượng cao sẽ xảy ra trên vật liệu cùng với việc lộ lưới gia cố, mối hàn không được bong ra.

VÍ DỤ CHI TIẾT CHỐNG THẤM



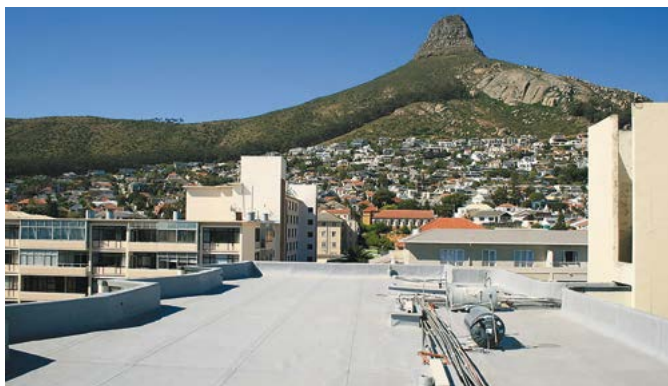
VẬN CHUYỂN VÀ BẢO QUẢN



- Các cuộn màng tổng hợp được vận chuyển trên các pallet.
- Tất cả các cuộn màng tổng hợp đều có nhãn màu trắng xác định độ dày, chiều dài và chiều rộng của màng.
- Mỗi cuộn được đóng gói trong một gói riêng bổ sung.
- Các cuộn màng tổng hợp phải được đặt trên các pallet được bảo vệ hoàn toàn chống ẩm bằng tấm bạt sạch.
- Giữ khoảng cách tối thiểu 1 m với bất kỳ nguồn nhiệt nào.

MÀNG PVC

MÀNG LỢP MÁI



LOGICROOF V-SR

MÀNG PVC DÈO KHÔNG ĐƯỢC GIA CỐ DÙNG ĐỂ GIA CỐ CÁC GÓC VÀ BỊT KÍN GIỮA CÁC CHI TIẾT MÁI NHÀ KHÁC NHAU

LOGICROOF V-SR là màng PVC đặc biệt không gia cố, được thiết kế để gia cố các góc và bịt kín các kết nối giữa các chi tiết mái khác nhau như đường ống, phễu, thiết bị sục khí và các vật nhô ra khác. Vật liệu được hàn vào lớp chống thấm chính bằng khí nóng.

Ưu điểm chính của vật liệu này là độ đàn hồi cao. Lớp trên cùng có khả năng chống chịu các yếu tố thời tiết và tia UV rất cao, trong khi lớp dưới cùng có khả năng chống đâm thủng cao.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	LOGICROOF V-SR
Độ dày, mm	EN 1849-2	1.5
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-2	1.8
Dài x rộng, m	EN 1848-2	20 x 2.1
Độ bền kéo L/T, MPa	EN 12311-2	≥16 / ≥15
Độ giãn dài khi đứt, %	EN 12311-2	≥200
Khả năng chống rách, N	EN 12310-2	≥150
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730 B	≥20
Khả năng chống va đập động trên nền cứng/ mềm, mm	EN 12691	≥800 / ≥1000
Khả năng chống bong tróc của mối nối, N/50 mm	EN 12316-2	≥400
Khả năng chống cắt của mối nối, N/50 mm	EN 12317-2	≥700
Khả năng gập lại ở nhiệt độ thấp, °C	EN 495-5	≤-30
Độ kín nước, kPa	EN 1928-2 B	≥10

LOGICROOF V-RP

MÀNG PVC GIA CỐ POLYESTER CHỐNG THẤM MỘT LỚP CHO MÁI BẰNG LỘ THIÊN

LOGICROOF V-RP là màng PVC chất lượng cao, được sử dụng để chống thấm một lớp cho mái bằng lộ thiên. Nó được cố định cơ học bằng cách hàn các lớp chồng lên nhau bằng khí nóng. LOGICROOF V-RP là màng tổng hợp nhiều lớp được gia cố bằng polyester được sản xuất bằng phương pháp ép đùn đồng thời trên cơ sở polyvinyl clorua dẻo chất lượng cao (PVC-P). Lớp trên cùng có khả năng chống chịu các yếu tố thời tiết và tia UV rất cao, trong khi lớp dưới cùng có khả năng chống đâm thủng cao.

Nó có thể được cung cấp với nhiều màu sắc khác nhau: xám, trắng, đỏ, xanh lá cây và xanh dương. Hiện có sẵn một biến thể với bề mặt kết cấu không trơn trượt của lớp trên cùng LOGICROOF V-RP (T).



LOGICROOF V-RP FB

MÀNG PVC GIA CỐ SỢI THỦY TINH VỚI LỚP VẢI ĐỊA KỸ THUẬT Ở DƯỚI ĐỂ CHỐNG THẤM MỘT LỚP CHO MÁI BẰNG LỘ THIÊN

LOGICROOF V-RP FB là màng PVC chất lượng cao với lớp vải địa kỹ thuật nhiều lớp ở mặt dưới, được thiết kế để sử dụng trong các hệ thống được kết dính hoàn toàn. Vật liệu này được sử dụng để chống thấm một lớp cho mái bằng lộ thiên. LOGICROOF V-RP FB là màng tổng hợp nhiều lớp được gia cố bằng polyester được sản xuất bằng phương pháp ép đùn đồng thời trên cơ sở polyvinyl clorua dẻo hóa chất lượng cao (PVC-P). Lớp trên cùng có khả năng chống chịu các yếu tố thời tiết và tia UV rất cao, trong khi lớp dưới cùng có khả năng chống đâm thủng cao. Hiện có sẵn một biến thể với bề mặt có họa tiết không trơn trượt của lớp trên cùng LOGICROOF V-RP FB (T).



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	LOGICROOF V-RP				LOGICROOF V-RP FB	
Độ dày, mm	EN 1849-2	1.2	1.5	1.8	2.0	1.5	2.0
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-2	1.5	1.8	2.2	2.7	1.9	2.8
Dài x rộng, m	EN 1848-2	25 x 2.1	20 x 2.1	15 x 2.1	15 x 2.1	20 x 2.1	15 x 2.1
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	EN 12311-2	≥1100 / ≥900				≥1100 / ≥900	
Độ giãn dài khi đứt, %	EN 12311-2	≥18				≥18	
Khả năng chống rách, N	EN 12310-2	≥150				≥150	
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730 B	≥20				≥20	
Khả năng chống va đập động trên nền cứng/mềm, mm	EN 12691	≥600 / ≥700	≥800 / ≥1000	≥1100 / ≥1500	≥1400 / ≥1800	≥800 / ≥1000	≥1400 / ≥1800
Khả năng chống bong tróc của mối nối, N/50 mm	EN 12316-2	≥300				≥300	
Khả năng chống cắt của mối nối, N/50 mm	EN 12317-2	≥700				≥700	
Khả năng gập lại ở nhiệt độ thấp, °C	EN 495-5	≤-30				≤-30	
Độ kín nước, kPa	EN 1928-2 B	≥10				≥10	

LOGICROOF V-GR

MÀNG PVC GIA CỐ SỢI THỦY TINH ĐỂ CHỐNG THẤM MỘT LỚP CHO MÁI BẰNG KHÔNG LỘ THIÊN NGƯỢC VÀ BALLAST

LOGICROOF V-GR là màng PVC gia cố bằng sợi thủy tinh chất lượng cao, được sử dụng để chống thấm một lớp cho mái bằng không lộ thiên ngược và ballast. Nó được đặt lòng lèo, trong khi các lớp phủ được hàn bằng khí nóng.

LOGICROOF V-GR là màng tổng hợp nhiều lớp được sản xuất bằng phương pháp ép đùn đồng thời trên cơ sở nhựa polyvinyl clorua dẻo chất lượng cao (PVC-P). Gia cố bằng sợi thủy tinh giúp tăng khả năng chống đâm thủng và ổn định kích thước.



LOGICROOF V-GR FB

MÀNG PVC GIA CỐ SỢI THỦY TINH VỚI LỚP VẢI ĐỊA KỸ THUẬT Ở DƯỚI ĐỂ CHỐNG THẤM MỘT LỚP CHO MÁI BẰNG LỘ THIÊN

LOGICROOF V-RP FB là màng PVC chất lượng cao với lớp vải địa kỹ thuật nhiều lớp ở mặt dưới, được thiết kế để sử dụng trong các hệ thống được kết dính hoàn toàn. Vật liệu này được sử dụng để chống thấm một lớp cho mái bằng lộ thiên. Nó được gắn chặt bằng keo, các phần chồng lên nhau phải được hàn bằng không khí nóng (mỗi cuộn có một mép không có lông cừu trên một mặt).

LOGICROOF V-RP FB là màng tổng hợp nhiều lớp được gia cố bằng polyester được sản xuất bằng phương pháp ép đùn đồng thời trên cơ sở polyvinyl clorua dẻo hóa chất lượng cao (PVC-P).

Hiện có sẵn một biến thể với bề mặt có họa tiết không trơn trượt của lớp trên cùng LOGICROOF V-RP FB (T).



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	LOGICROOF V-GR			LOGICROOF V-GR FB	
Độ dày, mm	EN 1849-2	1.5	2.0	2.4	1.5	2.0
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-2	1.8	2.5	3.2	1.9	2.8
Dài x rộng, m	EN 1848-2	20 x 2.1	15 x 2.1	15 x 2.1	20 x 2.1	15 x 2.1
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	EN 12311-2	≥800 / ≥600			≥800 / ≥600	
Độ giãn dài khi đứt, %	EN 12311-2	≥200			≥150	
Khả năng chống rách, N	EN 12310-2	≥180			≥200	
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730 B	≥20			≥20	
Khả năng chống va đập động trên nền cứng/mềm, mm	EN 12691	≥800 / ≥1000	≥1400 / ≥1800	≥1500 / ≥1900	≥800 / ≥1000	≥1400 / ≥1800
Khả năng chống bong tróc của mối nối, N/50 mm	EN 12316-2	≥350			≥350	
Khả năng chống cắt của mối nối, N/50 mm	EN 12317-2	≥700			≥700	
Khả năng gập lại ở nhiệt độ thấp, °C	EN 495-5	≤-25			≤-25	
Độ kín nước, kPa	EN 1928-2 B	≥10			≥10	

MÀNG CHỐNG THẤM NGẦM

LOGICBASE V-SL

MÀNG PVC KHÔNG GIA CỐ DÀNH CHO CHỐNG THẤM NGẦM

LOGICBASE V-SL là màng PVC chất lượng cao, được sử dụng để chống thấm đường hầm, móng, phần ngầm của các tòa nhà và công trình. Các tấm màng được hàn lại với nhau bằng khí nóng. Trên các bức tường và vòm đường hầm, vật liệu được cố định cơ học bằng các thanh cuộn PVC.

LOGICBASE V-SL là màng tổng hợp không gia cố được sản xuất bằng phương pháp ép đùn đồng thời trên cơ sở polyvinyl clorua dẻo chất lượng cao (PVC-P). Lớp tín hiệu màu vàng trên bề mặt trên của vật liệu cho phép phát hiện hư hỏng lớp chống thấm một cách nhanh chóng và dễ dàng. Ưu điểm của vật liệu là độ bền và độ đàn hồi cao, khả năng chống va đập cơ học và độ ổn định hóa học cao.



LOGICBASE V-ST

MÀNG PVC KHÔNG GIA CỐ ĐƯỢC DÙNG LÀM LỚP THỨ HAI TRONG HỆ THỐNG CHỐNG THẤM PVC HAI LỚP VỚI KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG CHÂN KHÔNG

LOGICBASE V-ST là màng PVC đặc biệt, được sử dụng để chống thấm đường hầm, móng, phần ngầm của các tòa nhà và công trình như lớp thứ hai trong hệ thống chống thấm PVC hai lớp với kiểm soát chất lượng chân không. Nó cũng được sử dụng làm lớp bảo vệ cho hệ thống chống thấm PVC. Vật liệu được hàn bằng khí nóng vào lớp chống thấm chính. Các đường nối chồng lên nhau được hàn bằng thiết bị hàn khí nóng.

LOGICBASE V-ST là màng tổng hợp không gia cố được sản xuất bằng phương pháp ép đùn đồng thời trên cơ sở polyvinyl clorua dẻo chất lượng cao (PVC-P). Bề mặt có kết cấu đặc biệt của vật liệu ngăn không cho hai màng của hệ thống chống thấm hai lớp dính vào nhau trong quá trình kiểm soát chất lượng chân không.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	LOGICBASE V-SL		LOGICBASE V-ST
Độ dày, mm	EN 1849-2	1.5	2.0	1.6
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-2	2.0	2.7	1.9
Dài x rộng, m	EN 1848-2	20 x 2.1		20 x 2.1
Độ bền kéo L/T, MPa	EN 12311-2	≥16 / ≥15		≥14 / ≥11
Độ giãn dài khi đứt, %	EN 12311-2	≥300		≥300
Khả năng chống rách, N	EN 12310-2	≥150		≥150
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730 B	≥20		≥20
Khả năng chống va đập động trên nền cứng/ mềm, mm	EN 12691	≥700 / ≥1000	≥1400 / ≥1800	≥700 / ≥1000
Khả năng chống bong tróc của mối nối, N/50 mm	EN 12316-2	≥300		≥300
Khả năng chống cắt của mối nối, N/50 mm	EN 12317-2	≥700		≥700
Khả năng gập lại ở nhiệt độ thấp, °C	EN 495-5	≤-30		≤-30
Độ kín nước, kPa	EN 1928-2 B	≥60		≥60

LOGICBASE V-PT

MÀNG PVC KHÔNG GIA CỐ DÙNG LÀM LỚP BẢO VỆ CHO HỆ THỐNG CHỐNG THẤM PVC

LOGICBASE V-PT là màng PVC đặc biệt, được sử dụng làm lớp bảo vệ cho hệ thống chống thấm PVC. Vật liệu được hàn bằng khí nóng vào lớp chống thấm chính tại một số điểm nhất định dọc theo toàn bộ khu vực. Các đường nối chồng lên nhau được hàn bằng thiết bị hàn khí nóng.

LOGICBASE V-PT là màng tổng hợp không gia cố được sản xuất bằng phương pháp ép đùn đồng thời trên cơ sở polyvinyl clorua dẻo chất lượng cao (PVC-P). Khả năng chống va đập cao của vật liệu đảm bảo sự bảo vệ đáng tin cậy cho lớp chống thấm chính khỏi hư hỏng cơ học trong quá trình thi công.



ECOBASE V-UV

MÀNG PVC MỘT LỚP KHÔNG GIA CỐ DÙNG ĐỂ CHỐNG THẤM CHO CÔNG TRÌNH NGẦM VÀ HỒ CHỨA HỒNG

ECOBASE V-UV là màng PVC chất lượng cao, được sử dụng để chống thấm nền móng, phần ngầm của các tòa nhà và công trình. Nó cũng được sử dụng để chống thấm các hồ chứa nhân tạo. Các tấm màng được hàn lại với nhau bằng khí nóng. Trên các bức tường và vòm đường hầm, vật liệu được cố định cơ học bằng các thanh cuộn PVC.

ECOBASE V-UV là màng tổng hợp một lớp không gia cố được sản xuất bằng phương pháp đồng đùn trên cơ sở polyvinyl clorua dẻo chất lượng cao (PVC-P).

Do khả năng chống tia cực tím nên nó có thể được sử dụng cho các lắp đặt lộ thiên.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	LOGICBASE V-PT		ECOBASE V-UV	
Độ dày, mm	EN 1849-2	1.5	2.0	1.5	2.0
Khối lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-2	2.0	2.6	2.0	2.6
Dài x rộng, m	EN 1848-2	20 x 2.1		20 x 2.1	
Độ bền kéo L/T, MPa	EN 12311-2	≥12 / ≥10		≥12 / ≥10	
Độ giãn dài khi đứt, %	EN 12311-2	≥200		≥200	
Khả năng chống rách, N	EN 12310-2	≥150		≥150	
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730 B	≥20		≥20	
Khả năng chống va đập động trên nền cứng/ mềm, mm	EN 12691	≥700 / ≥1000	≥1400 / ≥1800	≥700 / ≥1000	≥1400 / ≥1800
Khả năng chống bong tróc của mối nối, N/50 mm	EN 12316-2	≥300		≥300	
Khả năng chống cắt của mối nối, N/50 mm	EN 12317-2	≥700		≥600	
Khả năng gập lại ở nhiệt độ thấp, °C	EN 495-5	≤-25		≤-25	
Độ kín nước, kPa	EN 1928-2 B	≥60		≥60	

MÀNG TPO

MÀNG LỢP MÁI

SINTOFOIL RT

Màng chống thấm tổng hợp được sản xuất bằng cách ép đùn đồng thời olefin nhựa nhiệt dẻo TPO/FPA đàn hồi chống tia cực tím và hợp kim polypropylen dẻo với thêm gia cố bằng lưới polyester. Màng có màu sắc tương phản ở mặt trên và mặt dưới, cung cấp lớp tín hiệu để mọi hư hỏng xảy ra trong hoặc sau khi lắp đặt sẽ được phát hiện ngay lập tức.

Nó có phiên bản BIANCO REFLECTA, được sản xuất với mặt trên của màng (trên cùng) có màu trắng WHITE REFLECTA, bằng phương pháp xử lý được phát triển hàng loạt trong toàn bộ lớp bao phủ phần trên của phần gia cố. Quá trình này tăng cường các tính năng phản xạ và phát xạ giúp mái nhà có giá trị Chỉ số bức xạ mặt trời (SRI) đạt 102%. Nó cũng có sẵn trong các phiên bản chống cháy (hoạt động chống cháy bên ngoài), thuộc loại Broof theo EN 13501-5: SINTOFOIL RT/FR1, SINTOFOIL RT/FR2, SINTOFOIL RT/FR3 (tham khảo bảng dữ liệu cụ thể - SINTOFOIL RT/FR). Màng SINTOFOIL RT tuân thủ các yêu cầu đánh dấu CE, nếu có.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT			
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	1,2	1,5	1,8	2,0
SRI - Chỉ số bức xạ mặt trời, %	ASTM Standard E1980	102 ⁽¹⁾			
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	EN 12311-2	1100			
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	EN 12311-2	25			
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.5			
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40			
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	550 / 650			
Độ thấm hơi nước (hệ số cân μ)	EN 1931	50.000			
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25			
Khả năng chống va đập, mm	EN 12691/B	≥ 1200			
Sức kháng mưa đá, m/s	EN 13583	≥ 30			
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối			
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)			
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58			
Khả năng chống tia UV nhân tạo	EN 1297-5000 h	Không có hư hỏng bề mặt hoặc thay đổi đáng kể về linh hoạt lạnh theo EN 495/5			
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại E			
Tiếp xúc với lửa bên ngoài	EN 13501-5	Broof ⁽²⁾			
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ			
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm			

(1) Phiên bản Reflecta White
(2) Cũng có sẵn các phiên bản chống cháy (tiếp xúc với lửa bên ngoài) trong phân loại Broof theo EN 13501-5: SINTOFOIL RT/FR2, SINTOFOIL RT/FR3

SINTOFOIL RT FB

Màng chống thấm tổng hợp được sản xuất bằng cách ép đùn olefin nhựa nhiệt dẻo đàn hồi TPO/FPA chống tia cực tím và hợp kim polypropylen dẻo, với lớp gia cố bằng lưới polyester được liên kết ở mặt dưới bằng vải polyester không dệt. Màn này có màu sắc tương phản ở mặt trên và mặt dưới, cung cấp lớp tín hiệu để mọi hư hỏng xảy ra trong hoặc sau khi lắp đặt sẽ được phát hiện ngay lập tức.

Nó có phiên bản BIANCO REFLECTA, được sản xuất với mặt trên của màn (trên cùng) có màu trắng WHITE REFLECTA, bằng phương pháp xử lý được phát triển hàng loạt trong toàn bộ lớp bao phủ phần trên của cốt thép. Quá trình này tăng cường các tính năng phản xạ và phát xạ giúp mái nhà có giá trị Chỉ số bức xạ mặt trời (SRI) đạt 102%.

Màng SINTOFOIL RT FB tuân thủ các yêu cầu đánh dấu CE, nếu có.



SỬ DỤNG CỤ THỂ:

- Chống thấm được cố định cơ học trên mái lộ thiên.
- Các lớp chống thấm được lắp đặt độc lập dưới lớp bảo vệ cố định hoặc di động chịu tải nặng cho: mái tiếp xúc với người đi lại; mái nhà đảo ngược.

ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT			
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	1,2	1,5	1,8	2,0
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	EN 12311-2	1100 / 1100			
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	EN 12311-2	25 / 25			
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.5 / 0.5			
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40			
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	550 / 650 (*)			
Độ thấm hơi nước (hệ số cản μ)	EN 1931	50.000			
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25 (*)			
Khả năng chống va đập, mm	EN 12691/B	≥ 1800 (*)			
Sức kháng mưa đá, m/s	EN 13583	≥ 30			
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối			
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)			
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58			
Khả năng chống tia UV nhân tạo	EN 1297-5000 h	Không có hư hỏng bề mặt hoặc thay đổi đáng kể về linh hoạt lạnh theo EN 495/5			
Thay đổi độ bền kéo, Δ%	EN 12311-2	-5			
Thay đổi độ giãn dài khi đứt, Δ%	EN 12311-2	-5			
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại F			
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ			
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm			

(*) Các giá trị được chỉ định đề cập đến màng TPO / FPA không có lớp lót bằng vải polyester không dệt, ngoại trừ các giá trị được đánh dấu hoa thị (*), đề cập đến thành phẩm.

SINTOFOIL RG

Màng chống thấm tổng hợp được sản xuất bằng cách ép đùn olefin nhựa nhiệt dẻo TPO/FPA đàn hồi chống tia cực tím và hợp kim polypropylen dẻo với tấm gia cố bằng sợi thủy tinh giúp nó ổn định về kích thước. Màn này có màu sắc tương phản ở mặt trên và mặt dưới, cung cấp lớp tín hiệu để mọi hư hỏng xảy ra trong hoặc sau khi lắp đặt sẽ được phát hiện ngay lập tức.

Nó có phiên bản BIANCO REFLECTA, được sản xuất với mặt trên của màn (trên cùng) có màu trắng WHITE REFLECTA, bằng phương pháp xử lý được phát triển hàng loạt trong toàn bộ lớp phủ phần trên của phần gia cố. Quá trình này tăng cường các tính năng phản xạ và phát xạ giúp mái nhà có giá trị Chỉ số bức xạ mặt trời (SRI) đạt 102%.

Nó cũng có sẵn trong các phiên bản chống cháy (tiếp xúc với lửa bên ngoài) trong phân loại Broof theo EN 13501-5: SINTOFOIL RG/FR1, SINTOFOIL RG/FR2, SINTOFOIL RG/FR3, SINTOFOIL RG/FR4 (tham khảo bảng dữ liệu cụ thể - SINTOFOIL RG/FR). Màn SINTOFOIL RG tuân thủ các yêu cầu đánh dấu CE, nếu có.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT			
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	1,2	1,5	1,8	2,0
SRI - Chỉ số bức xạ mặt trời, %	ASTM Standard E1980	102 ⁽¹⁾			
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	EN 12311-2	600 / 550	650 / 600	750 / 750	800 / 800
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	EN 12311-2	700 / 700			
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.1			
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40			
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	390 / 290	450 / 400	500 / 450	600 / 550
Độ thấm hơi nước (hệ số cản μ)	EN 1931	50.000			
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25			
Khả năng chống va đập, mm	EN 12691/B	≥ 1000			
Sức kháng mưa đá, m/s	EN 13583	≥ 30			
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối			
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)			
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58			
Khả năng chống tia UV nhân tạo	EN 1297-5000 h	Không có hư hỏng bề mặt hoặc thay đổi đáng kể về linh hoạt lạnh theo EN 495/5			
Thay đổi độ bền kéo, Δ%	EN 12311-2	-5			
Thay đổi độ giãn dài khi đứt, Δ%	EN 12311-2	-5			
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại E			
Tiếp xúc với lửa bên ngoài	EN 13501-5	Broof ⁽²⁾			
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ			
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm			

(1) Phiên bản Reflecta White
(2) Cũng có sẵn các phiên bản chống cháy (tiếp xúc với lửa bên ngoài) trong phân loại Broad theo EEN 13501-5: SINTOFOIL RG/FR 1, SINTOFOIL RG/FR 2, SINTOFOIL RG/FR3, SINTOFOIL RG/FR4.

SINTOFOIL RG FB

Màng chống thấm tổng hợp được sản xuất bằng cách ép đùn olefin nhựa nhiệt dẻo TPO/FPA đàn hồi chống tia cực tím và hợp kim polypropylen dẻo với tấm gia cố bằng sợi thủy tinh giúp nó ổn định về kích thước. Màn này có màu sắc tương phản ở mặt trên và mặt dưới, cung cấp lớp tín hiệu để mọi hư hỏng xảy ra trong hoặc sau khi lắp đặt sẽ được phát hiện ngay lập tức.

Nó có phiên bản BIANCO REFLECTA, được sản xuất với mặt trên của màng (trên cùng) có màu trắng WHITE REFLECTA, bằng phương pháp xử lý được phát triển hàng loạt trong toàn bộ lớp phủ phần trên của phần gia cố. Quá trình này tăng cường các tính năng phản xạ và phát xạ giúp mái nhà có giá trị Chỉ số bức xạ mặt trời (SRI) đạt 102%.

SỬ DỤNG CỤ THỂ:

- Các lớp chống thấm được lắp đặt độc lập dưới lớp bảo vệ cố định hoặc di động chịu tải nặng cho: mái tiếp xúc với người đi lại; mái nhà đảo ngược.
- Chống thấm được cố định cơ học trên mái lộ thiên.
- Lắp đặt hệ thống mái dính hoàn toàn bằng keo dán.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT			
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	1,2	1,5	1,8	2,0
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	EN 12311-2	600 / 550	650 / 600	750 / 750	800 / 800
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	EN 12311-2	700 / 700			
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.1			
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40			
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	500/450 (*)	650/600 (*)	650/600 (*)	850/800 (*)
Độ thấm hơi nước (hệ số cản μ)	EN 1931	50.000			
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25 (*)			
Khả năng chống va đập, mm	EN 12691/B	≥ 1000 (*)			
Sức kháng mưa đá, m/s	EN 13583	≥ 30			
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối			
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)			
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58			
Khả năng chống tia UV nhân tạo	EN 1297-5000 h	Không có hư hỏng bề mặt hoặc thay đổi đáng kể về linh hoạt lạnh theo EN 495/5			
Thay đổi độ bền kéo, Δ%	EN 12311-2	-5			
Thay đổi độ giãn dài khi đứt, Δ%	EN 12311-2	-5			
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại F			
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ			
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm			

(*) Các giá trị được chỉ định đề cập đến màng TPO / FPA không có lớp lót bằng vải polyester không dệt, ngoại trừ các giá trị được đánh dấu hoa thị (*), đề cập đến thành phẩm.

SINTOFOIL ST

Màng chống thấm tổng hợp được sản xuất bằng cách ép đùn đồng nhất olefin nhựa nhiệt dẻo TPO/FPA chống tia cực tím và hợp kim polypropylen dẻo.

Màng này có màu sắc tương phản ở mặt trên và mặt dưới, cung cấp lớp tín hiệu để mọi hư hỏng xảy ra trong hoặc sau khi lắp đặt sẽ được phát hiện ngay lập tức. Màng SINTOFOIL ST tuân thủ các yêu cầu đánh dấu CE, nếu có.

Màng Sintofoil được thiết kế để dễ dàng gắn bằng súng hơi nóng vì không cần chất kết dính hoặc bất kỳ loại vật liệu nào khác.

SỬ DỤNG CỤ THỂ:

- Các lớp chống thấm được áp dụng độc lập dưới lớp bảo vệ cố định hoặc di động chịu tải nặng cho mái tiếp xúc với người đi lại và vườn trên mái.
- Chống thấm được cố định cơ học trên mái lộ thiên.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT			
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	1,2	1,5	1,8	2,0
Độ bền kéo L/T, N/mm ²	EN 12311-2	16 / 15			
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	EN 12311-2	700 / 700			
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.5			
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40			
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	330 / 240	450 / 400	550 / 500	650 / 600
Độ thấm hơi nước (hệ số cân μ)	EN 1931	90.000			
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25			
Khả năng chống va đập, mm	EN 12691/B	≥ 1000			
Sức kháng mưa đá, m/s	EN 13583	≥ 30			
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối			
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)			
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58			
Khả năng chống tia UV nhân tạo	EN 1297-5000 h	Không có hư hỏng bề mặt hoặc thay đổi đáng kể về linh hoạt lạnh theo EN 495/5			
Thay đổi độ bền kéo, Δ%	EN 12311-2	-5			
Thay đổi độ giãn dài khi đứt, Δ%	EN 12311-2	-5			
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại E			
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ			
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm			
Tiếp xúc với nước uống	Tiếp xúc với nước uống Nghị định của Bộ trưởng Ý 26-04-93 n. 220 - O.J. no. 162 /13-07-1993 và các sửa đổi				Thích hợp

SINTOFOIL FB

Màng chống thấm tổng hợp được sản xuất bằng cách ép đùn olefin nhựa nhiệt dẻo đàn hồi TPO/FPA chống tia cực tím và hợp kim polypropylen dẻo, với lớp gia cố bằng lưới polyester được liên kết ở mặt dưới bằng vải polyester không dệt. Màn này có màu sắc tương phản ở mặt trên và mặt dưới, cung cấp lớp tín hiệu để mọi hư hỏng xảy ra trong hoặc sau khi lắp đặt sẽ được phát hiện ngay lập tức.

Nó có phiên bản BIANCO REFLECTA, được sản xuất với mặt trên của màn (trên cùng) có màu trắng WHITE REFLECTA, bằng phương pháp xử lý được phát triển hàng loạt trong toàn bộ lớp bao phủ phần trên của cốt thép. Quá trình này tăng cường các tính năng phản xạ và phát xạ giúp mái nhà có giá trị Chỉ số bức xạ mặt trời (SRI) đạt 102%. Màn SINTOFOIL FB tuân thủ các yêu cầu đánh dấu CE, nếu có.



SỬ DỤNG CỤ THỂ:

- Chống thấm bằng keo dính trên mái lộ thiên, được thi công bằng KEO FB/SF riêng.
- Cài tạo vật liệu phủ bitum chống thấm.
- Các lớp chống thấm được thi công độc lập dưới lớp bảo vệ cố định hoặc di động chịu tải nặng cho: mái có nhiều người đi qua lại và vườn trên mái.
- Chống thấm được cố định bằng cơ học trên mái lộ thiên.

ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT			
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	1,2	1,5	1,8	2,0
Tensile strength L/T, N/mm ²	EN 12311-2	16 / 15			
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	EN 12311-2	700 / 700			
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.5			
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40			
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	450/400 (*)	650/600 (*)	800/750 (*)	900/850 (*)
Độ thấm hơi nước (hệ số cản μ)	EN 1931	90.000			
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25 (*)			
Khả năng chống va đập, mm	EN 12691/B	≥ 1800 (*)			
Sức kháng mưa đá, m/s	EN 13583	≥ 30			
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối			
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)			
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58			
Khả năng chống tia UV nhân tạo	EN 1297-5000 h	Không có hư hỏng bề mặt hoặc thay đổi đáng kể về linh hoạt lạnh theo EN 495/5			
Thay đổi độ bền kéo, Δ%	EN 12311-2	-5			
Thay đổi độ giãn dài khi đứt, Δ%	EN 12311-2	-5			
Phản ứng với lửa	EN 13501-1	Loại F			
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ			
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm			

(*) Các giá trị được chỉ định đề cập đến màn TPO / FPA không có lớp lót bằng vải polyester không dệt, ngoại trừ các giá trị được đánh dấu hoa thị (*), đề cập đến thành phẩm.

MÀNG CHỐNG THẤM NGẦM

SINTOFOIL ST WPS

Màng chống thấm tổng hợp được sản xuất bằng cách ép đùn đồng nhất một hợp kim polyolefin đàn hồi có độ dẻo cao. Màng này có màu sắc tương phản ở mặt trên và mặt dưới, cung cấp lớp tín hiệu để mọi hư hỏng xảy ra trong hoặc sau khi lắp đặt sẽ được phát hiện ngay lập tức. Nó không có khả năng chống tia cực tím. Màng SINTOFOIL ST WPS tuân thủ các yêu cầu đánh dấu CE, nếu có.

Màng SINTOFOIL TPO/FPA được hàn bằng thiết bị hàn khí nóng, chẳng hạn như máy hàn khí nóng thủ công hoặc tự động có điều khiển nhiệt độ.

SỬ DỤNG CỤ THỂ:

- Màng SINTOFOIL ST WPS được khuyến dùng để chống thấm các công trình ngầm: móng, tường chắn, đường hầm tự nhiên và nhân tạo.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT		
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	1,5	1,8	2,0
Mật độ, kg/m ²	EN 1849-2	1,35	1,62	1,80
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	12311-2/ISO 527	15 / 15		
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	12311-2/ISO 527	600 / 600		
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.5		
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40		
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	450 / 400	550 / 500	650 / 600
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25		
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối		
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)		
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58		
Độ bền: Chống thấm sau quá trình lão hóa nhiệt	EN 1926 EN 1928	Đạt thử nghiệm at 60 kPa		
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ		
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm		

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT				
Độ dày (*)	mm	1,5	1,8	2,0
Chiều rộng	m	2.10	2.10	2.10
Chiều dài (*)	m	25	20	20
Màu sắc (*)	Be / Đen			

(*) Độ dày, chiều dài và màu sắc khác nhau có sẵn theo yêu cầu và dành cho số lượng tối thiểu.

SINTOFOIL ST WPS PT

Màng tổng hợp được sản xuất bằng cách ép đùn đồng nhất một hợp kim polyolefin đàn hồi có tính linh hoạt cao. Nó không có khả năng chống tia cực tím.

Nó được khuyến dùng làm lớp bảo vệ của hệ thống chống thấm tổng hợp trong TPO/FPA cho các công trình ngầm.

Màng Sintofoil được thiết kế để dễ dàng gắn bằng súng hơi nóng vì không cần chất kết dính hoặc bất kỳ loại vật liệu nào khác.

Màng SINTOFOIL TPO/FPA được hàn bằng thiết bị hàn khí nóng, chẳng hạn như máy hàn khí nóng thủ công hoặc tự động có điều khiển nhiệt độ.



SỬ DỤNG CỤ THỂ:

- Màng SINTOFOIL ST WPS PT thích hợp để bảo vệ hệ thống chống thấm cho các công trình ngầm: móng, tường chắn.

ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	2,0
Mật độ, kg/m ²	EN 1849-2	1,80
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	12311-2/ISO 527	15 / 15
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	12311-2/ISO 527	600 / 600
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.5
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	650 / 600
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58
Độ bền: Chống thấm sau quá trình lão hóa nhiệt	EN 1926 EN 1928	Đạt thử nghiệm at 60 kPa
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT		
Độ dày (*)	mm	2.0
Chiều rộng	m	2.10
Chiều dài (*)	m	20
Màu sắc (*)		Đen

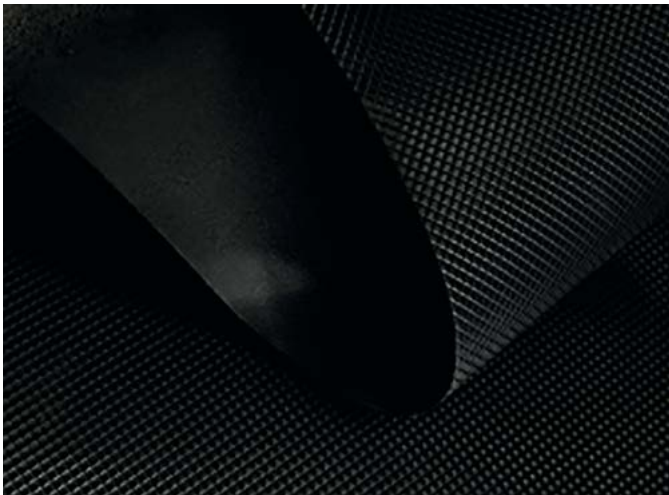
(*) Độ dày, chiều dài và màu sắc khác nhau có sẵn theo yêu cầu và dành cho số lượng tối thiểu.

SINTOFOIL ST WPS ST

Màng chống thấm tổng hợp không gia cố được sản xuất bằng cách ép đùn đồng nhất hợp kim polyolefin đàn hồi có độ linh hoạt cao.

Nó được sử dụng để chống thấm đường hầm, móng, phần ngầm của các tòa nhà và công trình như lớp thứ hai trong hệ thống chống thấm hai lớp với kiểm soát chất lượng chân không. Bề mặt có kết cấu đặc biệt của vật liệu giúp ngăn hai màng của hệ thống chống thấm hai lớp dính vào nhau trong quá trình kiểm soát chất lượng chân không. Nó không có khả năng chống tia cực tím. Màng SINTOFOIL ST WPS ST tuân thủ các yêu cầu đánh dấu CE, nếu có.

Màng SINTOFOIL TPO/FPA được hàn bằng thiết bị hàn khí nóng, chẳng hạn như máy hàn khí nóng thủ công hoặc tự động có điều khiển nhiệt độ.



SỬ DỤNG CỤ THỂ:

- Màng SINTOFOIL ST WPS PT thích hợp để bảo vệ hệ thống chống thấm cho các công trình ngầm: móng, tường chắn.

ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	2,0
Sự xuất hiện của bề mặt trên		định rõ
Mật độ, kg/m ²	EN 1849-2	1,80
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	12311-2/ISO 527	15 / 15
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	12311-2/ISO 527	600 / 600
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.5
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	650 / 600
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58
Độ bền: Chống thấm sau quá trình lão hóa nhiệt	EN 1926 EN 1928	Đạt thử nghiệm at 60 kPa
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT		
Độ dày (*)	mm	2.0
Chiều rộng	m	2.10
Chiều dài (*)	m	20
Màu sắc (*)		Đen

(*) Độ dày, chiều dài và màu sắc khác nhau có sẵn theo yêu cầu và dành cho số lượng tối thiểu.

SINTOFOIL RG WPS

Màng chống thấm tổng hợp được sản xuất bằng cách ép đùn đồng nhất hợp kim polyolefin đàn hồi có độ dẻo cao với tấm gia cố bằng sợi thủy tinh giúp nó ổn định về kích thước.

Màng này có màu sắc tương phản ở mặt trên và mặt dưới, cung cấp lớp tín hiệu để mọi hư hỏng xảy ra trong hoặc sau khi lắp đặt sẽ được phát hiện ngay lập tức. Nó không có khả năng chống tia cực tím. Màng SINTOFOIL RG WPS tuân thủ các yêu cầu đánh dấu CE, nếu có.

Màng Sintofoil được thiết kế để dễ dàng gắn bằng súng hơi nóng vì không cần chất kết dính hoặc bất kỳ loại vật liệu nào khác.

Màng SINTOFOIL TPO/FPA được hàn bằng thiết bị hàn khí nóng, chẳng hạn như máy hàn khí nóng thủ công hoặc tự động có điều khiển nhiệt độ.



SỬ DỤNG CỤ THỂ:

- Màng SINTOFOIL RG WPS được khuyến dùng để chống thấm cho các công trình ngầm: móng, tường chắn.

ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	HIỆU SUẤT		
Độ dày tiêu chuẩn, mm	EN 1849-2	1,5	1,8	2,0
Mật độ, kg/m ²	EN 1849-2	1,37	1,64	1,82
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	12311-2/ISO 527	650 / 600	750 / 750	800 / 800
Độ giãn dài khi đứt L/T, %	12311-2/ISO 527	600 / 600		
Độ ổn định kích thước, %	EN 1107-2	≤ 0.1		
Linh hoạt lạnh, °C	EN 495/5	≤ -40		
Khả năng chống rách L/T, N	EN 12310/1	450 / 400	500 / 450	600 / 550
Khả năng chịu tải trọng tĩnh, kg	EN 12730/B	≥ 25		
Độ kín nước (60 kPa)	EN 1928	Tuyệt đối		
Độ bền của mối nối: Độ bền kéo, N/cm	EN 12317-2	Tuân thủ (mẫu thử không thành công bên ngoài khu vực liên kết)		
Độ bền của mối nối: Bong tróc, N/cm	EN 12316-2	≥ 58		
Độ bền: Chống thấm sau quá trình lão hóa nhiệt	EN 1926 EN 1928	Đạt thử nghiệm at 60 kPa		
Khả năng kháng tảo và vi sinh vật	ISO 846 Level 2	Tuân thủ		
Khả năng kháng rễ	EN 13948	Đạt thử nghiệm		

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT				
Độ dày (*)	mm	1,5	1,8	2,0
Chiều rộng	m	2.10	2.10	2.10
Chiều dài (*)	m	25	20	20
Màu sắc (*)	Beige / Đen			

(*) Độ dày, chiều dài và màu sắc khác nhau có sẵn theo yêu cầu và dành cho số lượng tối thiểu.

MÀNG HDPE

ULTRABASE PA

MÀNG HDPE ỨNG DỤNG TRƯỚC LIÊN KẾT VỚI BÊ TÔNG ĐỔ

ULTRABASE PA là màng HDPE ứng dụng trước hiệu suất cao được thiết kế để chống thấm nền móng, đường hầm và các công trình kỹ thuật khác. Vật liệu này đại diện cho các tấm composite của màng HDPE dày với hợp chất kết dính đặc biệt phản ứng với vữa ướt và một lớp kết dính hoàn hảo. Màng chống thấm liên kết trực tiếp với bê tông, do đó bịt kín và ngăn chặn mọi sự xâm nhập của nước xung quanh kết cấu, ngay cả trong trường hợp đất lắng đọng. Màng ULTRABASE PA không cần bảo vệ trước khi lắp lại.

Màng HDPE ứng dụng trước ULTRABASE PA được sử dụng để chống thấm nền móng, đường hầm, phần ngầm của các tòa nhà và công trình trong hệ thống thi công trước với bê tông lỏng đổ lên trên vật liệu.



ULTRABASE PA Sand Finish

MÀNG HDPE ỨNG DỤNG TRƯỚC LIÊN KẾT VỚI BÊ TÔNG ĐỔ

ULTRABASE PA (finish cát) là màng HDPE ứng dụng trước hiệu suất cao được thiết kế để chống thấm nền móng, đường hầm và các công trình kỹ thuật khác. Vật liệu này đại diện cho các tấm composite của màng HDPE dày với một hợp chất keo đặc biệt với áp suất đặc biệt được bảo vệ bằng cát phản ứng với vữa ướt và tạo ra một lớp kết dính hoàn hảo. Màng chống thấm liên kết trực tiếp với bê tông, do đó bịt kín và ngăn chặn mọi sự xâm nhập của nước xung quanh kết cấu, ngay cả trong trường hợp đất lắng đọng.

Màng HDPE thi công trước ULTRABASE PA (finish cát) được sử dụng để chống thấm nền móng, đường hầm, phần ngầm của các tòa nhà và công trình trong hệ thống thi công trước với bê tông lỏng đổ lên trên vật liệu.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ULTRABASE PA	ULTRABASE PA Sand Finish
Độ dày, mm	-	1.2; 1.5; 1.8	1.2; 1.5; 1.8
Dài x rộng, m	-	20 x 1.2, 20 x 1.5, 20 x 2.0	20 x 1.5, 20 x 2.0, 20 x 3.0
Độ bền kéo L/T, MPa	ASTM D 412 -2016	>25±2	>25±2
Độ giãn dài khi đứt, %	ASTM D 412 -2016	≥620	≥620
Khả năng chống rách dính, N	ASTM E154	≥400	≥400
Khả năng chống đâm thủng, N	ASTM E 154	>950	>950
Khả năng chịu nhiệt ở 70°C trong 2 giờ	-	Đạt	Đạt
Khả năng gập lại ở nhiệt độ thấp, °C	-	≤-25	≤-25
Độ bám dính của lớp chống	ASTM D 1876	>1500	>1500
Khả năng chịu áp suất thủy tĩnh, m	ASTM D 5385	>70	>70
Cường độ bong tróc của bê tông đúc sau, N/m	ASTM D 903	≥1500	≥1500

MÀNG DIMPLE (THOÁT NƯỚC)

PLANTER standard

MÀNG HDPE DIMPLE BẢO VỆ LỚP CHỐNG THẤM, LẮP ĐẶT LỚP CHUẨN

BỊ CHO TẤM MÓNG

PLANTER Standard là màng định hình được sản xuất bằng phương pháp ép đùn trên nền polyetylen mật độ cao (HDPE), được sử dụng cho:

- bảo vệ lớp chống thấm khỏi hư hỏng cơ học;
- lắp đặt lớp chuẩn bị cho tấm móng;
- bảo vệ nền móng khỏi độ ẩm mao dẫn;
- vệ sinh các bức tường ẩm ướt.

Vật liệu này rất nhẹ và dễ lắp đặt, nó có đặc tính cường độ cao. PLANTER có khả năng kháng hóa chất, nấm mốc và vi khuẩn, rễ cây và tia cực tím. Vật liệu được bao phủ bởi các núp hình nón có chiều cao 8 mm và đường kính 10 mm. Màng được gắn chặt bằng cơ học, các phần chồng lên nhau được dán kín bằng băng dính NICOBAND.



PLANTER geo

MÀNG HDPE DIMPLE VỚI VẢI ĐỊA KỸ THUẬT DÀNH CHO LẮP ĐẶT THOÁT NƯỚC CHO NỀN MÓNG, MÁI BALLAST VÀ MÁI XANH

PLANTER geo là màng định hình hai lớp. Lớp vật liệu đầu tiên được sản xuất bằng phương pháp ép đùn trên cơ sở polyetylen mật độ cao (HDPE) được bao phủ bởi các núp hình nón có chiều cao 8 mm và đường kính 10 mm. Lớp thứ hai là vải địa kỹ thuật giới hạn nhiệt được dán vào màng.

Vật liệu được sử dụng cho:

- lắp đặt hệ thống thoát nước dọc và ngang cho nền móng;
- lắp đặt lớp thoát nước, lớp bảo vệ và ngăn cách cho mái ballast và mái xanh.

Vật liệu này rất nhẹ và dễ lắp đặt, nó có đặc tính cường độ cao. PLANTER có khả năng kháng hóa chất, nấm mốc và vi khuẩn, rễ cây và tia cực tím. Màng được gắn chặt bằng cơ học, các phần chồng lên nhau được dán kín bằng băng dính NICOBAND.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	PLANTER standard	PLANTER geo
Cường độ nén, kPa	EN 604	≥280	≥350
Trọng lượng trên một đơn vị diện tích, kg/m ²	EN 1849-2	0.55	0.65
Dài x rộng, m	EN 1848-2	20 x 2.0	15 x 2.0
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	EN 12311-2	≥280 / ≥280	≥420 / ≥420
Độ giãn dài khi đứt, %	EN 12311-2	≥20	≥30
Chiều cao núp, mm	EN 1849-2	8	8
Tốc độ dòng nước, l/m ² *giây	-	-	5.1

PHIM XÂY DỰNG



MÀNG KHUẾCH TÁN

TECHNONICOL ALPHA TOP

MÀNG KHUẾCH TÁN VẢI KHÔNG DỆT CHUYÊN DỤNG CÓ TÍNH NĂNG HẤP PHỤ

Màng khuếch tán TECHNOMICOL ALPHA TOP được thiết kế để bảo vệ lớp cách nhiệt của mái dốc và hệ thống mặt tiền thông gió khô tác động có hại của nước, gió và bụi. Do khả năng thấm hơi cao, màng góp phần loại bỏ độ ẩm dư thừa khỏi các cấu trúc tòa nhà, do đó tăng tuổi thọ sử dụng mà không cần sửa chữa và cắt giảm chi phí năng lượng.

Nó có những ưu điểm sau:

- Khả năng hấp phụ và giữ ẩm trong thời gian có độ ẩm cao và loại bỏ độ ẩm tích tụ trong mùa khô – thích hợp sử dụng ở những vùng có độ ẩm chênh lệch lớn;
- Nhờ độ bền cao, màng có thể chịu được tải trọng cơ học bổ sung và trọng lượng của thợ lợp mái;
- Các vạch đánh dấu ở mặt trên của vật liệu giúp cho việc lắp đặt dễ dàng hơn, đặc biệt là ở những phần chồng lớp;
- Bề mặt mờ chống chói đảm bảo an toàn cho công tác lợp mái;
- Chống nấm mốc và vi khuẩn.



TECHNONICOL ALPHA VENT

MÀNG KHUẾCH TÁN BA LỚP CÓ DẢI CHỒNG LÊN NHAU TỰ DÍNH THEO CHIỀU DỌC

Màng khuếch tán TECHNOMICOL ALPHA VENT được thiết kế để bảo vệ lớp cách nhiệt của mái dốc và hệ thống mặt tiền thông gió khô tác động có hại của nước, gió và bụi. Do khả năng thấm hơi cao, màng góp phần loại bỏ độ ẩm dư thừa khỏi các cấu trúc tòa nhà, do đó tăng tuổi thọ sử dụng mà không cần sửa chữa và cắt giảm chi phí năng lượng.

Nó có những ưu điểm sau:

- Dải chồng lên nhau tự dính theo chiều dọc làm tăng sự tiện lợi và tốc độ thi công;
- Có sẵn nhiều loại mật độ bề mặt để phù hợp với bất kỳ dự án và khu vực ứng dụng nào;
- Các vạch đánh dấu ở mặt trên của vật liệu giúp cho việc lắp đặt dễ dàng hơn, đặc biệt là ở những phần chồng lớp;
- Bề mặt mờ chống chói đảm bảo an toàn cho công tác lợp mái;
- Chống nấm mốc và vi khuẩn.



ĐẶC TÍNH	TECHNONICOL ALPHA TOP	TECHNONICOL ALPHA VENT 180	TECHNONICOL ALPHA VENT 150	TECHNONICOL ALPHA VENT 130	TECHNONICOL ALPHA VENT 110
Mật độ bề mặt, g/m ²	190±5%	180±5%	150±5%	130±5%	110±5%
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	≥350 / ≥200	≥280 / ≥190	≥220 / ≥160	≥200 / ≥130	≥140 / ≥70
Độ thấm hơi, g/m ² ×24 giờ	-	≥1600	≥1600	≥1600	≥1400
Độ thấm hơi, hệ số Sd, m	≈0.150	≈0.020	≈0.020	≈0.020	≈0.015
Khả năng chống nước ở áp suất 60 kPa trong 24 giờ	Class W1	Class W1	Class W1	Class W1	Class W1
Khả năng chống tia cực tím, tháng	≥6	≥3	≥3	≥3	≥2
Chiều dài, m	50±5%	50±5%	50±5%	50±5%	50±5%
Chiều rộng, m	1.5±1%	1.5±1%	1.5±1%	1.5±1%	1.5±1%

PHIM CẢN HƠI

TECHNONICOL ALPHA BARRIER 4.0

PHIM CẢN HƠI NƯỚC GIA CỐ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG BỐN LỚP VỚI LỚP PHỦ NHÔM

Phim TECHNONICOL ALPHA BARRIER 4.0 được sử dụng để tạo rào cản hơi trên mái dốc, mái bằng, sàn và tường của khung nhà. Nó có thể được áp dụng trong các tòa nhà có bất kỳ điều kiện độ ẩm bên trong nào, bao gồm cả nội thất ẩm ướt. TECHNONICOL ALPHA BARRIER 4.0 là màng polyetylen gia cố tiết kiệm năng lượng bốn lớp với lớp phủ nhôm được bảo vệ bằng lớp phủ polyester trong suốt. Nó có những ưu điểm sau:

- Lớp nhôm cung cấp khả năng bảo vệ tuyệt vời chống lại sự xâm nhập của hơi nước vào lớp cách nhiệt và cấu trúc nói chung, nhờ đó tăng tuổi thọ sử dụng mà không cần sửa chữa;
- Nó cũng góp phần tiết kiệm năng lượng đồng thời phản xạ một phần đáng kể năng lượng nhiệt vào bên trong ngôi nhà, do đó giảm chi phí điều hòa không khí và sưởi ấm;
- Gia cố lưới và tăng mật độ bề mặt đảm bảo độ bền cao của màng, cho phép màng chịu được tải trọng cách nhiệt và độ co ngót của các bộ phận kết cấu;
- Chất liệu này có độ đàn hồi vượt trội ngay cả ở nhiệt độ dưới 0.



TECHNONICOL ALPHA BARRIER 3.0

PHIM RÀO CẢN HƠI GIA CỐ BA LỚP TRONG MỜ

Phim TECHNONICOL ALPHA BARRIER 3.0 được sử dụng để tạo rào cản hơi trên mái dốc và tường của khung nhà. Nó có thể được áp dụng trong các tòa nhà có điều kiện độ ẩm bên trong khô và bình thường. TECHNONICOL ALPHA BARRIER 3.0 là màng polyetylen gia cố trong mờ ba lớp với lớp lót không dệt. Nó có những ưu điểm sau:

- Nhờ cấu trúc trong suốt, màng cho phép phát hiện và sửa chữa kịp thời các khiếm khuyết về cách nhiệt, đồng thời cung cấp khả năng kiểm soát chất lượng trực quan của các công việc đã thực hiện và tình trạng của các tiện ích;
- Các vạch đánh dấu ở mặt trên của vật liệu giúp cho việc lắp đặt dễ dàng hơn, đặc biệt là ở các phần chồng lớp;
- Gia cố lưới và tăng mật độ bề mặt đảm bảo độ bền cao của màng, giúp màng chịu được tải trọng cách nhiệt và độ co ngót của các bộ phận kết cấu;
- Chất liệu này có độ đàn hồi vượt trội ngay cả ở nhiệt độ dưới 0.



ĐẶC TÍNH	TECHNONICOL ALPHA BARRIER 4.0	TECHNONICOL ALPHA BARRIER 3.0
Mật độ bề mặt, g/m ²	180±5%	100±5%
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	≥450 / ≥450	≥300 / ≥300
Độ thấm hơi, hệ số Sd, m	150	20
Khả năng chống nước ở áp suất 60 kPa trong 24 giờ	Class W1	Class W1
Khả năng chống tia cực tím, tháng	≥2	≥2
Chiều dài, m	50±5%	50±5%
Chiều rộng, m	1.5±1%	1.5±1%

TECHNICOL ALPHA BARRIER 2.0

PHIM RÀO CẢN HƠI KHÔNG GIA CỐ HAI LỚP

TECHNICOL ALPHA BARRIER 2.0 được sử dụng để tạo màng chắn hơi trên mái dốc và tường của khung nhà. Nó có thể được áp dụng trong các tòa nhà có điều kiện độ ẩm bên trong khô và bình thường.

TECHNICOL ALPHA BARRIER 2.0 là màng không gia cố hai lớp với đế bằng vải không dệt và lớp phủ polyolefin. Nó có những ưu điểm sau:

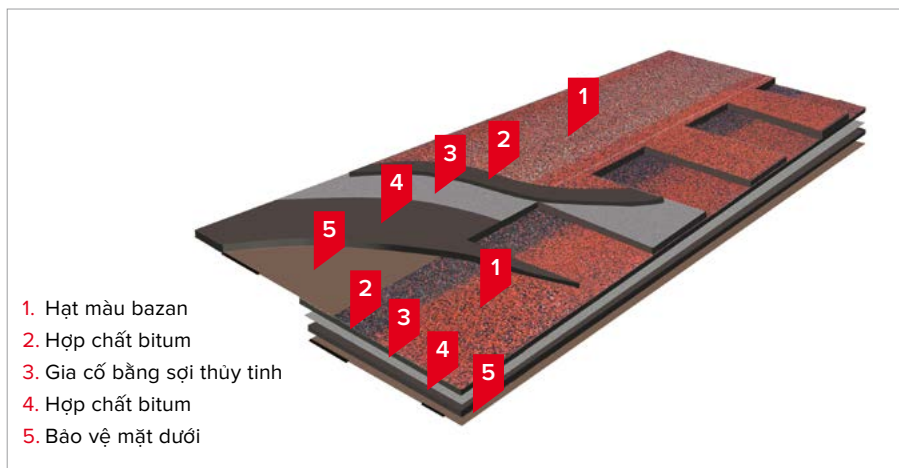
- Các vạch đánh dấu ở mặt trên của vật liệu giúp cho việc lắp đặt dễ dàng hơn, đặc biệt là ở các phần chồng lớp;
- Chất liệu này có độ đàn hồi vượt trội ngay cả ở nhiệt độ dưới 0.



ĐẶC TÍNH	TECHNICOL ALPHA BARRIER 2.0
Mật độ bề mặt, g/m ²	80±5%
Độ bền kéo L/T, N/50 mm	≥140 / ≥110
Độ thấm hơi, hệ số Sd, m	2
Khả năng chống nước ở áp suất 60 kPa trong 24 giờ	Class W1
Khả năng chống tia cực tím, tháng	≥2
Chiều dài, m	50±5%
Chiều rộng, m	1.5±1%



TẤM LỢP



Tấm lợp mái là vật liệu xây dựng dùng làm mái nhà ở được sử dụng trên mái có độ dốc từ 12° trở lên. Đây là giải pháp thông minh nhất cho thiết kế mái phức tạp.

Tấm lợp bitum không phai màu; chúng có khả năng chống lại các tác động có hại của môi trường, phân hủy, ăn mòn, hư hại do hỏa hoạn và điều rất quan trọng là chúng hoạt động tốt ở nhiệt độ khắc nghiệt.

Tấm lợp mái của TECHNONICOL Corporation có nhiều mẫu nguyên bản và màu sắc trang nhã.

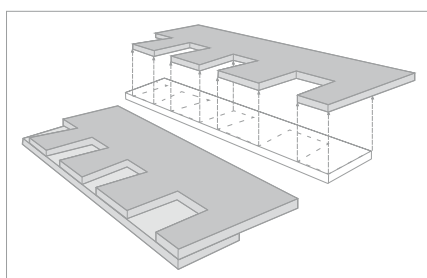
Tấm lợp mái TECHNONICOL đảm bảo sự thoải mái và an toàn cho ngôi nhà. Vật liệu lợp mái bền và lâu dài này được nhà sản xuất bảo hành lên tới 60 năm.

CHẤT LƯỢNG SẢN XUẤT

Tấm lợp mái TECHNONICOL hoàn toàn tuân thủ EN 544. Tiêu chuẩn châu Âu này dành cho tấm lợp bitum được biết đến với các yêu cầu nghiêm ngặt về khối lượng bitum tối thiểu trong sản phẩm (1300 g/m^2 – đối với tấm lợp một lớp và 1500 g/m^2 – đối với tấm lợp nhiều lớp). Với niềm tin mãnh liệt vào triết lý sản xuất Lean, TECHNONICOL Corporation đã xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng của mọi quy trình tại nơi sản xuất. Các chuyên gia của chúng tôi kiểm tra kỹ lưỡng nguyên liệu thô, kiểm tra lấy mẫu, không ngừng cải tiến kỹ thuật kiểm soát trong quá trình sản xuất để đưa ra các giải pháp lợp mái có chất lượng vượt trội. Thiết bị độc đáo để sản xuất tự động tấm lợp mái nhiều lớp (dát mỏng) được thiết kế và chế tạo bởi công ty hàng đầu thế giới - Machine Solution Providers (Mỹ).

Hệ thống quản lý của nhà sản xuất được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn được quốc tế công nhận thể hiện sự tuân thủ của công ty đối với các hoạt động quản lý chất lượng và giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn cho khách hàng. Cam kết của chúng tôi về kiểm soát chất lượng, nguyên liệu thô tốt nhất và công nghệ cập nhật đảm bảo hiệu suất vượt trội trong nhiều năm cho mọi khách hàng.

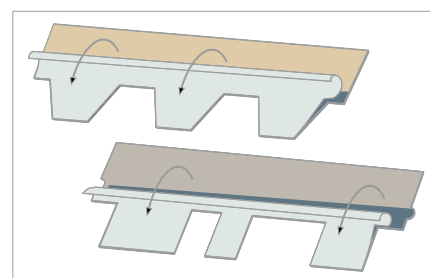
TẤM LỢP NHIỀU LỚP



Một tiêu chuẩn lợp mái mới, phù hợp với mọi phong cách kiến trúc. Mỗi lớp mới là một cấp độ tin cậy mới. Một kiểu cắt đặc biệt tạo ra vẻ ngoài cuốn hút của gạch thủ công tự nhiên như đá phiến hoặc gỗ Wood Shake. Tấm lợp mái nhiều lớp là sự lựa chọn hoàn hảo cho những ai lựa chọn giải pháp kiến trúc ưu việt, vật liệu xây dựng an toàn và bền bỉ.

Lớp phủ nhiều lớp và các thành phần đặc biệt của nó tạo nên một tấm lợp hoàn toàn yên tĩnh. Trong nhà sẽ không nghe thấy tiếng mưa, tiếng gió hay tiếng chim. Tấm lợp mái nhiều lớp TECHNONICOL SHINGLAS nổi bật nhờ khả năng chống thấm, chống rò rỉ và gió được nâng cao. Những vật liệu lợp đáng tin cậy này sẽ phục vụ nhiều thế hệ mà không cần phải lợp lại.

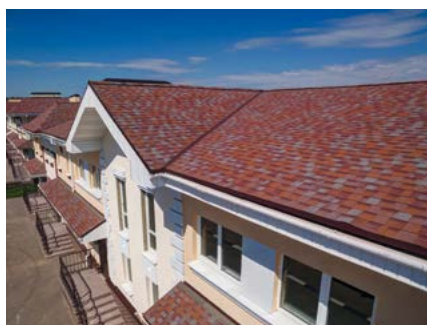
TẤM LỢP MỘT LỚP



Vẻ đẹp và chất lượng lâu dài truyền cảm hứng cho những ý tưởng thiết kế đầy tham vọng nhất. Những vật liệu đặc biệt này đại diện cho tấm lợp mái truyền thống của châu Âu với lớp tự dính ở bề mặt đáy để liên kết tốt hơn giữa các tấm ván lợp trên mái. Hợp chất bitum chất lượng cao được sử dụng để sản xuất các tấm lợp mái một lớp này.

Các hạt bazan có màu sắc đa dạng tạo thêm chiều sâu và kích thước cho kết cấu ván lợp để có được tầm nhìn mái nhà đáng kinh ngạc. Nhờ bề mặt khoáng chịu được thời tiết nên màu sắc không bị phai theo thời gian.

Tấm lợp mái giúp bảo vệ hiệu quả khỏi sức nóng khắc nghiệt cũng như khỏi gió lạnh và do đó giúp duy trì nhiệt độ dễ chịu trong nhà quanh năm.



ƯU ĐIỂM



ĐỘ TIN CẬY

Vật liệu xây dựng an toàn và bền bỉ đảm bảo tuổi thọ lâu dài cho mái nhà của bạn, đảm bảo rằng một vài thế hệ trong gia đình bạn sẽ không phải đối mặt với việc lợp lại mái nhà!



TRỌNG LƯỢNG NHẸ

Trọng lượng trung bình của tấm lợp lợp chỉ là 13,5 kg/m² so với trọng lượng 40 kg/m² của gạch men. Nó dẫn đến tải thấp hơn và an toàn hơn.



ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

TECHNONICOL Corporation cung cấp bảo hành trong thời gian từ 30 đến 60 năm, tùy thuộc vào bộ sưu tập.



MỌI THỜI TIẾT

Tấm lợp mái của chúng tôi phù hợp với mọi khí hậu với nhiệt độ từ -70°C đến +80°C.



SỨC CẢN GIÓ

Khả năng cản gió cao nhờ chất trám kín đặc biệt được bôi vào đáy ván lợp.



KHÁNG TÀO

Khả năng kháng tảo trong 10 năm được chính thức đảm bảo.



BẢNG MÀU RỘNG

Các hạt bazan có màu sắc đa dạng tạo thêm chiều sâu và kích thích cho kết cấu của tấm lợp để có được tấm lợp thẩm mỹ. Nhờ bề mặt khoáng chịu được thời tiết nên màu sắc không bị phai theo thời gian.



GIỮ CHO NGÔI NHÀ CỦA BẠN YÊN TĨNH

Lớp phủ nhiều lớp và các thành phần đặc biệt của nó tạo nên một tấm lợp cực kỳ yên tĩnh. Tiếng ồn của mưa, gió hay mưa đá đập vào mái nhà sẽ không làm phiền bạn. Tận hưởng yên bình và yên tĩnh trong ngôi nhà của bạn!



TẤM LỢP MÁI MỘT LỚP

Dòng sản phẩm CLASSIC AR EN 544

Dòng sản phẩm CLASSIC bao gồm nhiều màu sắc hấp dẫn và các mẫu cắt khác nhau để phù hợp với mọi sở thích. Chất liệu bitum cao cấp được sử dụng để sản xuất các tấm lợp mái một lớp có chất lượng đảm bảo.

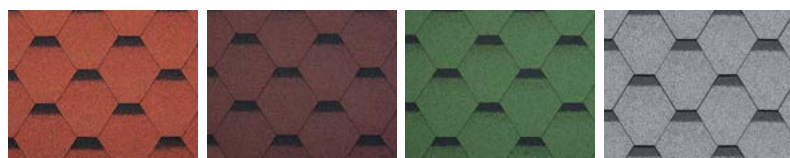


Marble

Plateau

Dune

Glacier



Đỏ

Nâu

Xanh lá

Xám



Đỏ

Nâu

Xanh lá

Xám

Đen



Đỏ

Nâu

Xanh lá

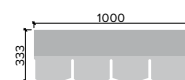
Xám

Đỏ nâu

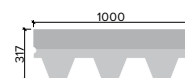


**30
NĂM**

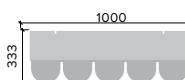
BAO HÀNH CỦA
NHÀ SẢN XUẤT



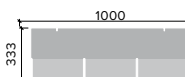
HIỆN ĐẠI



SONATA
QUADRILLE



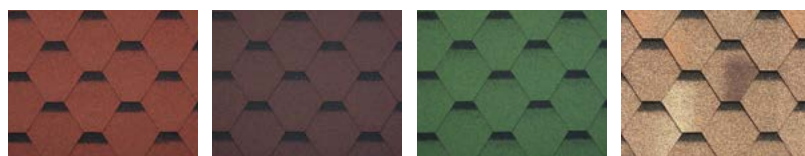
BEAVER
PLUS



TRIO SUPER

Bộ sưu tập TROPIC APP EN 544

Bộ sưu tập TROPIC APP được thiết kế đặc biệt cho các nước châu Á. Những tấm ván lợp này được sản xuất trên cơ sở hợp chất bitum biến tính APP để mang lại khả năng sử dụng bền lâu nhanh chóng và dễ dàng. APP polymer và các chất phụ gia đặc biệt mang lại các đặc tính cơ lý đặc biệt cho sản phẩm bao gồm khả năng chịu nhiệt 150°C. Hạt màu chứa đồng ngăn chặn sự phát triển của tảo trên mái nhà.

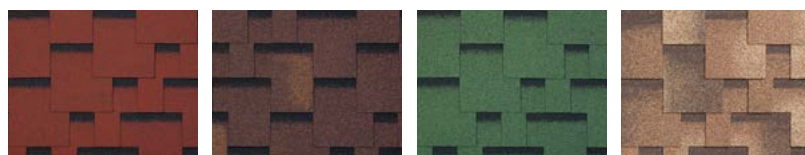


Đỏ

Nâu

Xanh lá

Đất



Đỏ

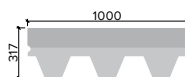
Nâu

Xanh lá

Đất

**50
NĂM**

BAO HÀNH CỦA
NHÀ SẢN XUẤT



LỤC GIÁC

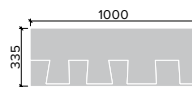
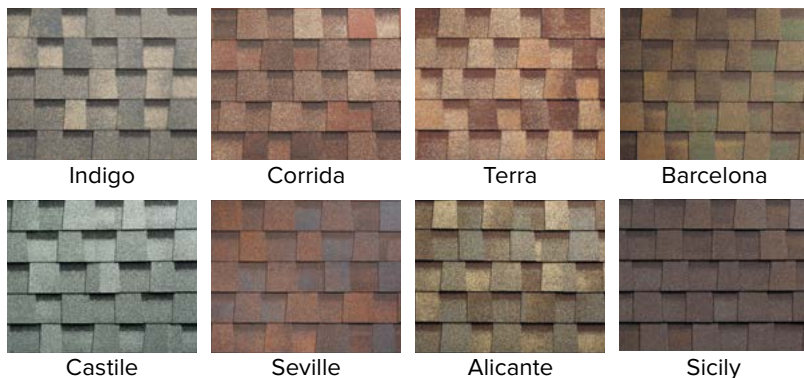


PHÙ HỢP

TẤM LỢP ĐA LỚP KIẾN TRÚC

Bộ sưu tập JAZZ EN 544

Một bảng màu tuyệt đẹp, một sự kết hợp tinh tế của các gam màu và một hình dáng 3D ấn tượng. Một mẫu đặc biệt tạo ra một diện mạo hấp dẫn giống như gạch lát tự nhiên hoặc gỗ wood shake. Những tấm lợp hai lớp này có độ dày tăng lên và nổi bật với khả năng chống chịu và chống gió tốt hơn.

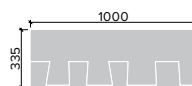


50
NĂM

BẢO HÀNH CỦA
NHÀ SẢN XUẤT

Bộ sưu tập COUNTRY AR EN 544

Bộ sưu tập mái lợp hai lớp COUNTRY bao gồm các giải pháp màu sắc tuyệt vời giả lập các sắc thái và sắc màu đa dạng của thiên nhiên. Sự kết hợp màu sắc sống động và các đường nét bóng tạo ra một hình ảnh trực quan tuyệt vời.

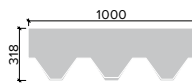
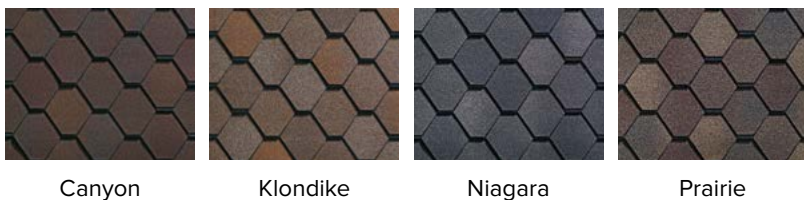


50
NĂM

BẢO HÀNH CỦA
NHÀ SẢN XUẤT

Bộ sưu tập WESTERN EN 544

Thiết kế được cấp bằng sáng chế của tấm lợp mái hai lớp này không có sản phẩm tương tự trên thế giới. Đó là một hiệu ứng ba chiều đáng kinh ngạc được thể hiện trong một mẫu cổ điển. Bộ sưu tập Western có nhiều màu sắc không thể bắt chước và hiệu suất tuyệt vời.

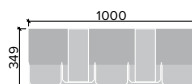


55
NĂM

BẢO HÀNH CỦA
NHÀ SẢN XUẤT

Bộ sưu tập CONTINENT EN 544

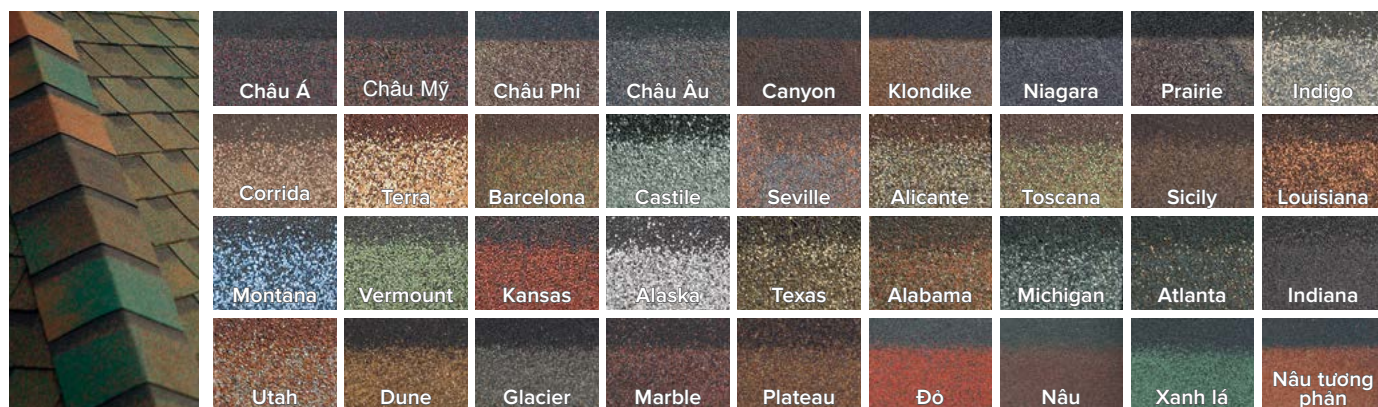
Tấm lợp mái ba lớp là một vật liệu xuất sắc. Chúng trông giống như những viên ngói lợp bằng đá cổ và tạo ra một cái nhìn siêu chiều đáng kinh ngạc.



60
NĂM

BẢO HÀNH CỦA
NHÀ SẢN XUẤT

Tấm lợp hồng, sườn và khởi động TECHNOMICOL

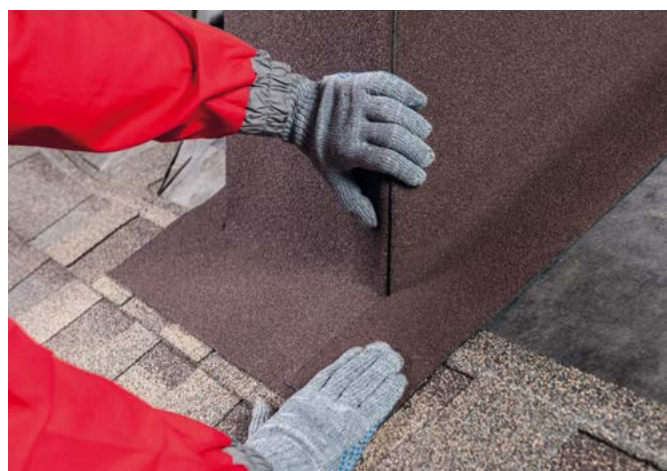


Các tấm ván lợp hồng & sườn và khởi động được sản xuất bằng bitum biến tính SBS cực kỳ linh hoạt. Những tấm ván lợp cốt sẵn này có thể được tách thành ba mảnh nhỏ hơn để sử dụng thêm ở hồng và sườn nhằm tăng thêm vẻ thẩm mỹ hoàn hảo cho mái nhà của bạn. Cung cấp sự bảo vệ tối đa chống lại gió, tuyết và mưa. Có sẵn trong một loạt các màu sắc để phù hợp với bất kỳ giải pháp màu lợp mái đã chọn.



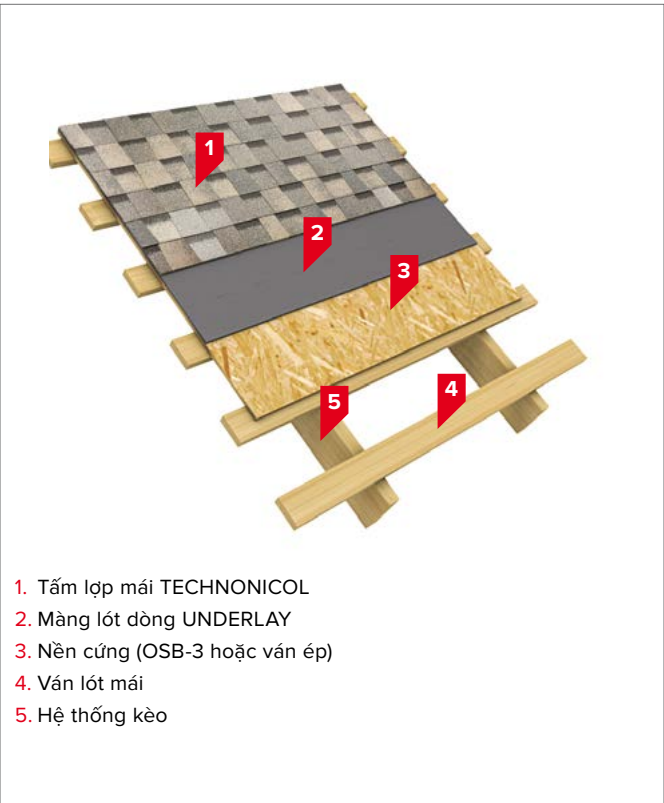
Kích thước: 1m x 0,25m.

Đóng gói: 12 lin. m (hồng & sườn) và 20 lin. m (dài khởi động).



HỆ THỐNG

HỆ THỐNG KHÔNG CÓ CÁCH NHIỆT



HỆ THỐNG VỚI PHƯƠNG PHÁP ĐỀN KHÒ



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

ĐẶC TÍNH	ĐA LỚP				ĐƠN LỚP				
	CONTINENT	WESTERN	JAZZ	COUNTRY	TROPIC APP	CLASSIC			HÔNG & SƯỜN
						HIỆN ĐẠI	SONATA QUADRILLE	BEAVER PLUS	
Bảo hành, năm	60	55	50	50	50	30	30	30	-
Đế trên mỗi lớp	Sợi thủy tinh 110	Sợi thủy tinh 110	Sợi thủy tinh 90	Sợi thủy tinh 90	Sợi thủy tinh 100	Sợi thủy tinh 100	Sợi thủy tinh 100	Sợi thủy tinh 100	Sợi thủy tinh 110
Độ dày mỗi lớp, mm	3.2±0.2	3.0±0.2	3.0±0.2	2.7±0.2	2.8±0.2	3.0±0.2	3.1±0.2	2.6±0.2	3.4±0.2
Trọng lượng bó, kg	38.1	26.4	27.0	31.2	25.5	32.1	26.7	27.3	27.5
Trọng lượng trên m², kg/m²	25.4	17.6	13.5	12.0	8.5	10.7	8.9	9.1	5.5
Độ che phủ trên mỗi bó, m²	1.5	1.5	2.0	2.6	3.0	3.0	3.0	3.0	5.0 12 lin. m (hông & sườn) or 20 lin. m (dài khởi động)
Số lượng trên pallet, m²	45.0	54.0	84.0	93.6	126.0	108.0	108.0	126.0	200

LƯU Ý: Màu sắc thực tế của sản phẩm có thể hơi khác so với màu sắc trong danh mục. Nếu màu sắc là quan trọng đối với bạn, vui lòng yêu cầu các sản phẩm mẫu có kích thước đầy đủ trước khi đưa ra lựa chọn cuối cùng.



Rezekne, Latvia
GORS, ĐẠI SỨ QUÁN LATGALE



Zlin, Cộng hòa Séc
ZELINGER PLAST WERK



Schwechat, Áo
TÒA NHÀ VĂN PHÒNG OMV



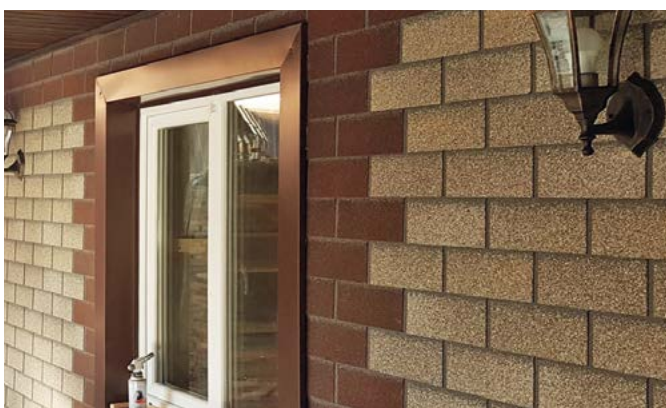
GẠCH MẶT TIỀN HAUBERK



Gạch mặt tiền TECHNICONOL HAUBERK là vật liệu một lớp bitum để ốp mặt tiền tòa nhà. Được tạo ra trên cơ sở sợi thủy tinh, bitum cải tiến và hạt bazan tự nhiên, gạch mặt tiền được đặc trưng bởi độ kín tăng lên, khả năng chống ăn mòn và biến động nhiệt độ, đồng thời có độ bền đặc biệt của vật liệu và màu sắc. Khóa dính kẹp trên mỗi viên gạch mặt tiền đảm bảo việc lắp đặt đơn giản.

Tuổi thọ bảo hành là 20 năm (có khe hở thông gió) và 10 năm (không có khe hở thông gió).

Gạch mặt tiền TECHNICONOL HAUBERK được sử dụng để ốp, cải tạo và thiết kế trang trí mặt tiền trong xây dựng nhà thấp tầng và nhà nhỏ kiểu nông thôn, các yếu tố kiến trúc của mặt tiền đó (đầu hồi, các bộ phận lối vào), hàng rào và lan can.



THAM SỐ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TIÊU CHUẨN	GIÁ TRỊ
Mật độ bề mặt của đế (sợi thủy tinh), g/m ²	GOST 6943.16-94	không ít hơn	110
Loại chất kết dính bitum	-	-	bitum
Hao hút hạt, g/mẫu	EN 12039-2011	không nhiều hơn	1.2
Khả năng chịu nhiệt. Không có giọt vật liệu nóng chảy nào rơi xuống và sự dịch chuyển của các lớp ốp so với đế ở 110°C, mm	EN 1110-2011	không nhiều hơn	2
Khả năng chống rách đinh, N	GOST 31898-1-2011	không nhiều hơn	100
Chiều rộng (±3.0), mm	Tiêu chuẩn công ty 72746455-3.5.6-2016	-	1,000
Chiều cao (±3.0), mm	Tiêu chuẩn công ty 72746455-3.5.6-2016	-	250
Độ dày (±2.0), mm	Tiêu chuẩn công ty 72746455-3.5.6-2016	-	3.0
Hệ số chống chéo	Tiêu chuẩn công ty 72746455-3.5.6-2016	-	2.5

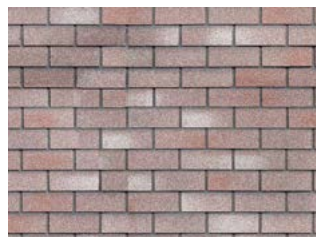
Bộ sưu tập GẠCH



Antique



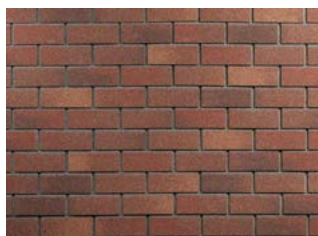
Be xám



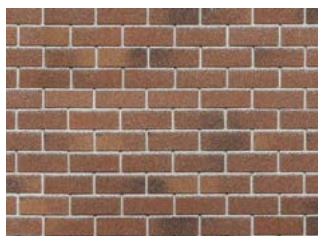
Marble



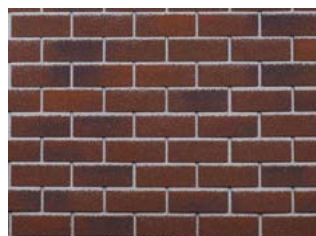
Cát



Đất nung



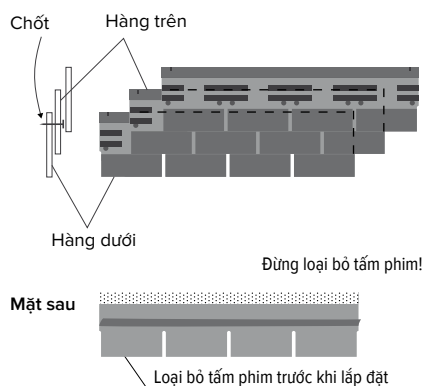
Đỏ



Bavaria

Tấm ốp tường ngoại thất TECHNOMICOL HAUBERK phù hợp với các giải pháp thiết kế khác nhau nhờ có nhiều màu sắc và khả năng phù hợp, chắc chắn sẽ tạo điểm nhấn cho bất kỳ ngôi nhà nhỏ kiểu nông thôn nào và góp phần tạo nên phong cách đặc biệt và dấu ấn cá nhân.

Khi trộn các tấm ván lợp có màu sắc khác nhau, lớp phủ sẽ duy trì các đặc tính hoạt động của nó, bao gồm cả độ kín và độ bền. Hoa văn của các tấm ốp tường ngoại thất giả gạch và giống như khi thi công với gạch, người ta có thể tạo ra các cách kết hợp màu sắc khác nhau. Ví dụ, người ta có thể nhấn mạnh bức tường móng bằng một màu khác, hoặc các chi tiết đơn lẻ, trụ góc và khung cửa sổ và hốc cửa.



- Tấm ốp tường ngoại thất bao gồm 4 tab riêng biệt.
- Quá trình lắp đặt sẽ được thực hiện bằng cách dịch chuyển nửa tab.
- Mẫu tổng thể có đường chéo.
- Khi lắp các hàng, các ván lợp phải lồng vào nhau, hàng phía trên khi dịch chuyển phải che đi phần tiếp giáp của các ván lợp bên dưới.
- Để ngăn ngừa sự dịch chuyển của tấm ván lợp và có được mẫu gạch chính xác, các dấu tích ở phần trên của mỗi tấm ốp đóng vai trò là chỉ báo trong quá trình lắp đặt và rất quan trọng để cắt các tab khi tạo mẫu.





Salaspils, Latvia
TRUNG TÂM THỂ THAO SALASPILS



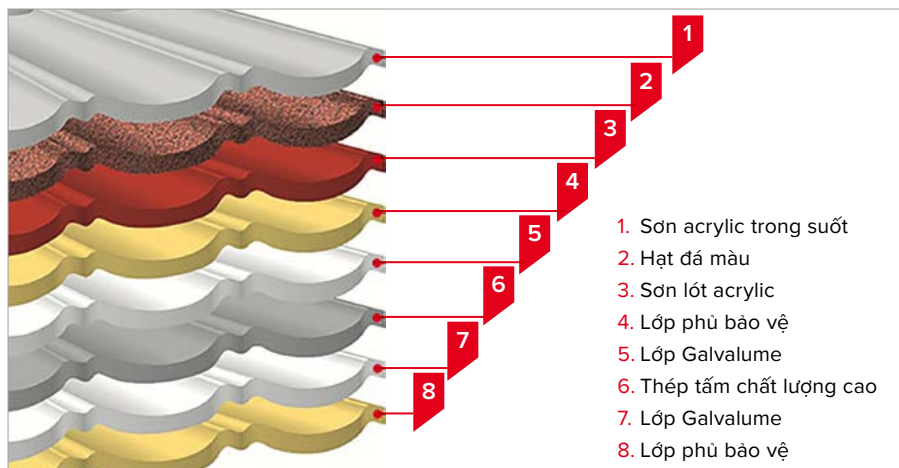
Łódź, Ba Lan
SUKCESJA - TRUNG TÂM GIAO DỊCH



Bangkok, Thái Lan
TRƯỜNG QUỐC TẾ SINGAPORE



MÁI NGÓI KIM LOẠI PHỦ ĐÁ



Qua nhiều thế kỷ, con người đã cải tiến các cách để bảo vệ ngôi nhà của mình khỏi mưa nắng, gió và nắng nóng. Ngói lợp đã trở thành một trong những vật liệu che phủ phổ biến nhất cho mái dốc. Tuy nhiên, theo thời gian, những chất liệu mới, cải tiến đã xuất hiện trong khi bản chất – về ngoài cổ điển – vẫn không thay đổi.

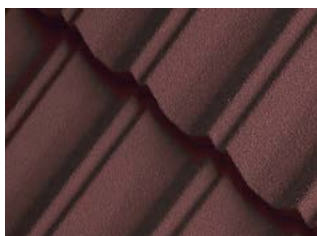
Ngói lợp kim loại phủ đá của TECHNOMICOL là sự kết hợp đáng kinh ngạc giữa truyền thống quý giá và công nghệ tiên tiến.

Bộ sưu tập màu sắc của mái ngói kim loại phủ đá của TECHNOMICOL được tạo ra dựa trên các sắc thái tự nhiên. Mỗi màu sắc riêng biệt hoặc sự kết hợp của chúng mang đến cơ hội tạo thêm cho phong cách trở thành dấu ấn riêng cho ngôi nhà của bạn.

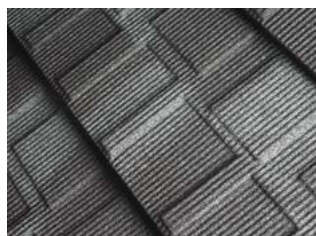
Bộ sưu tập



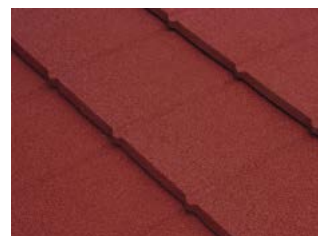
Roman



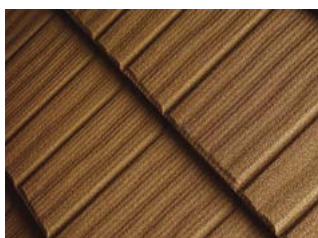
Ngói



Tấm lợp



Đá phiến



Shake



Màu BASIC



Than



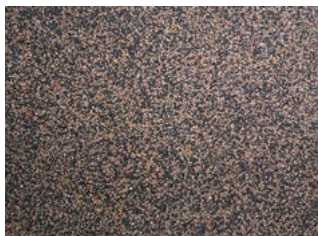
Xám đen



Xanh capri



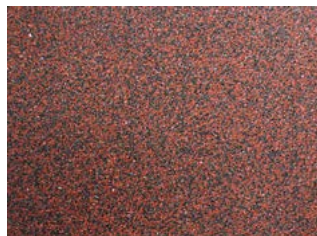
Ngọc bích



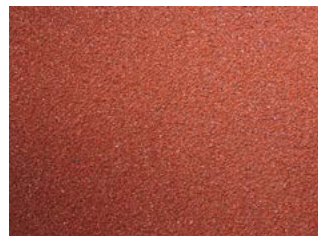
Nâu cà phê



Gỗ tếch



Đất nung

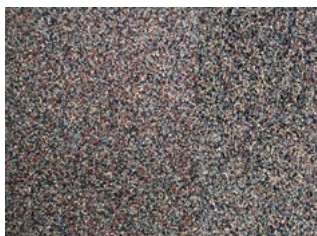


Gạch đỏ

Màu DUAL



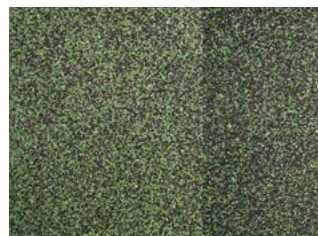
Đá granit đen



Nâu rêu



Xanh biển



Rừng xanh



Sa mạc nâu



Bùn biển



Thạch anh đỏ



Tuscany



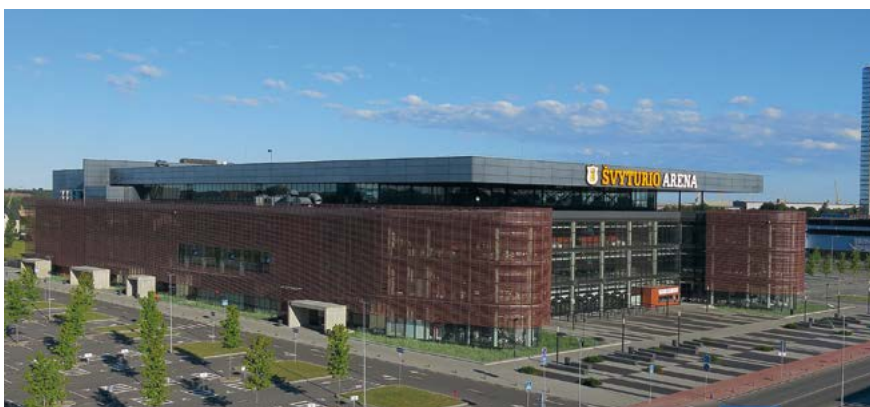
ĐẶC TÍNH	ROMAN	ROMAN PLUS	NGÔI	TẤM LỢP	ĐÁ PHIẾN	SHAKE
Kích thước tấm, mm	1322×425	1322×450	1340×420	1360×420	1320×420	1370×420
Kích thước hiệu quả, mm	1253×370	1253×400	1265×370	1330×370	1250×370	1330×370
Tấm, chiếc/m ²	2.10	1.96	2.13	2.00	2.16	2.00
Trọng lượng, kg/m ²	5.96	5.96	5.96	5.60	6.05	5.60



Liepaja, Latvia
PHÒNG HÒA NHẠC "GREAT AMBER"



Vienna, Áo
TỔ CHỨC BẢO HIỂM XÃ HỘI (SVA)



Klaipeda, Lithuania
LIGHTHOUSE ARENA

**CHỐNG THẤM
DẠNG LÔNG**



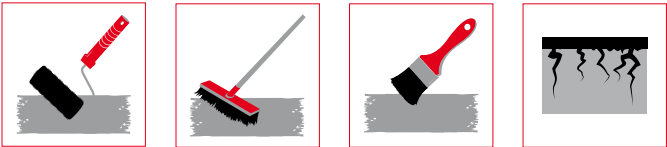
SƠN LÓT BITUM

SƠN PHỦ BITUM

SƠN LÓT BITUM GỐC DUNG MÔI

SƠN PHỦ BITUM trộn sẵn(Sơn lót TECHNINICOL Số 01) dùng để chuẩn bị bề mặt trước khi lắp đặt tấm lợp bitum và vật liệu chống thấm. Lớp sơn lót là cần thiết để đảm bảo độ bám dính chắc chắn của vật liệu chống thấm gốc bitum với các bề mặt xốp, gồ ghề và bụi bặm. Lớp sơn lót là hỗn hợp bitum chất lượng cao và dung môi hữu cơ được lựa chọn đặc biệt. Nó có khả năng che phủ nâng cao, khả năng thẩm thấu và thời gian khô nhanh.

Lớp sơn lót trộn sẵn được phủ lên bề mặt bằng con lăn và cọ lớn hoặc nhỏ. Nó được áp dụng lên bề mặt ngay lập tức để đảm bảo sự thuận tiện hơn và nâng cao hiệu suất. Sản phẩm nên được bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp ở nhiệt độ từ -20°C đến +30°C.
Thời hạn sử dụng - 18 tháng.



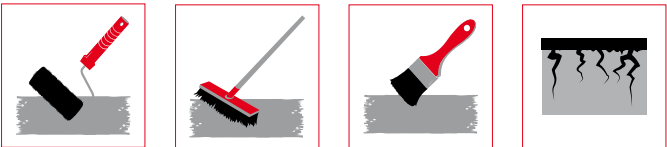
SƠN PHỦ POLYME-BITUMEN

SƠN LÓT POLYME-BITUM GỐC DUNG MÔI

SƠN PHỦ POLYME-BITUMEN trộn sẵn dùng để chuẩn bị bề mặt cầu và mặt cầu vượt bằng các tấm thép trực giao hoặc tấm bê tông cốt thép trước khi lắp đặt vật liệu chống thấm polyme-bitum. Nó cũng được sử dụng để chuẩn bị bề mặt trước khi lắp đặt màng bitum polyme tự dính.

SƠN PHỦ POLYME-BITUMEN là hỗn hợp gồm bitum, polyme chất lượng cao, phụ gia bám dính và dung môi hữu cơ được chọn lọc đặc biệt. Lớp sơn lót có khả năng thẩm thấu tuyệt vời và thời gian khô rất nhanh. Do sử dụng polyme nên lớp sơn lót có nhiệt độ hóa mềm cao hơn và có thể sử dụng ngay cả trên bề mặt thép.

Sản phẩm nên được bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp ở nhiệt độ từ -20°C đến +30°C. Thời hạn sử dụng – 12 tháng.



ĐẶC TÍNH	SƠN PHỦ BITUMEN	SƠN PHỦ POLYME-BITUMEN
Tỷ lệ khối lượng của các chất không bay hơi, %	45-55	25-30
Thời gian khô ở 20°C, h	12	≤15
Độ nhớt tương đối, s	15-40	10-30
Nhiệt độ hóa mềm, °C	≥70	≥100
Tiêu thụ, l/m ²	0.25-0.35	0.25-0.35
Thể tích thùng, l	3, 10, 20	20

SƠN LÓT GỐC NƯỚC ĐA NĂNG

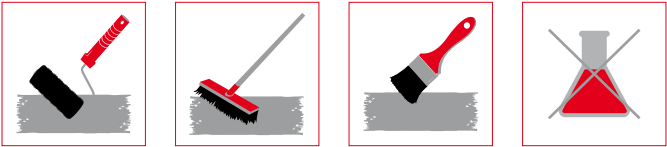
SƠN LÓT BITUME GỐC NƯỚC

SƠN LÓT GỐC NƯỚC ĐA NĂNG trộn sẵn dùng để chuẩn bị bề mặt trước khi lắp đặt tấm lợp bitum và vật liệu chống thấm. Lớp phủ chính là cần thiết cho đảm bảo độ bám dính chắc chắn của lớp chống thấm gốc bitum vật liệu đến bề mặt xốp, thô ráp và bụi bặm.

Lớp sơn lót được sản xuất trên cơ sở phân tán bitum trong nước; nó không chứa dung môi. Lớp sơn lót có tính chất trung tính mùi nên rất phù hợp cho công việc trong nhà.

Lớp sơn lót bitum trộn sẵn được phủ lên bề mặt bằng một bàn chải lớn hoặc nhỏ. Nó được áp dụng cho chất nền ngay lập tức đảm bảo sự thuận tiện bổ sung và hiệu suất nâng cao. Nhiệt độ thi công nên từ +5°C đến +40°C.

Sản phẩm nên được bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp ở nhiệt độ trên +5°C. Thời hạn sử dụng - 6 tháng.



ĐẶC TÍNH	SƠN LÓT GỐC NƯỚC ĐA NĂNG
Tỷ lệ khối lượng của các chất không bay hơi, %	25-40
Thời gian khô ở 20°C, h	1
Độ nhớt tương đối, s	5-30
Nhiệt độ hóa mềm, °C	≥75
Tiêu thụ, l/m ²	0.25-0.35
Thể tích thùng, l	20

MATIT BITUM

MATIT TECHNOMICOL SỐ 21

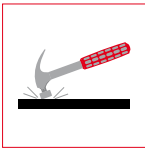
MATIT POLYME-BITUM CHỐNG THẤM VÀ TẮM LỢP GỐC DUNG MÔI

Matit bitum trộn sẵn TECHNOMICOL số 21 dùng cho chống thấm và lớp mái là hỗn hợp của bitum chất lượng cao, polyme đặc biệt, chất độn khoáng và dung môi hữu cơ. Các lớp phủ trên cơ sở của nó rất linh hoạt, chịu nhiệt và chống ẩm và có độ bám dính tuyệt vời với bề mặt. Sau khi khô, nó tạo thành lớp chống thấm cường độ cao giúp tăng đáng kể tuổi thọ của các kết cấu được bảo vệ. Matit có thể được sử dụng trong phạm vi nhiệt độ hoạt động rộng nhờ có thêm polyme.

Matit TECHNOMICOL Số 21 được sử dụng cho:

- lắp đặt mái matit và sửa chữa mái nhà cũ;
- chống thấm các công trình ngầm (móng, tầng hầm, cọc, v.v.);
- xử lý chống thấm và chống ăn mòn bề mặt kim loại, bao gồm cả thân xe ô tô.

Matit được phủ lên từng lớp bề mặt bằng cọ hoặc dao bay. Lớp phủ cũng có thể được thi công bằng cách đổ và san lấp mặt bằng. Độ dày của một lớp không được vượt quá 1,5 mm. Lớp tiếp theo được thi công sau khi lớp trước đã khô. Nên thi công ít nhất 2 lớp matit để chống thấm đáng tin cậy cho các công trình ngầm, thi công 3 lớp để lắp đặt mái matit. Thời gian khô ở điều kiện tiêu chuẩn không quá 24 giờ. Sản phẩm nên được bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp ở nhiệt độ từ -20°C đến +30°C. Thời hạn sử dụng - 18 tháng.



ĐẶC TÍNH	MATIT TECHNOMICOL Số 21
Cường độ bám dính vào bê tông, MPa	≥0.6
Cường độ bám dính vào kim loại, MPa	≥0.9
Cường độ bám dính giữa màng bitum - màng bitum, MPa	≥0.3
Cường độ bám dính giữa màng bitum - bê tông, MPa	≥0.4
Độ bền cắt của liên kết dính, kN/m	≥4.0
Cường độ danh nghĩa, MPa	≥1.0
Độ giãn dài khi đứt, %	≥500
Phần khối lượng của các chất không bay hơi, %	≥50
Độ bền nhiệt, °C	≥110
Uốn nguội trên thanh có bán kính 5,0±0,2 mm ở -35°C	không có vết nứt
Hấp thụ nước trong 24 giờ, %	≤0.4
Khả năng chống nước ở áp suất 0,1 MPa trong 24 giờ	Đạt
Mức tiêu hao cho việc thi công 1 lớp, kg/m ²	1.2–1.9
Thể tích thùng, kg	3, 10, 20

MATIT TECHNOMICOL SỐ 24

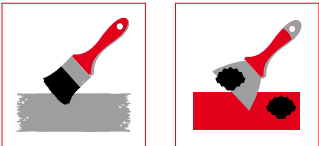
MATIT BITUM CHỐNG THẤM GỐC DUNG MÔI

Matit bitum chống thấm trộn sẵn TECHNOMICOL Số 24 là hỗn hợp gồm bitum chất lượng cao, chất độn khoáng, chất phụ gia đặc biệt và dung môi hữu cơ.

Matit TECHNOMICOL Số 24 được sử dụng để chống thấm bề mặt bê tông hoặc gỗ của các công trình ngầm (móng, tầng hầm, cọc, v.v.).

Matit được phủ lên từng lớp bề mặt bằng cọ hoặc dao bay. Lớp phủ cũng có thể được thi công bằng cách đổ và san lấp mặt bằng. Lớp tiếp theo được thi công sau khi lớp trước đã khô. Nên thi công ít nhất 2 lớp matit để chống thấm đáng tin cậy. Thời gian khô ở điều kiện tiêu chuẩn không quá 24 giờ.

Sản phẩm nên được bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp ở nhiệt độ từ -20°C đến +30°C. Thời hạn sử dụng - 18 tháng.



ĐẶC TÍNH	MATIT TECHNOMICOL Số 24
Cường độ bám dính vào bê tông, MPa	≥0.1
Cường độ bám dính vào kim loại, MPa	≥0.1
Độ bền cắt của liên kết dính, kN/m	≥2.0
Phần khối lượng của các chất không bay hơi, %	≥65
Độ bền nhiệt, °C	≥80
Uốn nguội trên thanh có bán kính 5,0±0,2 mm ở -5°C	không có vết nứt
Hấp thụ nước trong 24 giờ, %	≤0.4
Khả năng chống nước ở áp suất 0,03 MPa trong 10 phút	Đạt
Mức tiêu hao cho việc thi công 1 lớp, kg/m ²	0.7-1.0
Thể tích thùng, kg	3, 10, 20

MATIT TECHNOMICOL Số 31

TẮM LỢP GỐC NƯỚC VÀ MATIT POLYME-BITUM CHỐNG THẤM

Matit bitum trộn sẵn TECHNOMICOL Số 31 dùng lớp mái và chống thấm là hỗn hợp nhũ tương nước của bitum, polyme đặc biệt, phụ gia và chất độn khoáng. Nó có độ đàn hồi tăng cường, khả năng chịu nhiệt và đặc tính chống nước. Matit có mùi trung tính nên rất thích hợp cho các công trình trong nhà.

Matit TECHNOMICOL Số 31 được sử dụng cho:

- chống thấm trong nhà (phòng tắm, hồ bơi, ban công, v.v.);
- lắp đặt mái matit và sửa chữa mái nhà cũ;
- chống thấm các công trình ngầm (tầng hầm, cọc, v.v.).

Mastic được phủ lên từng lớp bề mặt bằng con lăn hoặc cọ. Lớp phủ cũng có thể được thi công bằng cách đổ và san lấp mặt bằng. Độ dày của một lớp không được vượt quá 1,5 mm. Lớp tiếp theo được thi công sau khi lớp trước đã khô. Nên sử dụng ít nhất 2 lớp mastic để chống thấm đáng tin cậy cho các công trình ngầm, sử dụng 3 lớp để lắp đặt mái matit.

Sản phẩm nên được bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp ở nhiệt độ trên +5°C.
Thời hạn sử dụng - 6 tháng.



ĐẶC TÍNH	MATIT TECHNOMICOL Số 31
Cường độ bám dính vào bê tông, MPa	≥0.45
Cường độ danh nghĩa, MPa	≥0.5
Độ giãn dài khi đứt, %	≥700
Hàm lượng chất kết dính bitum với chất nhũ hóa, %	50-70
Độ bền nhiệt, °C	≥95
Uốn nguội trên thanh có bán kính 5,0±0,2 mm ở -15°C	không có vết nứt
Hấp thụ nước trong 24 giờ, %	≤1.0
Khả năng chống nước ở áp suất 0,1 MPa trong 24 giờ	Đạt
Mức tiêu hao cho việc thi công 1 lớp, kg/m ²	1.2-1.9
Thể tích thùng, kg	3, 10, 20

MATIT TECHNINICOL SỐ 33

MATIT POLYME-BITUM PHÂN QUANG GỐC DUNG MÔI

Matit bitum chống thấm và lợp mái phun TECHNINICOL Số 33 là hỗn hợp của nhũ tương nước của bitum, polyme đặc biệt và phụ gia latex. Nó có đặc tính đàn hồi, chịu nhiệt và sức mạnh vượt trội.

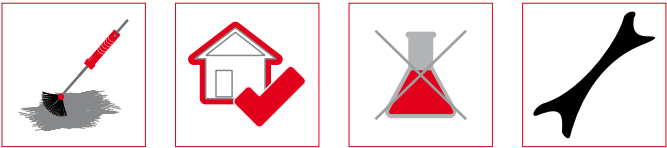
Matit có mùi trung tính nên rất thích hợp cho các công trình trong nhà. Việc phun matit có thể giảm đáng kể thời gian cần thiết cho việc lắp đặt lớp chống thấm.

- Matit TECHNINICOL Số 33 được dùng cho:
- chống thấm trong nhà (phòng tắm, ban công, v.v.);
 - lắp đặt mái matit và sửa chữa mái nhà cũ;
 - chống thấm các công trình ngầm (móng, tầng hầm, cọc, v.v.).

Matit được phun lên bề mặt cùng với dung dịch đông tụ (được cung cấp kèm theo sản phẩm) bằng thiết bị phun không có không khí hai kênh.

Sản phẩm nên được bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp ở nhiệt độ từ +5°C đến +30°C.

Thời hạn sử dụng - 6 tháng.



ĐẶC TÍNH	MATIT TECHNINICOL Số 33
Cường độ bám dính vào bê tông, MPa	≥0.6
Cường độ danh nghĩa, MPa	≥0.7
Độ giãn dài khi đứt, %	≥900
Phần khối lượng của các chất không bay hơi, %	53-65
Khả năng chịu nhiệt, °C	≥140
Uốn nguội trên thanh có bán kính 5,0±0,2 mm ở -25°C	không có vết nứt
Hấp thụ nước trong 24 giờ, %	≤0.4
Khả năng chống nước ở áp suất 0,1 MPa trong 24 giờ	Đạt
Mức tiêu hao cho việc thi công 1 lớp, kg/m ²	1.5
Thể tích thùng, kg	200

MASTIC TECHNOMICOL Số 57

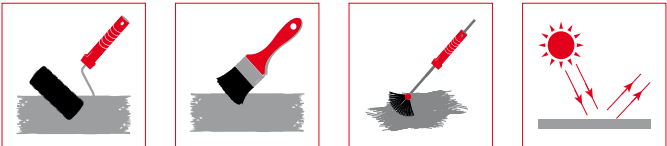
MATIT POLYME-BITUM PHẢN QUANG GỐC DUNG MÔI

Matit bitum phản quang trộn sẵn TECHNOMICOL Số 57 là hỗn hợp bitum chất lượng cao, polyme đặc biệt, bột màu nhôm, phụ gia và dung môi hữu cơ. Lớp phủ được hình thành bởi matit bảo vệ hiệu quả tấm lợp bitum khỏi tia UV và nhiệt; nó cũng bảo vệ mái kim loại khỏi bị ăn mòn.

Matit TECHNOMICOL Số 57 được sử dụng cho:

- lắp đặt lớp bảo vệ trên mái matit mới;
- phục hồi lớp bảo vệ trên mái nhà cũ;
- bảo vệ chống ăn mòn của mái che.

Matit được phủ lên bề mặt bằng cọ, con lăn hoặc thiết bị phun không có không khí. Nên thi công 2 lớp matit.



ĐẶC TÍNH	MATIT TECHNOMICOL Số 57
Cường độ bám dính vào bê tông, MPa	≥0.3
Cường độ bám dính vào kim loại, MPa	≥0.3
Phần khối lượng của các chất không bay hơi, %	≥50
Khả năng chịu nhiệt, °C	≥100
Uốn nguội trên thanh có bán kính 5,0±0,2 mm ở -15°C	không có vết nứt
Mức tiêu hao cho việc thi công 1 lớp, kg/m ²	0.4-0.6
Thể tích thùng, kg	3, 10, 20

MATIT TECHNONICOL FIXER

KEO MATIT POLYME BITUM GỐC DUNG MÔI

Keo matit bitum trộn sẵn TECHNONICOL FIXER là hỗn hợp của bitum chất lượng cao, polyme đặc biệt, phụ gia, chất độn và dung môi hữu cơ.

Matit cung cấp độ bám dính tuyệt vời cho vật liệu gốc bitum (ví dụ: tấm lợp mái, màng bitum polyme) với bề mặt ứng dụng, do đó bịt kín các phần chồng lên nhau và các kết nối một cách đáng tin cậy.

Matit TECHNONICOL FIXER được sử dụng để:

- kết dính của vật liệu gốc bitum với các loại bề mặt khác nhau (gỗ, kim loại, bê tông, gạch, gốm, v.v.);
- bịt kín các mối nối, các lỗ xuyên, lớp chồng lên nhau, các kết nối được thực hiện bằng cách sử dụng vật liệu gốc bitum.

Matit được áp dụng lên bề mặt bằng dao bay. Độ dày áp dụng phụ thuộc vào loại công việc được thực hiện, nhưng thường không vượt quá 1 mm. Phạm vi nhiệt độ ứng dụng là từ -10°C đến +40°C. Thời gian khô ở điều kiện tiêu chuẩn không quá 24 giờ. Sản phẩm nên được bảo quản ở nơi khô ráo, tránh ánh nắng trực tiếp ở nhiệt độ từ -20°C đến +30°C. Thời hạn sử dụng - 18 tháng.



ĐẶC TÍNH	MASTIC TECHNONICOL FIXER
Cường độ bám dính vào bê tông, MPa	≥0.5
Cường độ bám dính vào kim loại, MPa	≥0.8
Phần khối lượng của các chất không bay hơi, %	≥75
Khả năng chịu nhiệt, °C	≥110
Uốn nguội trên thanh có bán kính 5,0±0,2 mm ở -15°C	không có vết nứt
Mức tiêu hao cho việc thi công 1 lớp, kg/m ²	1.0
Thể tích thùng, kg	3,6, 12 kg, hộp 310 ml

SƠN PHỦ POLYME

SƠN LÓT EPOXY TECHNINICOL 021

SƠN LÓT EPOXY HAI THÀNH PHẦN

SƠN LÓT EPOXY TECHNINICOL 021 là loại sơn lót epoxy hai thành phần cứng, trong suốt, ít dung môi. Nó được sử dụng làm lớp sơn lót cho các ứng dụng chống thấm, trám kín và phủ sàn cho các bề mặt có khả năng hấp thụ. Sự đóng rắn được thực hiện bằng phản ứng liên kết chéo giữa hai thành phần.

- Khả năng thi công tuyệt vời: thi công đơn giản bằng cọ hoặc con lăn.
- Liên kết tuyệt vời với các bề mặt hấp thụ nên có thể sử dụng làm lớp phủ giữa bề mặt bê tông cũ và mới.
- Có thể thi công trên bề mặt ẩm và ướt mà không làm mất độ bám dính (Độ ẩm lên tới 5%)
- Hàm lượng VOC thấp
- Chịu được nước đọng.
- Khả năng kháng hóa chất tuyệt vời.

SƠN LÓT EPOXY TECHNINICOL 021 được sử dụng chủ yếu làm lớp lót cho các loại sơn Epoxy tự san phẳng, sơn phủ polyurethane, keo polysulphide/ polyurethane/ epoxy Polyurethane, sơn lót chống trượt trên các bề mặt hấp thụ.

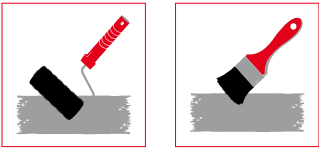
- Nó có thể được sử dụng trên bề mặt ẩm (độ ẩm lên tới 5%).
- Nó có thể được sử dụng làm chất kết dính giữa bê tông cũ và mới.
- Nó có thể được sử dụng làm chất kết dính giữa các lớp sơn giữa lớp sơn trên cùng và lớp sơn trung gian.
- Nó cũng có thể được sử dụng làm chất kết dính giữa các lớp trên bề mặt sơn.
- Bề mặt RCC bên ngoài bao gồm mái dốc, tường xây hoặc

ỨNG DỤNG SẢN PHẨM:

Tỷ lệ trộn: BASE- 3 phần theo trọng lượng, CHẤT LÀM ĐÔNG CỨNG - 2 phần theo trọng lượng.

Bề mặt bê tông mới: Bề mặt không được có bụi và các hạt rời rạc. Các hạt rời rạc phải được loại bỏ bằng cách rửa hoặc thổi khí. Thi công lớp phủ TECHNINICOL EPOXY PRIMER 021 với tốc độ trải 50 -55 feet vuông/kg/lớp tùy thuộc vào độ xốp của bê tông đối với lớp hoàn thiện trơn và 20-25 feet vuông đối với lớp hoàn thiện chống trượt. Cho phép 8-12 giờ để khô, nếu có thể thì đợi 24 giờ trước khi thi công.

Bề mặt bê tông hiện có/cũ: Loại bỏ tất cả các lớp phủ bám dính lỏng lẻo và các chất gây ô nhiễm khác như tảo hoặc nấm. Lấp đầy các vết nứt hiện có bằng hỗn hợp SƠN LÓT EPOXY TECHNINICOL 021 và cát. Thi công lớp phủ SƠN LÓT EPOXY TECHNINICOL 021 với tốc độ trải 50-55 feet vuông/kg/lớp tùy thuộc vào độ xốp của bê tông đối với lớp hoàn thiện trơn và 20-25 feet vuông đối với lớp hoàn thiện chống trượt. Để 8-12 giờ cho khô, nếu có thể thì đợi 24 giờ trước khi thi công.



ĐẶC TÍNH	SƠN LÓT EPOXY TECHNINICOL 021
Phương pháp áp dụng	Cọ hoặc con lăn
Thời gian sống (100 GM MIX), phút	ở 25°C: 25 đến 30, ở 35°C: 15 đến 20
Trọng lượng riêng, g/cm ³	1.05 đến 1.12
Thời gian phủ (tối đa), giờ	24
Thời gian đóng rắn	Đóng rắn ban đầu: 24 giờ, Đóng rắn cuối cùng: 7 ngày
Nhiệt độ thi công, °C	5 đến 35

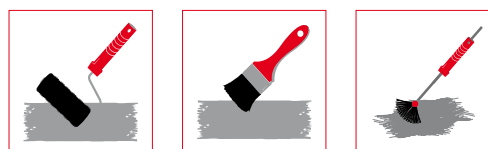
TECHNONICOL ULTRASHIELD

LỚP PHỦ CHỐNG THẤM MICROFIBER DẠNG LÔNG, GỐC ACRYLIC

ULTRASHIELD là màng chống thấm acrylic, một thành phần, chịu được tia cực tím và thời tiết, dạng lông, dùng cho tất cả các loại mái lợp lộ thiên (mới và cũ), sân thượng (dốc và bằng), v.v. ULTRASHIELD chứa polyme liên kết chéo, các vi sợi thủy tinh đặc biệt, chất tạo màu và chất phụ gia chống nấm tiên tiến tạo nên màng chống thấm bền bỉ.

TECHNONICOL ULTRASHIELD được sử dụng để chống thấm và bảo vệ:

- Chỉ số bức xạ mặt trời (SRI) cao cho thấy hiệu quả làm mát ở mức độ cao.
- Mái lợp (phẳng và dốc).
- Mái bậc thang RCC/amiăng/vôi, v.v. sau khi chuẩn bị và sửa chữa bề mặt phủ hợp.
- Thích hợp cho việc sửa chữa màng bitum hiện có.
- Có thể dùng làm lớp phủ bên ngoài cho bể chứa nước PVC tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời trên mái nhà.
- Tường, ban công và tấm che nắng mở rộng.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNONICOL ULTRASHIELD
Cơ sở hóa học	-	Phân tán polyme acrylic
Mật độ, kg/l ở 27° C	-	1.35
Độ dày lớp sợi thủy tinh, mm	-	1.2
Hàm lượng chất rắn, % (theo trọng lượng)	ASTM D 2969	66
Độ bền kéo, MPa	ASTM D412	1.5
Độ giãn dài khi đứt, %	ASTM D412	>200
Cường độ bám dính vào xi măng sau 14 ngày bảo dưỡng, N/mm ²	EN 1542	≥ 1.5
Đặc tính bắc cầu vết nứt, mm	ASTM C 836	2.5
Độ hút nước (% theo khối lượng)	ASTMD 570	< 10
Độ truyền hơi nước, g/m ² / 24 giờ	ASTM E96	23
Độ cứng Shore A	ASTM D 2240	45 sau 1 tháng
Chỉ số bức xạ mặt trời	ASTM E1980	106 (điều kiện gió thấp đến gió cao) 49,8 đến 41°C (điều kiện gió thấp đến gió cao)
Sự sinh trưởng của tảo và nấm	ASTM D5590	Không tăng trưởng
Tính thấm nước	IS 2645	Đạt

TECHNONICOL ULTRATHANE

MÀNG POLYURETHANE DẠNG LÔNG ĐÓNG RẮN ƯỚT MỘT THÀNH PHẦN

TECHNONICOL ULTRATHANE là loại matit dạng lông đóng rắn ướt một thành phần được làm từ polyurethane nguyên chất, một khi đã đóng rắn tạo thành một màng đàn hồi liên tục mà không cần bất kỳ mối nối, chằng chéo hoặc bất kỳ lưới tích hợp nào. Nó có thể được thi công bằng bàn chải, chổi cao su, con lăn hoặc bình xịt không có không khí. Cần sử dụng con lăn cho các hệ thống được gia cố.

Sản phẩm có màu xám, trắng và các màu khác theo yêu cầu.

Hệ thống chống thấm có hoặc không có cốt thép cho:

- Mái nhà, sân thượng và ban công.
- Bể chứa, kênh, đường ống.
- Làm mới màng cũ.
- Bãi đỗ xe và khu thể thao.
- Khu vực ẩm ướt.
- Mặt cầu, cầu vượt và bục.



TECHNONICOL ULTRATHANE ECO

MÀNG POLYURETHANE DẠNG LÔNG ĐÓNG RẮN ƯỚT MỘT THÀNH PHẦN

TECHNONICOL ULTRATHANE ECO là chất lông đóng rắn ướt một thành phần được làm từ polyurethane nguyên chất, một khi đã đóng rắn tạo thành một màng đàn hồi liên tục mà không cần bất kỳ mối nối, chằng chéo hoặc bất kỳ lưới tích hợp nào. Nó có thể được thi công bằng bàn chải, chổi cao su, con lăn hoặc bình xịt không có không khí. Cần sử dụng con lăn cho các hệ thống được gia cố.

Sản phẩm có màu xám, trắng và các màu khác theo yêu cầu.

Hệ thống chống thấm có hoặc không có cốt thép cho:

- Mái nhà, sân thượng và ban công.
- Bể chứa, kênh, đường ống.
- Làm mới màng cũ.
- Bãi đỗ xe và khu thể thao.
- Khu vực ẩm ướt.
- Mặt cầu, cầu vượt và bục.

ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNONICOL ULTRATHANE	TECHNONICOL ULTRATHANE ECO
Trọng lượng riêng, g/ml	UNI EN ISO 2811-1	1.40± 0,07	1,40± 0.07
Độ nhớt ở 20°C, mPa.s	UNI EN ISO 2555	4,000 ± 1,000	4,000 ± 1,000
Hàm lượng chất rắn, %	EN ISO 3251	90±1	90±1
Cầu nối vết nứt, mm	EN 1062-7	>2	>2
Độ hấp thụ của mao mạch và độ thấm nước, kg/m ² · h ^{0.5}	EN ISO 1062-3	< 0.1	< 0.1
Độ bám dính vào bê tông, MPa	EN 1542	> 2.0	> 2.0
Độ bền kéo, MPa	UNI EN 12311-2	4-6	3-3.5
Độ giãn dài khi đứt, %	UNI EN 12311-2	>450	>500
Độ cứng Shore A	EN ISO 868	70	70
Bám dính vào bê tông xanh	EN 13578	Không phồng, không nứt, không bong tróc	Không phồng, không nứt, không bong tróc

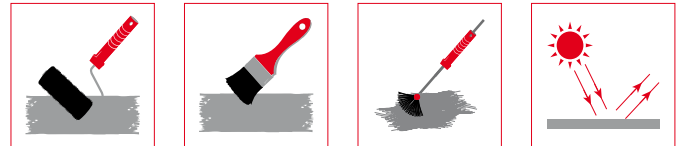
TECHNONICOL ULTRATHANE PUD

MÀNG CHỐNG THẤM POLYURETHANE DẠNG LÒNG

ULTRATHANE PUD là màng polyurethane biến tính, một thành phần, gốc nước, có độ đàn hồi cao, có độ bền cao, thi công nguội, được sử dụng để chống thấm lâu dài. Khi sử dụng ULTRATHANE PUD, nó tạo thành màng kỵ nước, chống thấm 100%, đàn hồi vĩnh viễn, liên mạch không có mối nối hoặc khả năng rò rỉ giúp bảo vệ các cấu trúc cũ và mới một cách hiệu quả và lâu dài.

TECHNONICOL ULTRATHANE PUD được sử dụng cho:

- Chống thấm mái nhà
- Chống thấm ban công và sân thượng
- Sàn chống thấm
- Chống thấm khu vực ẩm ướt (dưới gạch)
- Chống thấm và bảo vệ kết cấu bê tông.
- Chống thấm và bảo vệ tấm vách thạch cao và tấm xi măng
- Bảo vệ tấm cách nhiệt bằng bột Polyurethane.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNONICOL ULTRATHANE PUD
Trọng lượng riêng, g/ml	UNI EN ISO 2811-1	1.34± 0.02
Ngoại hình	-	Chất lỏng nhớt
Hàm lượng chất rắn, %	EN ISO 3251	>66
Độ bền kéo, N/mm ²	UNI EN 12311-2	>1.5
Độ giãn dài khi đứt, %	UNI EN 12311-2	>.400
Độ bám dính vào bê tông, N/mm ²	EN 1542	>1.5
Khả năng chịu áp lực nước	-	Không rò rỉ (cột nước 1m, 24 giờ)
Kháng hóa chất	-	Khả năng chống kiềm tốt
Độ cứng Shore A	EN ISO 868	>70
Độ hấp thụ của mao mạch và độ thấm nước, kg/m ² · h ^{0.5}	EN ISO 1062-3	< 0.1
Cầu nối vết nứt, mm	EN 1062-7	lên đến 2.00
Lưu lượng người đi bộ (được phép)	-	Lưu lượng trung bình
Thời gian không bám dính	-	6-12 giờ / 20°C / 50% RH
Thời gian lưu lượng người đi bộ nhẹ	-	18 giờ / 20°C / 50% RH
Thời gian đông rắn cuối cùng	-	7 ngày / 20°C / 50% RH
Điểm bốc cháy	-	Không cháy

TECHNONICOL ULTRATHANE SUPER

MÀNG POLYUREA HYBRID CHỐNG THẤM VÀ SƠN PHỦ

TECHNONICOL ULTRATHANE SUPER là xịt phun hybrid polyurea/polyurethane phun hai thành phần tạo thành một lớp liên tục, Màng chống thấm chắc chắn, 100% không có mối nối hoặc lớp chồng và bám dính hoàn toàn vào nền. Nó phù hợp để chống thấm, bảo vệ và bịt kín nối chung. Do thi công ở dạng lỏng nên nó lý tưởng cho việc sửa chữa hoặc sơn lại lên trên các loại màng PU / polyurea khác khi chúng đã được xúc tác.

TECHNONICOL ULTRATHANE SUPER được sử dụng để chống thấm và bảo vệ:

- Mái nhà có thể đi lại được.
- Sân hiên, ban công và phần nhô ra.
- Mái kim loại.
- Mái amiăng.
- Màng PU/polyurea khác.

Độ dày khuyến nghị là 2,00 mm. Nhiệt độ môi trường áp dụng: +5°C ~ 35°C.

Nhiệt độ bề mặt thi công: +30°C ~ 30°C.

Độ ẩm tương đối môi trường tối đa: 80%. Thời gian sống ở 23°C: 20 ~ 25 phút.

TECHNONICOL ULTRATHANE SUPER CA

MÀNG POLYUREA HYBRID THI CÔNG NGUỘI CHỐNG THẤM VÀ SƠN PHỦ

TECHNONICOL ULTRATHANE SUPER CA là xịt phun hybrid polyurea/polyurethane phun hai thành phần tạo thành một lớp liên tục, Màng chống thấm chắc chắn, 100% không có mối nối hoặc lớp chồng và bám dính hoàn toàn vào nền. Nó phù hợp để chống thấm, bảo vệ và bịt kín nối chung. Đặc tính của nó làm cho nó trở thành sự lựa chọn tuyệt vời để ứng dụng trên nhiều loại bề mặt của các tòa nhà mới và trong các công trình tân trang. Nó được áp dụng thủ công và cũng có thể bằng máy phun không có không khí.

TECHNONICOL ULTRATHANE SUPER CA được sử dụng để chống thấm và bảo vệ:

- Mái nhà có thể đi lại được.
- Sân hiên, ban công và phần nhô ra.
- Mái kim loại & Mái amiăng.
- Màng PU/polyurea khác.

Độ dày khuyến nghị là 1,5mm.

Nhiệt độ môi trường áp dụng: +5°C ~ 35°C.

Nhiệt độ bề mặt khi thi công: 5°C ~ 35°C. Không tiến hành thi công nếu độ ẩm tương đối của khí quyển >80% hoặc nếu nhiệt độ bề mặt cao hơn điểm sương <3°C.

ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNONICOL ULTRATHANE SUPER	TECHNONICOL ULTRATHANE SUPER CA
Mật độ ở 23° C, g/cm ³	ISO 1675	1.10±0.02	1.40±0.07
Hàm lượng chất rắn, %	ISO 1768	100	>90
Phản ứng cháy, loại Euro	-	F	F
Cầu nối vết nứt, mm	ASTM D 624	45±10	>25
Độ bền kéo ở 23°C, MPa	ASTM D 412	15±2	10±2
Phạm vi nhiệt độ hoạt động	-	-30°C đến 90°C	-30°C đến 90°C
Độ giãn dài khi đứt ở 23°C, %	ASTM D 412	450±100	>550
Độ bám dính vào bê tông, MPa	ASTM D4541	≥2	≥2
Khả năng trám vết nứt tĩnh, mm	ASTM D 836	≥2	≥2
Thời gian đông cứng ở 23°C	-	12 giờ	6 ngày
Bao bì, thùng phuy (A+B), kg	-	210-250	20

**CHỐNG THẤM
TRÁM XI MĂNG**



TECHNONICOL TECHNOCRETE

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỀ MẶT ĐỂ BẢO VỆ BÊ TÔNG VÀ KHỐI XÂY

TECHNONICOL TECHNOCRETE là hệ thống sơn phủ composite dẻo gốc xi măng biến tính polyme gốc acrylic. TECHNONICOL TECHNOCRETE kết hợp với xi măng mang lại những đặc tính khắc phục những nhược điểm của xi măng trơn, đặc biệt là đặc tính bám dính kém, cường độ va đập thấp, cường độ uốn thấp và độ dễ gãy của mặt cắt mỏng. TECHNONICOL TECHNOCRETE polyme tăng thêm tiềm năng sử dụng cũng như tăng cường các đặc tính của vữa xi măng, vữa hoặc bê tông, khiến nó trở thành sự lựa chọn tuyệt vời để sử dụng trong xây dựng mới cũng như trong công tác cải tạo.

TECHNONICOL TECHNOCRETE được sử dụng để xử lý bề mặt, bảo vệ, chống thấm và sửa chữa bê tông và khối xây. Chống thấm tầng hầm, nhà vệ sinh, sân thượng, mái nhà, bể bơi, tháp nước, v.v. Sửa chữa bê tông tổng thể. Bảo vệ bê tông khỏi bị ăn mòn, tấn công của muối, v.v.

- Kết hợp bề mặt dẻo dai, cứng cáp với khả năng chống thấm.
- Cho phép hơi thoát ra ngoài do đó ngăn ngừa bong tróc và phồng rộp.
- Có thể thi công với độ dày đồng đều trên bề mặt ngang và dọc.
- Tạo độ bám dính tốt cho hầu hết các loại vật liệu xây dựng.
- Giảm hoặc ngăn chặn sự xâm nhập của muối vào bê tông.
- Không bị ảnh hưởng bởi tia cực tím hoặc bởi các hóa chất từ axit nhẹ đến kiềm mạnh.
- Có độ bền cao trong điều kiện ẩm ướt liên tục.
- Không cháy và không thải ra khí độc khi tiếp xúc với lửa.
- Sẽ không bị mục nát hoặc ăn mòn.
- Hầu hết các tài sản đều được cải thiện theo thời gian.
- Không gây hại cho sức khỏe người lao động.

Bảo quản ở nơi khô mát ở nhiệt độ từ 5°C đến 30°C trong điều kiện kín. Đừng để nó đóng băng. Tránh xa ánh nắng trực tiếp của mặt trời.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNONICOL TECHNOCRETE
Ngoại hình	visual	chất lỏng chảy tự do màu trắng sữa
Độ nhớt, giây	IS 101	12±1
Hàm lượng chất rắn, % (theo trọng lượng)	IS 101	30±3
Thông số pH, giá trị	IS 9103	>7
Cường độ bám dính 14 ngày, MPa (tối thiểu hoặc phá hủy bê tông)	ASTM C 882-87	2.0
Cường độ nén 28 ngày, MPa	IS 516	>30
Thời gian sơn lại ở 27°C và 65% pH, giờ	IS 101	4-6
Đóng rắn hoàn toàn, ngày	IS 101	14
Hàm lượng tro, % (theo trọng lượng)	IS 101	<1.0
Chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC), % (theo trọng lượng)	IS 101	<1.0

TECHNONICOL ULTRACEM 2C

MÀNG CHỐNG THẤM XI MĂNG ĐÀN HỒI HAI THÀNH PHẦN

TECHNONICOL ULTRACEM 2C được sử dụng cho:

- Chống thấm sân thượng, bể chứa, bể bơi, ban công trước khi lát gạch men.
- Lớp phủ chống thấm tường chắn và lớp lót cho kết cấu bê tông.
- Lớp phủ linh hoạt cho các kết cấu đúc sẵn, nền bê tông có vết nứt nhỏ, lớp lán nền, lớp trát.
- Bảo vệ bê tông khỏi tác động của khói, carbon dioxide, clorua, sunfat.
- Chống thấm bể chứa nước.

ƯU ĐIỂM:

- Khả năng chống nước tuyệt vời,
- Có thể áp dụng trên nhiều loại chất nền khác nhau.
- Tính linh hoạt cao
- Áp dụng từ +5 °C đến +35 °C (nhiệt độ bề mặt).

Chất nền phải rắn chắc, không có bụi, bất kỳ chất bẩn nào, hiện tượng sùi bọt và các vết cắt, sơn, sáp, dầu và rỉ sét. Tất cả những bất thường có thể gây ra sự thay đổi độ dày nhất quán hoặc khó khăn khi thi công phải được loại bỏ. Nếu bề mặt cần xử lý có khả năng hút nước quá cao, hãy làm ẩm chúng bằng nước trước khi thi công sản phẩm. Làm sạch tốt và loại bỏ tất cả các phần rời rạc, khôi phục bằng vữa biến tính polyme.

Sản phẩm còn nguyên bao bì kín, được bảo quản ở nơi khô ráo và được bảo vệ, tránh nhiệt độ cao và thấp, được bảo quản trong 12 tháng.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	TECHNONICOL ULTRACEM 2C
Ngoại hình	Visual	Màu xám/trắng nhạt
Mật độ hỗn hợp, kg/l	ASTM D1475	1.8±0.02
Thời gian sống, phút	-	45
Độ bền kéo, MPa	ASTM D412	>2
Độ giãn dài khi đứt, %	ASTM D412	>50
Cường độ bám dính vào bê tông, MPa	ASTM D4541	>1.5
Cầu nối vết nứt, mm	ASTM D836	>1.5
Áp suất thủy tĩnh@5 bar (50m)	BS EN 12390 Phần 8	Không rò rỉ
Độc tính	IS 6582	Không độc hại
Thi công lớp thứ hai sau, giờ	-	4-6
Thời gian khô, giờ	-	6-8
Đóng rắn hoàn toàn, ngày	-	7

TECHNONICOL CA 110

PHỤ GIA CHỐNG THẤM CRYSTALLINE

TECHNONONICOL CA 110 là vật liệu chống thấm dạng tinh thể phản ứng được tạo thành từ hỗn hợp hóa chất độc quyền (chủ yếu là muối hữu cơ và vô cơ), thạch anh, cát và xi măng.

TECHNONICOL CA 110 là vật liệu thân thiện với môi trường và có hàm lượng VOC thấp. Đây là một hệ thống chống thấm tích hợp được thêm vào các mẻ bê tông trong quá trình trộn. Các hóa chất hoạt động phản ứng với độ ẩm trong bê tông tươi và với sản phẩm phụ của quá trình hydrat hóa xi măng trong bê tông hoặc vật liệu gốc xi măng sẽ gây ra phản ứng xúc tác tạo ra sự hình thành tinh thể không hòa tan, kết tinh trong các lỗ rỗng và rãnh mao dẫn.

Về lâu dài, dưới môi trường siêu bão hòa bên trong bê tông, TECHNOMICOL CA 110 sẽ bắt đầu quá trình kết tinh. Khi quá trình này diễn ra, hàng triệu tinh thể hình kim được hình thành và lấp đầy các rãnh mao dẫn, lỗ chân lông và các khoảng trống cực nhỏ trong bê tông. Con đường dẫn đến độ ẩm có hại và hóa chất mạnh bị chặn vĩnh viễn.

TECHNONICOL CA 110 được thêm vào các mẻ bê tông trong quá trình trộn cho các công trình xây dựng mới. Thành phần hữu cơ tăng trưởng cao của sản phẩm phản ứng với nước và các hạt không ngậm nước trong bê tông để tạo thành hàng triệu tinh thể hình kim. Những tinh thể này phát triển và di chuyển qua bê tông để lấp đầy các lỗ chân lông mỏng như sợi tóc và các khoảng trống cực nhỏ lên tới 0,5mm, nếu không sẽ đóng vai trò là lối đi cho độ ẩm có hại. Công nghệ TECHNOMICOL CA 110 tăng cường quá trình hydrat hóa tự nhiên trong bê tông, tăng cường độ nén theo thời gian và giảm đáng kể các vết nứt do co ngót.

TECHNONICOL CA 110 được sử dụng để chống thấm các khu vực như sau:

- Sàn tầng hầm và tường chắn.
- Mái phẳng bê tông.
- Kết cấu giữ nước.
- Nâng hố.
- Bể bơi.
- Hồ chứa nước.
- Cấu trúc nhiễm bẩn thứ cấp.
- Đường hầm và hệ thống tàu điện ngầm.
- Ứng dụng đúc sẵn, đổ tại chỗ và bê tông phun.

Sản phẩm bột TECHNOMICOL CA 110 LOW VOC chứa các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi thấp và an toàn khi sử dụng cả ngoài trời và trong không gian hạn chế trong nhà.

- Thân thiện với môi trường.
- Dễ sử dụng - chỉ trộn với bê tông.
- Nó giúp tiết kiệm chi phí đáng kể vì nó loại bỏ chi phí lao động về lâu dài. Bảo vệ toàn diện cho toàn bộ bê tông.
- Bảo vệ vĩnh viễn ngay cả khi bề mặt bị hư hỏng.
- Nó có thể bịt kín các mao mạch và các vết nứt co ngót nhỏ tới 0,5mm thông qua sự hình thành tinh thể.
- Nó chống lại áp lực thủy tĩnh cực lớn từ bề mặt dương hoặc âm của tấm bê tông.
- Tiết kiệm thời gian.
- Nó cải thiện độ bền của bê tông.
- Không độc hại.
- Phụ gia cho điều kiện thủy tĩnh (PRAH)
- Nó vượt qua yêu cầu của tiêu chuẩn ASTM C494-S (Phụ gia đặc tính).

ĐẶC TÍNH	TECHNONICOL CA 110
Hình thức	Bột xi măng (Xám)
Hàm lượng clorua BS 507S	Nil Không
Điều kiện uống được BS 6920 Phần 1:2000	Tuân thủ
Hệ số thấm nước (m/giây) ADM/CE/017:2013	1.13 x 10 ⁻¹³
Có thể bịt kín các vết nứt chân tóc, mm	lên đến 0,5
Thời hạn sử dụng	1 năm nếu chưa mở và không bị hư hỏng
Đóng gói, kg/thùng	25

TECHNONICOL CA 112

SƠN CHỐNG THẤM CRYSTALLINE THI CÔNG BỀ MẶT

TECHNONONICOL CA 112 là chất xử lý chống thấm dạng tinh thể ứng dụng bề mặt cho các kết cấu bê tông được sử dụng để bảo vệ chống lại sự xâm nhập của nước. Nó là một loại bột khô được tạo thành từ hỗn hợp hóa chất độc quyền (chủ yếu là muối hữu cơ và vô cơ), thạch anh, cát và xi măng và khi trộn với nước sẽ trở thành lớp phủ được áp dụng cho mặt trong hoặc mặt ngoài của kết cấu bê tông.

TECHNONICOL CA 112 là vật liệu thân thiện với môi trường và có hàm lượng VOC thấp. Các hóa chất hoạt động phản ứng với độ ẩm trong bê tông tươi và với sản phẩm phụ của quá trình hydrat hóa xi măng trong bê tông hoặc vật liệu gốc xi măng sẽ gây ra phản ứng xúc tác tạo ra sự hình thành tinh thể không hòa tan.

Khi quá trình này diễn ra, hàng triệu tinh thể hình kim được hình thành và lấp đầy các rãnh mao dẫn, lỗ chân lông và các khoảng trống cực nhỏ trong bê tông. Con đường dẫn đến độ ẩm có hại và hóa chất mạnh bị chặn vĩnh viễn. Những tinh thể này phát triển và di chuyển qua bê tông để lấp đầy các lỗ chân lông mỏng như sợi tóc và các khoảng trống cực nhỏ lên tới 0,5mm, nếu không sẽ đóng vai trò là lối đi cho độ ẩm có hại.

Công nghệ TECHNONICOL CA 112 tăng cường quá trình hydrat hóa tự nhiên trong bê tông, tăng cường độ nén theo thời gian và giảm đáng kể các vết nứt do co ngót.

TECHNONICOL CA 112 được sử dụng để chống thấm các khu vực như sau:

- Sàn tầng hầm và tường chắn.
- Mái bê tông phẳng
- Kết cấu giữ nước.
- Hồ nâng
- Bể bơi
- Hồ chứa nước
- Cấu trúc nhiễm bẩn thứ cấp
- Đường hầm và hệ thống tàu điện ngầm
- Ứng dụng đúc sẵn, đổ tại chỗ và bê tông phun.

Sản phẩm bột TECHNONICOL CA 112 có hàm lượng VOC THẤP chứa các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi thấp và an toàn khi sử dụng cả ngoài trời và trong không gian hạn chế trong nhà.

- Thân thiện với môi trường.
- Nó chạm sâu xuống dưới bề mặt và không bị ảnh hưởng bởi sự mài mòn bề mặt.
- Bảo vệ vĩnh viễn ngay cả khi bề mặt bị hư hỏng.
- Nó có thể bịt kín các mao mạch và các vết nứt co ngót nhỏ tới 0,5 mm thông qua sự hình thành tinh thể.
- Nó chống lại áp lực thủy tĩnh cực lớn từ bề mặt dương hoặc âm của tấm bê tông.
- Có thể áp dụng xử lý cho bê tông cũ và bê tông mới.
- Nó cải thiện độ bền của bê tông.
- Không độc hại.
- Nó cho phép bê tông thở.
- Nó vượt qua yêu cầu của tiêu chuẩn ASTM C494-S (Phụ gia đặc tính).

ĐẶC TÍNH	TECHNONICOL CA 112
Ngoại hình	Màu xám (bột)
Hình thức	Xi măng Portland, silicat
Hàm lượng clorua BS 507S	Không
Điều kiện uống được BS 6920 Phần 1:2000	Tuân thủ
Mật độ, g/cm ³ (khối lượng)	2.0
Có thể bịt kín các vết nứt chân tóc, mm	lên đến 0,5
Thời hạn sử dụng	12 tháng nếu chưa mở và không bị hư hỏng
Đóng gói, kg/thùng	25
Nhiệt độ ứng dụng, °C	8 ~40



Rezekne, Latvia
GORS, ĐẠI SỨ QUÁN LATGALE



Horní Počernice, Cộng hòa Séc
CÔNG VIÊN P3, SÂN H IX



Đường M27, Nga-Gruzia
ĐƯỜNG HẦM



**BỘT
POLYURETHAN**

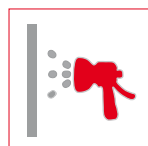
TECHNONICOL LOGICFOAM SPF

BỘT PHUN POLYURETHANE

CÁCH NHIỆT

TECHNONICOL LOGICFOAM SPF là loại vật liệu cách nhiệt bằng bột polyurethane hai thành phần, không chứa CFC & HCFC, được phun, tạo thành lớp phủ liên tục, cứng, 100% không mối nối, bám dính hoàn toàn trên mọi bề mặt. LOGICFOAM SPF thích hợp cho một loạt các ứng dụng cách nhiệt như mái nhà, tường, v.v. LOGICFOAM SPF có khả năng cách nhiệt cao và dễ dàng thi công trên mọi bề mặt. Nó được phun chất lỏng để bọt kín tất cả các vết nứt, kẽ hở, v.v. do đó làm cho toàn bộ mái nhà có khả năng chống ẩm.

- Việc phun được thực hiện bằng máy di động hai thành phần áp suất cao được trang bị thiết bị làm nóng trước và các ống được làm nóng.
- Độ dày mong muốn đạt được thông qua nhiều lượt/lớp và mỗi lớp sẽ tăng độ dày trong khoảng khoảng 10-15 mm.
- TECHNONICOL LOGICFOAM SPF bám dính chắc chắn vào bề mặt nhờ đó bịt kín mọi vết nứt và tạo ra bề mặt chống ẩm. Hệ thống này có cấu trúc ô kín do đó có đặc tính truyền hơi nước thấp và ức chế sự xâm nhập của hơi ẩm.
- Liên kết chắc chắn với nền cũng có thể góp phần đáng kể vào việc giảm độ rung của mái màng mỏng và tăng độ bền kết cấu của chính tòa nhà.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNONICOL LOGICFOAM SPF
Mật độ, (kg/m ³)	ASTM D 1622	45-50
Giá trị dẫn nhiệt ở 25° C (W/m _k)	ASTM C 518	0.023
Cường độ nén, KPa	ASTM D 1621	>300
Độ ổn định kích thước, %	ASTM D 2126	±1
Hàm lượng ô kín, %	ASTM D 2856	>96
Đặc tính cháy	DIN 4102	B2
Độ hút nước, (ngâm) 96 giờ, %.	ASTM D 2842	<2



LEN ĐÁ



Len đá là vật liệu cách nhiệt có hiệu quả cao. Bằng hiệu suất nhiệt, nó sẵn sàng cạnh tranh với vật liệu cách nhiệt tham chiếu - không khí ở trạng thái tĩnh. Khả năng chống truyền nhiệt cao đạt được bằng cách giữ lại một lượng lớn không khí ở trạng thái tĩnh bên trong lớp cách nhiệt nhờ sử dụng các sợi len khoáng tốt nhất đan xen chặt chẽ.

Vật liệu cách nhiệt dựa trên len đá của TECHNONICOL Corporation có một số lợi thế về kỹ thuật và hiệu suất được tạo ra trong giai đoạn sản xuất.

VỀ VẬT LIỆU

Len đá được làm từ đá bazan gabbro với việc bổ sung trầm tích có độ axit thấp. Các chất bổ sung là cần thiết để cung cấp độ axit mong muốn, điểm nóng chảy và để đạt được độ nóng chảy với các đặc tính dòng chảy mong muốn.

Các quy trình công nghệ được tự động hóa và việc kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt được thực hiện ở tất cả các giai đoạn sản xuất - từ nguyên liệu thô đến thử nghiệm thành phẩm. Điều đó đảm bảo tính ổn định của đặc tính sản phẩm. Các tấm len đá đã sẵn sàng để sử dụng được đóng gói an toàn trong màng co. Pallet len đá được bọc bằng công nghệ co giãn, giúp giảm chi phí vận chuyển và nhân công do tốc độ xử lý cao hơn. Loại bao bì này bảo vệ vật liệu khỏi bị hư hại khi được bảo quản trên mặt đất hoặc trên công trường, do đó len đá không bị mất các tính chất cơ lý trong điều kiện bảo quản như vậy.

CHẤT LƯỢNG SẢN XUẤT

Tất cả nguyên liệu của chúng tôi đều được sản xuất từ đá bazan trên thiết bị công nghệ cao tiên tiến của các nhà sản xuất hàng đầu Châu Âu.

Hệ thống quản lý chất lượng sản xuất len đá TECHNONICOL được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Việc thực hiện chứng nhận này đảm bảo quản lý công ty

hiệu quả nói chung cũng như đầu ra các sản phẩm có đặc tính chất lượng ổn định đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế và mong đợi của khách hàng.

Hệ thống quản lý sinh thái tại tất cả các nhà máy sản xuất len đá đều được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004 do tổ chức chứng nhận Deutsche Akkreditierungsstelle GmbH của Đức cấp. Chứng chỉ này khẳng định quy trình sản xuất được áp dụng đáp ứng các yêu cầu quốc tế cao nhất về quy định môi trường. Việc kiểm soát quá trình này đảm bảo giảm tác động tiêu cực đến môi trường cũng như việc thu hồi và xử lý chất thải, từ đó cải thiện hiệu quả hoạt động môi trường của chúng ta. Kinh nghiệm lâu năm, trang thiết bị hiện đại, công nghệ không ngừng hoàn thiện và những cải tiến được giới thiệu bởi Trung tâm Nghiên cứu độc quyền cho phép TECHNONICOL sản xuất các sản phẩm len đá có chất lượng cao ổn định.

LOẠI VẬT LIỆU

Việc sử dụng vật liệu cách nhiệt là công đoạn bắt buộc của nhiều quá trình xây dựng và sửa chữa.

Một loạt các sản phẩm len đá TECHNONICOL được phân chia theo lĩnh vực ứng dụng và cho phép sử dụng sản phẩm trong cả xây dựng dân dụng và tư nhân.

Phạm vi sản phẩm bao gồm vật liệu cách nhiệt cho mặt tiền bằng thạch cao và thông gió, mái dốc và mái bằng, sàn, tường, tấm bánh sandwich, v.v.

■ Tấm len đá tiêu chuẩn được sử dụng để cách nhiệt và cách âm trong hầu hết các lĩnh vực ứng dụng.

■ Các tấm có rãnh được sử dụng để cách nhiệt mái bằng với hệ thống các kênh thông gió được hình thành.

■ Tấm có bề mặt nhám được sử dụng để tăng độ bám dính của lớp trát bảo vệ trong cách nhiệt mặt tiền.

■ Tấm mái dốc được sử dụng để tạo độ dốc 1,7 hoặc 4,2% trên mái bằng nhằm thoát nước từ mái xuống phễu.



ƯU ĐIỂM



CÁCH NHIỆT HIỆU QUẢ

Len đá TECHNONICOL là vật liệu cách nhiệt hiệu quả cao. Đạt được khả năng chống truyền nhiệt cao nhờ các sợi len khoáng đan xen tốt nhất, giúp giữ lại một lượng lớn không khí bên trong vật liệu.



KHẢ NĂNG THẨM HƠI

Khả năng thẩm hơi của len đá TECHNONICOL cao, vật liệu không giữ được độ ẩm đến từ cơ sở dưới dạng hơi do hoạt động của con người tạo ra. Lớp cách nhiệt thực tế luôn khô ráo.



AN TOÀN CHÁY NỔ

Đá bazan Gabro là nguyên liệu chính của các sản phẩm len đá. Nhờ đó, tất cả các sản phẩm len đá TECHNONICOL đều không bắt lửa. Nhiệt độ nóng chảy của sợi vượt hơn 1000°C cho phép sử dụng các sản phẩm len đá ở nhiều nhiệt độ làm việc khác nhau.



KHÔNG THẨM NƯỚC

Tất cả len đá TECHNONICOL đều được xử lý bằng chất chống thấm nước. Sự hiện diện của độ ẩm trong lớp cách nhiệt ảnh hưởng đến tính chất của nó, tuổi thọ và khí hậu trong nhà. Thông thường, nếu lớp cách nhiệt bị ẩm thì cần phải thay thế. Len đá của chúng tôi được bảo vệ hiệu quả khỏi độ ẩm.



HẤP THỤ ÂM THANH MẠNH MỀ

Cấu trúc dạng sợi của sản phẩm len đá đảm bảo đặc tính hấp thụ âm thanh tuyệt vời. Các sản phẩm TECHNONICOL có tỷ lệ hấp thụ âm thanh cao trong phạm vi tần số rộng, giúp giảm mức độ tiếng ồn trong không khí và tiếng ồn va chạm trong các kết cấu cách âm khác nhau: vách ngăn, sàn nhà, tường và các kết cấu khác.



KHÁNG HÓA CHẤT

Len đá TECHNONICOL được sản xuất từ đá bazan. Khoáng chất tự nhiên thuộc nhóm này nổi bật vì khả năng kháng hóa chất cao đối với các chất khác nhau: dầu, dung môi, sơn, axit và kiềm. Len đá có thể được sử dụng an toàn cùng với bất kỳ loại vật liệu xây dựng nào cũng như các bộ lọc ăn mòn trong nhiều ngành công nghiệp hóa chất.



KHẢ NĂNG SINH HỌC

Các sản phẩm len đá TECHNONICOL đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về độ ổn định sinh học đã được chứng minh qua nhiều kiểm tra và thử nghiệm cũng như dữ liệu thực địa. Len đá có thể bù đắp tác động của nhiều loại vi sinh vật và vĩ mô khác nhau: vật liệu này không cung cấp điều kiện cho hoạt động sinh tồn của vi khuẩn, nấm mốc, nấm và không hấp dẫn như môi trường cho côn trùng và động vật gặm nhấm.



TƯƠNG THÍCH SINH THÁI

Là một trong những nhà sản xuất len khoáng sản lớn của Châu Âu, TECHNONICOL không ngừng cải tiến sản phẩm và dịch vụ của mình bằng cách sử dụng thiết bị hiện đại và áp dụng các công nghệ thân thiện với môi trường. Tất cả các sản phẩm đều tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, an toàn cho sức khỏe con người và thiên nhiên. Điều đó đạt được bằng một chu trình chứng nhận đầy đủ, cả bắt buộc và tùy chọn.



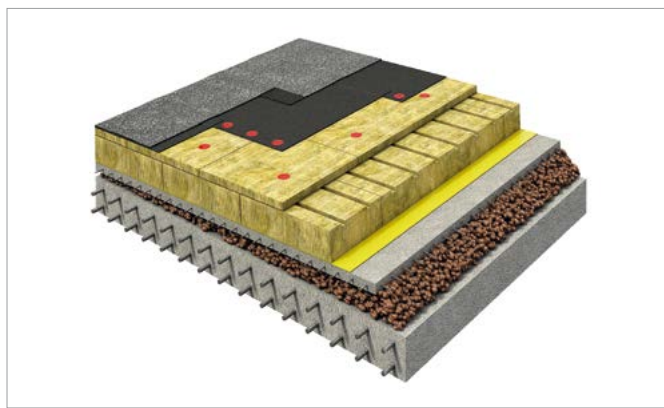
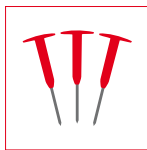
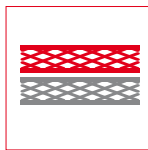
ỔN ĐỊNH KÍCH THƯỚC

Khả năng chịu ứng suất cơ học tăng lên của len đá TECHNONICOL được đảm bảo nhờ đặc tính sợi và cấu trúc len đá. Các thông số này được đặt riêng cho từng loại vật liệu, tùy thuộc vào diện tích ứng dụng của vật liệu cách nhiệt.



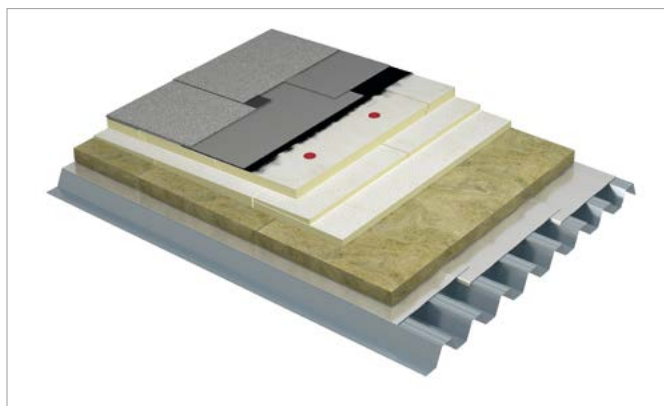
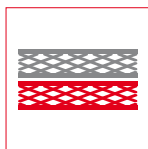
TECHNOROOF V60

TECHNOROOF V60 là tấm cách nhiệt và cách âm, chống thấm nước, không cháy làm bằng len khoáng dựa trên đá bazan. Nó được sử dụng như lớp cách nhiệt trên cùng trên mái bằng trong các công trình xây dựng mới hoặc xây dựng lại các tòa nhà và công trình công nghiệp và dân dụng.



TECHNOROOF N30

TECHNOROOF N30 là tấm cách nhiệt và cách âm, chống thấm nước, không cháy được làm bằng len khoáng dựa trên đá bazan. Nó được sử dụng làm lớp cách nhiệt phía dưới trên mái bằng trong các công trình xây dựng mới hoặc xây dựng lại các tòa nhà và công trình công nghiệp và dân dụng.

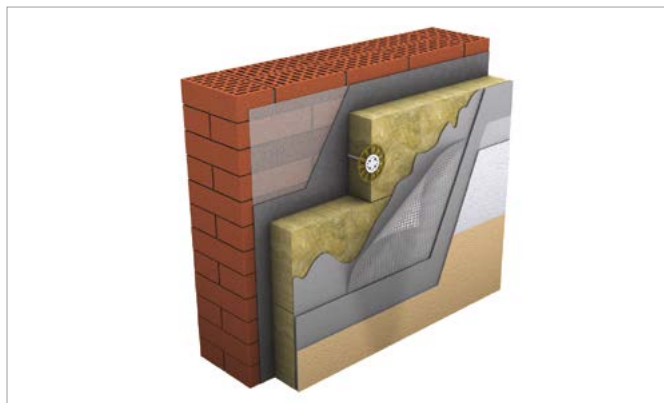
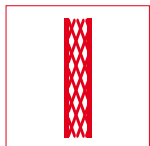


ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNOROOF V60	TECHNOROOF N30
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 10°C, W/m²K	EN 12667	0.038	0.036
Độ bền kéo, kPa	EN 1607	15.0	7.5
Tải điểm, N	EN 12430	700	250
Độ hút nước ngắn hạn, kg/m²	EN 1609	≤1.0	≤1.0
Độ hút nước dài hạn, kg/m²	EN 12087	≤3.0	≤3.0
Truyền hơi nước, MU	EN 12086	MU1	MU1
Phản ứng với lửa, Euroclass	EN 13501-1	A1	A1
Cường độ nén ở mức biến dạng 10%, kPa	EN 826	60	30
Mật độ, kg/m³	-	180±15	110±10
Chiều dài, mm	EN 823	1200, 2400	1200, 2400
Chiều rộng, mm	EN 823	600, 1200	600, 1200
Độ dày (tăng 10 mm), mm	EN 823	30-100	50-200

KHÁNG NHIỆT R_D , m²K/W (EN 12667)									
Độ dày, mm	30	40	50	60	70	80	90	100	110
TECHNOVENT STANDARD	-	-	1.40	1.70	1.95	2.25	2.55	2.80	3.10
TECHNOFACADE	-	-	1.30	1.55	1.80	2.15	2.45	2.70	2.95
TECHNOROOF V60	0.75	1.00	1.30	1.55	1.80	2.05	2.35	2.60	-
TECHNOROOF N30	-	-	1.35	1.60	1.90	2.15	2.45	2.70	2.95

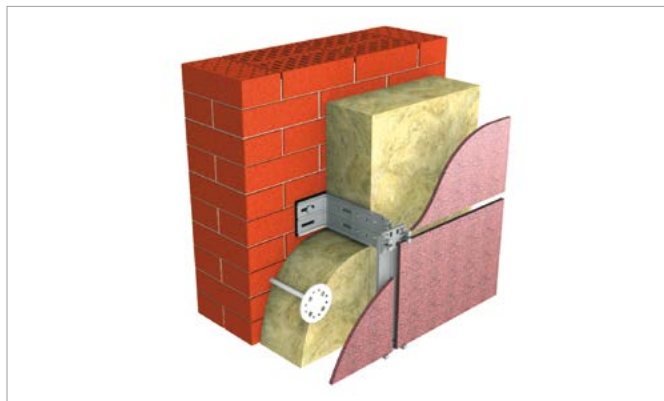
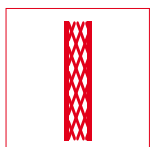
TECHNOFACADE

TECHNOFACADE là tấm cách nhiệt và cách âm không thấm nước, không cháy, làm bằng len khoáng dựa trên đá bazan. Nó được sử dụng trong xây dựng dân dụng và công nghiệp làm vật liệu cách nhiệt và cách âm trong các hệ thống cách nhiệt bên ngoài của tường với lớp trang trí bảo vệ làm bằng lớp phủ thạch cao mỏng.



TECHNOVENT STANDARD

TECHNOVENT là tấm cách nhiệt và cách âm không thấm nước, không cháy, làm bằng len khoáng dựa trên đá bazan. Nó được sử dụng trong xây dựng công nghiệp và dân dụng như lớp cách nhiệt và cách âm trong hệ thống mặt tiền thông gió (cách nhiệt một lớp).

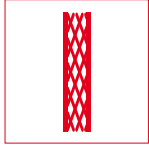


ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNOFACADE	TECHNOVENT STANDARD
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 10°C, W/m*K	EN 12667	50-90 mm – 0.038 100-200 mm – 0.037	0.035
Độ bền kéo, kPa	EN 1607	15.0	5.0
Tải điểm, N	EN 12430	400	100
Độ hút nước ngắn hạn, kg/m ²	EN 1609	≤1.0	≤1.0
Độ hút nước dài hạn, kg/m ²	EN 12087	≤3.0	≤3.0
Truyền hơi nước, MU	EN 12086	MU1	MU1
Phản ứng với lửa, Euroclass	EN 13501-1	A1	A1
Cường độ nén ở mức biến dạng 10%, kPa	EN 826	40	10
Mật độ, kg/m ³	-	145±14	80±8
Chiều dài, mm	EN 823	1000, 1200	1000, 1200
Chiều rộng, mm	EN 823	500, 600	500, 600
Độ dày (tăng 10 mm), mm	EN 823	50-200	50-200

KHÁNG NHIỆT R_D , m ² *K/W (EN 12667)									
Độ dày, mm	120	130	140	150	160	170	180	190	200
TECHNOVENT STANDARD	3.40	3.70	3.95	4.25	4.50	4.80	5.10	5.40	5.70
TECHNOFACADE	3.25	3.55	3.85	4.15	4.45	4.70	4.95	5.20	5.45
TECHNOROOF V60	-	-	-	-	-	-	-	-	-
TECHNOROOF N30	3.25	3.60	3.85	4.00	4.40	4.70	4.90	5.20	5.45

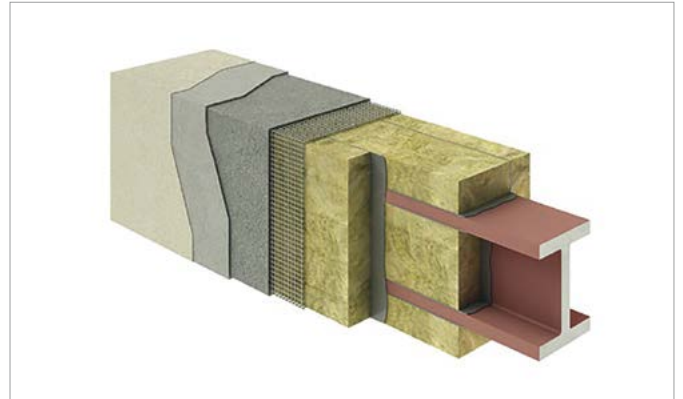
TECHNOLITE

Tấm len đá TECHNOLITE mật độ thấp được sử dụng làm vật liệu cách nhiệt và cách âm trong các hệ thống nơi vật liệu cách nhiệt không chịu tải trọng bên ngoài (vách ngăn và sàn có khung, sàn gác mái, mái dốc có xà nhà). Chúng cũng được sử dụng làm lớp đầu tiên (bên trong) trong hệ thống cách nhiệt hai lớp của mặt tiền thông gió có bàn lờ.



TECHNOSAFING

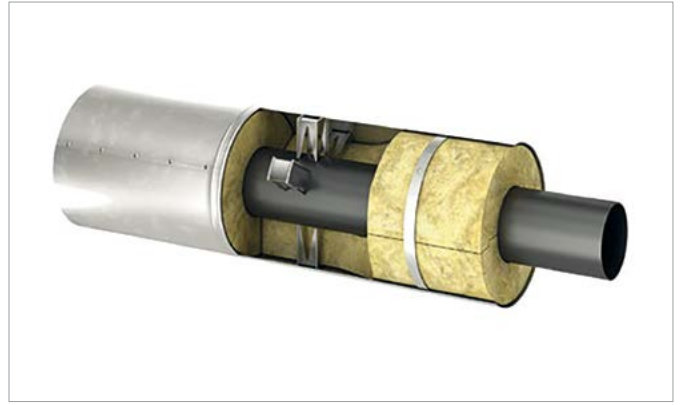
Tấm len đá TECHNOSAFING được sử dụng trong xây dựng công nghiệp và dân dụng làm vật liệu cách nhiệt và chống cháy cho các kết cấu kim loại, bao gồm cả sàn thép định hình. Vật liệu này đảm bảo khả năng chống cháy của kết cấu kim loại trong tối đa 240 phút mà không cần lớp phủ bảo vệ bổ sung.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	TECHNOLITE EXTRA	TECHNOLITE OPTIMA	TECHNOSAFING
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 10°C, W/m*K	EN 12667	0.038	0.036	0.037
Nhiệt độ sử dụng tối đa, °C	EN 14706	-	-	680
Độ hút nước ngắn hạn, kg/m ²	EN 1609	≤1.0	≤1.0	≤1.0
Truyền hơi nước, MU	EN 12086	MU1	MU1	-
Phản ứng với lửa, Euroclass	EN 13501-1	A1	A1	A1
Cường độ nén ở mức biến dạng 10%, kPa	EN 826	0.5	0.5	-
Mật độ, kg/m ³	EN 1602	32±6	38±4	160±15
Chiều dài, mm	EN 822	1000, 1200	1000, 1200	1200, 2400
Chiều rộng, mm	EN 822	500, 600	500, 600	600, 1200
Độ dày (tăng 10 mm), mm	EN 823	50-200	50-200	30-140

TECHNOCYLINDER

Tấm len đá TECHNOSAFING được sử dụng trong xây dựng công nghiệp và dân dụng làm vật liệu cách nhiệt và chống cháy cho các loại cấu hình kim loại, bao gồm cả sàn thép định hình. Vật liệu này đảm bảo khả năng chống cháy của loại kết cấu kim trong tối đa 240 phút mà không cần lớp bảo vệ bổ sung.



TECHNOMAT WIRED

Thảm len đá TECHNOMAT WIRED được sử dụng trong xây dựng công nghiệp làm vật liệu cách nhiệt, cách âm cho các thiết bị nhiệt độ cao, đường ống, ống dẫn khí, lọc bụi tĩnh điện. Một mặt của tấm thảm được phủ bằng thép mạ kẽm hoặc lưới thép không gỉ và được khâu bằng dây.



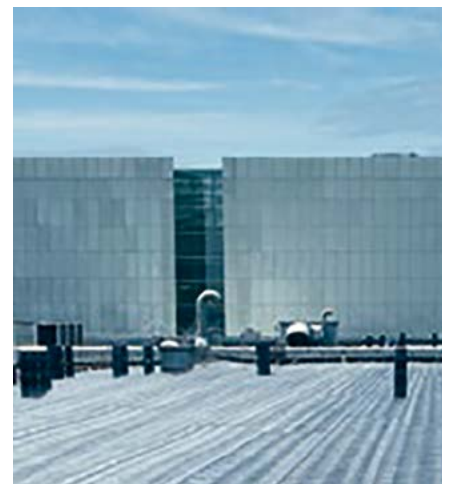
ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	TECHNOCYLINDER	TECHNOMAT
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 10°C, W/m*K	EN ISO 8497, EN 12667	0.036	0.034
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 25°C, W/m*K	EN 12667	-	0.037
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 50°C, W/m*K	EN ISO 8497, EN 12667	0.040	0.040
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 100°C, W/m*K	EN ISO 8497, EN 12667	0.046	0.043
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 125°C, W/m*K	EN ISO 8497, EN 12667	0.051	0.045
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 150°C, W/m*K	EN 12667	-	0.053
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 200°C, W/m*K	EN ISO 8497, EN 12667	0.064	0.062
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 300°C, W/m*K	EN ISO 8497, EN 12667	0.092	0.079
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 400°C, W/m*K	EN 12667	-	0.111
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 500°C, W/m*K	EN 12667	-	0.152
Độ dẫn nhiệt λ_D ở 600°C, W/m*K	EN 12667	-	0.197
Nhiệt độ sử dụng tối đa, °C	EN 14707, EN 14706	680	680
Độ hút nước ngắn hạn, kg/m ²	EN 13472, EN 1609	≤1.0	≤1.0
Phản ứng với lửa, Euroclass	EN 13501-1	A1	A1
Mật độ, kg/m ³	EN 13470, EN 1602	120±15	100±10
Chiều dài, mm	EN 13467, EN 822	1000, 1200	2400, 4800
Chiều rộng, mm	EN 822	-	1200
Đường kính bên trong, mm	EN 13467	18-324	-
Độ dày (tăng 10 mm), mm	EN 13467, EN 823	20-120	30-100
Dung sai độ dày, lớp	EN 14303	T9	T2



Đại lộ Tuas Tây, Singapore
DUPONT



Thượng Hải, Trung Quốc
MCARTURGLÉN, CỬA HÀNG THIẾT KẾ LA REGGIA OUTLET



Jurmala, Latvia
KADO KARIM





POLYSTYRENE ÉP ĐÙN



Polystyrene ép đùn (XPS) là một trong những vật liệu cách nhiệt hiệu quả nhất, được sử dụng rộng rãi để cách nhiệt nền móng, mái nhà, sàn nhà, đường ống, đường bộ và đường sắt. Các chuyên gia của công ty TECHNONICOL đã phát triển một công nghệ độc đáo để sản xuất các tấm polystyrene ép đùn với các hạt carbon có kích thước nano. Điều đó cho phép tăng đáng kể hiệu quả nhiệt của vật liệu và các đặc tính độ bền của nó đồng thời giảm hệ số hấp thụ nước đến mức tối thiểu.

VỀ VẬT LIỆU

Tấm polystyrene ép đùn được sản xuất bằng cách trộn các hạt polystyrene ở nhiệt độ và áp suất cao với việc bổ sung chất tạo bọt và sau đó ép đùn từ máy đùn.

TECHNONICOL XPS có các thông số cách nhiệt vượt trội và cường độ nén cao, không hấp thụ nước, không co lại hoặc sưng lên và có khả năng kháng hóa chất.

TECHNONICOL ép đùn polystyrene có hiệu suất tiết kiệm năng lượng tuyệt vời do các tính chất cơ lý được cải thiện. Nó cung cấp một số lợi thế có giá trị: độ dẫn nhiệt thấp, độ bền cao, kháng sinh học, tương thích sinh thái và tuổi thọ hơn 40 năm.

Chúng tôi cố gắng tạo ra một sản phẩm hoàn hảo – đáng tin cậy nhất, thuận tiện để vận hành và mang lại lợi nhuận về mọi mặt.

CHẤT LƯỢNG SẢN XUẤT

Polystyrene ép đùn TECHNONICOL CARBON được sản xuất trên thiết bị công nghệ cao hiện đại và chỉ những nguyên liệu thô chất lượng hàng đầu thu được từ các nhà cung cấp đáng tin cậy mới được sử dụng để sản xuất.

Mỗi dây chuyền sản xuất của công ty đều được trang bị hệ thống điều khiển máy tính.

Các phòng thí nghiệm tiên tiến đang hoạt động ở mọi nhà máy, thực hiện kiểm soát

chất lượng nhiều giai đoạn liên tục đối với các sản phẩm được sản xuất.

Tất cả các sản phẩm của TECHNONICOL đều đáp ứng yêu cầu vệ sinh; điều này áp dụng cho việc sản xuất, lưu trữ, vận chuyển và bán hàng. XPS TECHNONICOL CARBON ECO đã đạt được chứng nhận tự nguyện "Leaf of Life", khẳng định sự an toàn trong xây dựng nhà ở.

Các sản phẩm polystyrene ép đùn của TECHNONICOL Corporation mang đến sự kết hợp giữa giá cả cạnh tranh, chất lượng vượt trội và nhiều lợi thế vận hành để đáp ứng mọi nhu cầu về cách nhiệt.

LOẠI VẬT LIỆU

Việc sử dụng vật liệu cách nhiệt là công đoạn bắt buộc của nhiều quá trình xây dựng và sửa chữa.

Dòng sản phẩm TECHNONICOL XPS đa dạng được chia theo lĩnh vực ứng dụng và cho phép sử dụng sản phẩm trong cả xây dựng nhà ở dân dụng và tư nhân.

Phạm vi sản phẩm bao gồm vật liệu cách nhiệt cho thạch cao và mặt tiền thông gió, mái dốc và mái phẳng, sàn, tường, v.v.

Vật liệu được gắn chặt vào các bề mặt thẳng đứng bằng các ốc vít cơ học đặc biệt hoặc matit kết dính.

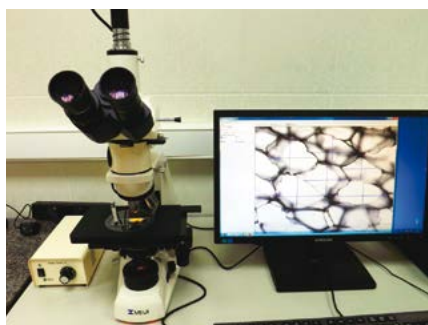
Đặc tính cường độ cao của polystyrene ép đùn cho phép sử dụng sản phẩm để xây dựng mái ballast. XPS với độ buộc thích hợp có thể được sử dụng làm lớp bảo vệ cho màng chống thấm. Nó cũng được sử dụng trong việc xây dựng đường sắt và đường cao tốc.

- Tấm polystyrene ép đùn tiêu chuẩn được sử dụng để cách nhiệt ở hầu hết các khu vực ứng dụng.

- Tấm có rãnh được sử dụng để thi công tường thoát nước và cách nhiệt bổ sung nền móng.

- Tấm có bề mặt nhám được sử dụng để tăng độ bám dính của lớp trát mặt tiền.

- Tấm mái dốc được sử dụng để tạo độ dốc cho mái bằng nhằm thoát nước từ mái xuống phễu.



ƯU ĐIỂM



CÁCH NHIỆT HIỆU QUẢ

Polystyrene ép đùn TECHNOMICOL có cấu trúc ô kín phân bố đồng đều. Nó cung cấp khả năng cách nhiệt, tính chất vật lý và cơ học cao.



CƯỜNG ĐỘ CAO

Độ bền của polystyrene ép đùn TECHNOMICOL CARBON nằm trong khoảng 25-50 t/m², đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nghiêm ngặt đối với vật liệu cách nhiệt.



ĐỘ BỀN

Polystyrene ép đùn TECHNOMICOL CARBON có tuổi thọ ít nhất 40 năm.



TỐT CHO MỌI KHÍ HẬU

TECHNOMICOL CARBON XPS có thể được sử dụng trong phạm vi nhiệt độ rộng từ -70°C đến +75°C, phù hợp để ứng dụng ở mọi vùng khí hậu trên thế giới.



HẤP THỤ NƯỚC TỐI THIỂU

Vật liệu có đặc tính hấp thụ nước tối thiểu, đặc tính cách nhiệt của nó vẫn ổn định trong toàn bộ vòng đời.



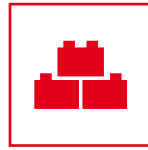
MẬT ĐỘ TỐI ƯU

Các chuyên gia của công ty đã có thể tìm ra mật độ tối ưu cho các sản phẩm XPS (yếu tố chính ảnh hưởng đến chi phí sản xuất). Điều đó cho phép giảm giá, đồng thời cải thiện các thông số hiệu suất chính của polystyrene ép đùn, không ngừng tăng năng lực sản xuất và không ngừng cải tiến công nghệ và quy trình.



KÍCH THƯỚC NHẤT QUÁN

Độ chính xác của kích thước hình học của tấm polystyrene ép đùn TECHNOMICOL có thể cải thiện tốc độ lắp đặt và chất lượng công việc.



LẮP ĐẶT DỄ DÀNG

Tấm polystyrene ép đùn có thể dễ dàng cắt, lắp đặt nhanh chóng và an toàn bằng chất kết dính hoặc ốc vít cơ học.



KHÁNG LOÀI Gặm NHAM

Polystyrene ép đùn TECHNOMICOL CARBON không phải là môi trường sinh sản của loài gặm nhấm.



KHẢ NĂNG SINH HỌC

Polystyrene ép đùn TECHNOMICOL CARBON có tính ổn định sinh học đối với nấm mốc - chất phá hủy chính của vật liệu cách điện.



KHÁNG HÓA CHẤT

Tất cả các vật liệu TECHNOMICOL đều phải chịu sự kiểm soát vệ sinh và dịch tễ học nghiêm ngặt để có được kết luận tương ứng. TECHNOMICOL CARBON XPS có khả năng kháng hóa chất và không bị thối rữa.



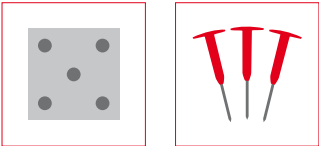
TECHNONICOL CARBON ECO

Polystyrene ép đùn TECHNOMICOL CARBON ECO là vật liệu hiệu suất cao được sử dụng rộng rãi cho các tòa nhà và công trình khi lắp đặt lớp cách nhiệt cho tầng hầm, mái, sàn và mặt tiền.

TECHNONICOL CARBON ECO là vật liệu cách nhiệt có các ô kín phân bố đồng đều, không bị trương nở, co ngót hay hút nước. Nó có khả năng kháng hóa chất và không dễ bị thối rữa. Độ bền cao của vật liệu cho phép nhận được lớp nền cứng đồng đều và đồng thời giúp tăng đáng kể độ bền của toàn bộ hệ thống cách nhiệt.

TECHNONICOL CARBON ECO chứa các hạt carbon có kích thước nano, cho phép tăng đáng kể hiệu suất nhiệt của vật liệu.

Nó có thể được cung cấp với các cạnh phẳng hoặc hình chữ L.



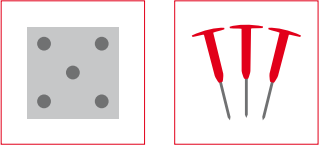
TECHNONICOL CARBON ECO FACADE

Polystyrene ép đùn TECHNOMICOL CARBON ECO FACADE là vật liệu hiệu suất cao được thiết kế đặc biệt để cách nhiệt cho mặt tiền thạch cao và dầm chân tường. Nó cũng có thể được sử dụng cho các kết cấu khác có yêu cầu cao hơn về độ bám dính của tấm cách nhiệt với nền.

TECHNONICOL CARBON ECO FACADE là vật liệu cách nhiệt với bề mặt được mài và các rãnh siêu nhỏ, giúp tăng độ bám dính của lớp thạch cao mặt tiền một cách đáng kể. Các tấm có ô kín phân bố đồng đều không bị trương nở, co ngót hay hút nước. Chúng có khả năng kháng hóa chất và không dễ bị thối rữa. Độ bền cao của vật liệu cho phép nhận được lớp nền cứng đồng đều và đồng thời giúp tăng đáng kể độ bền của toàn bộ hệ thống cách nhiệt.

TECHNONICOL CARBON ECO FACADE chứa các hạt carbon có kích thước nano, cho phép tăng đáng kể hiệu suất nhiệt của vật liệu.

Nó có thể được cung cấp với các cạnh phẳng hoặc hình chữ L.



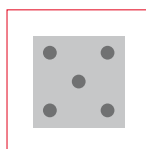
ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	CARBON ECO	CARBON ECO FACADE
Độ dẫn nhiệt λ_D , W/m²K	ASTM C177	0.028-0.034	0.028-0.034
Khả năng chịu nhiệt (tùy thuộc vào độ dày), R_D , m²K/W	ASTM C177	0.29-2.94	0.29-2.94
Cường độ nén ở mức biến dạng 10%, kPa	ASTM D1621 (EN 826)	≥200	≥200
Hấp thụ nước lâu dài khi ngâm, %	ASTM C272 (EN 12087)	≤0.7	≤0.7
Phản ứng với lửa – khả năng bắt lửa, Euroclass	EN ISO 11925-2	F	F
Chiều dài, mm	EN 822	1180-1500 (±8) 1500-4000 (±10)	1180-1500 (±8) 1500-4000 (±10)
Chiều rộng, mm	EN 822	580-650 (±8)	580-650 (±8)
Độ dày, mm	EN 823	10-40 (±2) 50-100 (-2; +3)	10-100 (±1)

TECHNONICOL CARBON PROF 300

TECHNONICOL CARBON PROF 300 polystyrene ép đùn là vật liệu hiệu suất cao được sử dụng rộng rãi cho các tòa nhà và công trình khi lắp đặt cách nhiệt cho tầng hầm, mái, sàn và mặt tiền. Nó cũng được sử dụng trong việc xây dựng đường sắt và đường cao tốc.

TECHNONICOL CARBON PROF 300 là vật liệu cách nhiệt có các ô kín phân bố đồng đều, không bị trương nở, co ngót hay hút nước. Nó có khả năng kháng hóa chất và không dễ bị thối rữa. Độ bền cao của vật liệu cho phép nhận được lớp nền cứng đồng đều và đồng thời giúp tăng đáng kể độ bền của toàn bộ hệ thống cách nhiệt. Nó chứa các hạt carbon có kích thước nano, cho phép tăng đáng kể hiệu suất nhiệt của vật liệu.

Nó có thể được cung cấp với các cạnh phẳng hoặc hình chữ L. Có sẵn một biến thể với hình dạng dốc để tạo độ dốc 2,1 hoặc 4,2% nhằm thoát nước từ mái nhà xuống phố.



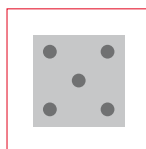
TECHNONICOL CARBON SOLID 500

TECHNONICOL CARBON SOLID 500 polystyrene ép đùn là vật liệu hiệu suất cao được sử dụng rộng rãi trong các tòa nhà và công trình khi lắp đặt lớp cách nhiệt của tầng hầm, mái vận hành và sàn chịu tải. Nó cũng được sử dụng để cách nhiệt nền móng của các phương tiện giao thông.

Ghi nhận hiệu suất ứng suất nén cao của vật liệu khi biến dạng khiến TECHNOMICOL CARBON SOLID 500 trở thành sự lựa chọn tốt nhất cho các dự án quan trọng và phức tạp nhất.

TECHNONICOL CARBON SOLID 500 là vật liệu cách nhiệt có các ô kín phân bố đồng đều, không bị trương nở, co ngót hay hút nước. Nó có khả năng kháng hóa chất và không dễ bị thối rữa. Độ bền cao của vật liệu cho phép nhận được lớp nền cứng đồng đều và đồng thời giúp tăng đáng kể độ bền của toàn bộ hệ thống cách nhiệt. Nó chứa các hạt carbon có kích thước nano, cho phép tăng đáng kể hiệu suất nhiệt của vật liệu.

Nó có thể được cung cấp với các cạnh phẳng hoặc hình chữ L.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	CARBON PROF 300	CARBON SOLID 500
Độ dẫn nhiệt λ_D , W/m ² K	ASTM C177	0.028-0.034	0.028-0.034
Khả năng chịu nhiệt (tùy thuộc vào độ dày), R_D , m ² K/W	ASTM C177	1.76-7.042	1.379-3.448
Cường độ nén ở mức biến dạng 10%, kPa	ASTM D1621 (EN 826)	300-350	≥500
Hấp thụ nước lâu dài khi ngâm, %	ASTM C272 (EN 12087)	≤0.7	≤0.7
Phản ứng với lửa – khả năng bắt lửa, Euroclass	EN ISO 11925-2	E	E
Chiều dài, mm	EN 822	1180-1200(±15)	1180-1200(±15)
Chiều rộng, mm	EN 822	580-600(±8)	580-600(±8)
Độ dày, mm	EN 823	50-120 (-2; +3) 130-200 (-2; +8)	40, 50, 60, 100 (-2; +3)



Horní Počernice, Cộng hòa Séc
CÔNG VIÊN P3, SÂN H IX



Klaipėda, Lietuva
ĐẦU TRƯỞNG ŠVYTURIŲ



Parndorf, Áo
CINEPLEX PARNDORF



PIR



Vật liệu cách nhiệt PIR của TECHNOMICOL dựa trên bột polyisocyanurat cứng là thể hệ vật liệu cách nhiệt mới vượt trội đáng kể so với các giải pháp truyền thống về đặc tính kỹ thuật và giá trị tiêu dùng. Vật liệu này có tuổi thọ dài do khả năng hấp thụ nước tối thiểu, khả năng chống lại tác động phá hủy của môi trường khắc nghiệt cũng như mực nát.

Đồng thời, nó không phát ra các chất độc hại trong mọi điều kiện hoạt động, là vật liệu xây dựng an toàn và thân thiện với môi trường.

VỀ VẬT LIỆU

Polyurethane lần đầu tiên được Otto Bayer phát hiện và thử nghiệm cùng một nhóm các nhà nghiên cứu vào năm 1937. Kể từ đó, polyurethane đã đi vào cuộc sống của chúng ta một cách vững chắc và hiện nay nó được sử dụng rộng rãi trong nhiều sản phẩm: từ màng quần áo đến vô lăng, cần va và nhiều bộ phận khác của xe hơi. Chất liệu này vô hại cho sức khỏe và không gây kích ứng da. Do đó, các thiết bị y tế, ví dụ như van tim, được làm chủ yếu bằng polyurethane. Bột polyurethane cứng là vật liệu cách nhiệt phổ biến nhất được sử dụng trong tủ lạnh do đặc tính của nó và tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt nhất.

Polyisocyanurat hay gọi đơn giản là PIR là loại bột polyurethane được biến đổi và cải tiến được biết đến từ năm 1968. Ngày nay, trong bối cảnh giá năng lượng không ngừng tăng cao, các vật liệu tiết kiệm năng lượng như PIR đang trở nên cực kỳ phổ biến trong các ngành công nghiệp khác nhau.

CHẤT LƯỢNG SẢN XUẤT

Vật liệu cách nhiệt LOGICPIR của TECHNOMICOL là một khung polyme gồm nhiều ô kín và chứa đầy khí, tạo thành một cấu trúc đồng nhất cứng và có độ bền cao. Cấu trúc vòng phân tử của polyme với các liên kết hóa học mạnh và mật độ

cao của các liên kết này giữa các nguyên tố khiến cho việc phá hủy chúng trở nên khó khăn. Các ô cứng kín chiếm hơn 95% thể tích của vật liệu và cung cấp cho nó:

- độ dẫn nhiệt thấp kỷ lục;
- độ bền cơ học;
- hấp thụ nước tối thiểu;
- khả năng chống cháy cao.

Do đó, nhờ tính liên tục về mặt hóa học, tấm PIR của TECHNOMICOL giữ lại tất cả các đặc tính tích cực của polyurethane.

ỨNG DỤNG TRONG HỆ THỐNG MÁI

Việc ứng dụng tấm LOGICPIR giải quyết một vấn đề rất quan trọng đối với mọi chủ đầu tư – xây dựng một mái nhà bền bỉ với thời gian sử dụng lâu dài mà không cần bảo trì. Một số yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của mái nhà: thiết kế và lắp đặt phù hợp, lựa chọn vật liệu và thành phần xây dựng phù hợp, các yếu tố bên ngoài và điều kiện thời tiết. Một trong những điểm chính gây hư hỏng cho hệ thống trong quá trình lắp đặt và vận hành là tải động. Hệ thống mái lợp bằng tấm PIR của TECHNOMICOL được thiết kế đặc biệt để giải quyết yếu tố này. Chúng được khuyến khích sử dụng trên các mái nhà nơi công nhân viên thường xuyên đi lại, chẳng hạn như để điều chỉnh các thiết bị được lắp đặt trên mái nhà.

Tấm cách nhiệt LOGICPIR là giải pháp tuyệt vời để sử dụng cho các kết cấu mái khác nhau: dốc và phẳng, lộ thiên và ballast (kể cả mái xanh), vận hành và không vận hành.

Vật liệu này có thể được sử dụng với nhiều loại chất nền khác nhau, ví dụ: sàn kim loại định hình, bê tông cốt thép, gỗ, ván OSB-3, mái lợp cũ,... Việc ứng dụng ván dúc dúc sẵn cho phép tạo độ dốc để thoát nước nhanh chóng và thuận tiện.

LOẠI VẬT LIỆU

Việc sử dụng vật liệu cách nhiệt là công đoạn bắt buộc của nhiều quá trình xây dựng và sửa chữa. Hệ thống ván LOGICPIR của TECHNOMICOL được sử dụng để cách nhiệt cho mái phẳng và dốc, sàn, tường và mặt tiền.

- Tấm cách nhiệt PIR tiêu chuẩn được sử dụng để cách nhiệt trong hầu hết các lĩnh vực ứng dụng.

- Ván có độ dốc được sử dụng để tạo độ dốc 1,7 hoặc 3,4% trên mái bằng nhằm thoát nước vào phễu.

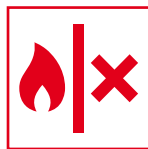


ƯU ĐIỂM



ĐỘ DẪN NHIỆT THẤP KỶ LỤC

Là vật liệu tiết kiệm năng lượng, tấm LOGICPIR của TECHNOMICOL có độ dẫn nhiệt thấp kỷ lục bắt đầu từ 0,022 W/m*K. Các tấm có sẵn các cạnh hình chữ L nên chúng vừa khít với nhau và do đó ngăn ngừa hiện tượng cầu nhiệt.



CHỐNG CHÁY CAO

Tấm PIR của TECHNOMICOL là vật liệu không cháy. Khi tiếp xúc với ngọn lửa trần, polyme chỉ cháy trên bề mặt. Điều này tạo ra một lớp vỏ than, là lớp bảo vệ hiệu quả chống lại sự hư hỏng thêm đối với polyme.



ĐỘ TIN CẬY VÀ BỀN BÌ

Trong suốt thời gian sử dụng hơn 50 năm, tấm LOGICPIR vẫn giữ được chất lượng nhờ cấu trúc của vật liệu: ô cứng không giải phóng khí vĩnh viễn, mang lại đặc tính nhiệt độ dao của bọt polyisocyanurate. Vật liệu hoạt động hiệu quả trong phạm vi nhiệt độ từ -65°C đến +110°C, phù hợp để sử dụng ở mọi khí hậu.



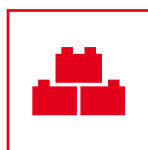
KHẢ NĂNG KHÁNG TẢI ĐỘNG

Độ cứng của nền là thông số không thể thiếu để duy trì tính năng của vật liệu chống thấm và độ bền của hệ mái nói chung. Các tấm LOGICPIR có cường độ nén 150 kPa mang lại khả năng chống biến dạng cao do tải trọng vận hành và tuân thủ loại 2 đối với tải trọng động (EN 826).



TRỌNG LƯỢNG NHẸ

Việc sử dụng tấm PIR của TECHNOMICOL giúp giảm thiểu tải trọng bổ sung lên đế đỡ và cho phép lắp đặt vật liệu cách nhiệt mà không cần gia cố các kết cấu đỡ, điều này đặc biệt quan trọng đối với việc cải tạo mái nhà. Chi phí vận chuyển cũng giảm đáng kể.



LẮP ĐẶT DỄ DÀNG

Nhờ trọng lượng nhẹ và độ dày tối thiểu của tấm LOGICPIR, ngay cả một người cũng có thể dễ dàng thực hiện việc lắp đặt lớp cách nhiệt. Ngoài ra, sự sẵn có của các tấm ván có độ dốc dốc sẵn đặc biệt cũng giúp giảm đáng kể thời gian lắp đặt toàn bộ hệ thống mái.



ĐỘ DÀY NHỎ

Do TECHNOMICOL có độ dẫn nhiệt thấp kỷ lục của tấm LOGICPIR nên độ dày lớp cách nhiệt nhỏ hơn được sử dụng để đạt được mức kháng nhiệt cần thiết. Độ dày tối thiểu cho phép tiết kiệm không gian tối đa.



HẤP THỤ NƯỚC TỐI THIỂU

Cấu trúc của tấm cách nhiệt LOGICPIR bao gồm các ô cứng kín, không cho nước xâm nhập vào vật liệu, trong khi các mặt bằng composite cung cấp thêm lớp chắn hơi. Nó có khả năng chống mục nát, kể cả trong điều kiện độ ẩm cao.



TƯƠNG THÍCH SINH THÁI

Polyurethane được sử dụng rộng rãi trong sản xuất phụ tùng ô tô, thiết bị thể thao, đồ nội thất, nệm và gối, giày và quần áo, chất kết dính và chất bịt kín, cũng như nhiều thứ thông thường khác xung quanh chúng ta. Vật liệu cách nhiệt LOGICPIR của TECHNOMICOL là thể hệ polyurethan mới hoàn toàn thân thiện với môi trường và an toàn cho sức khỏe con người và được phê duyệt để sử dụng trong các cơ sở y tế và trẻ em.

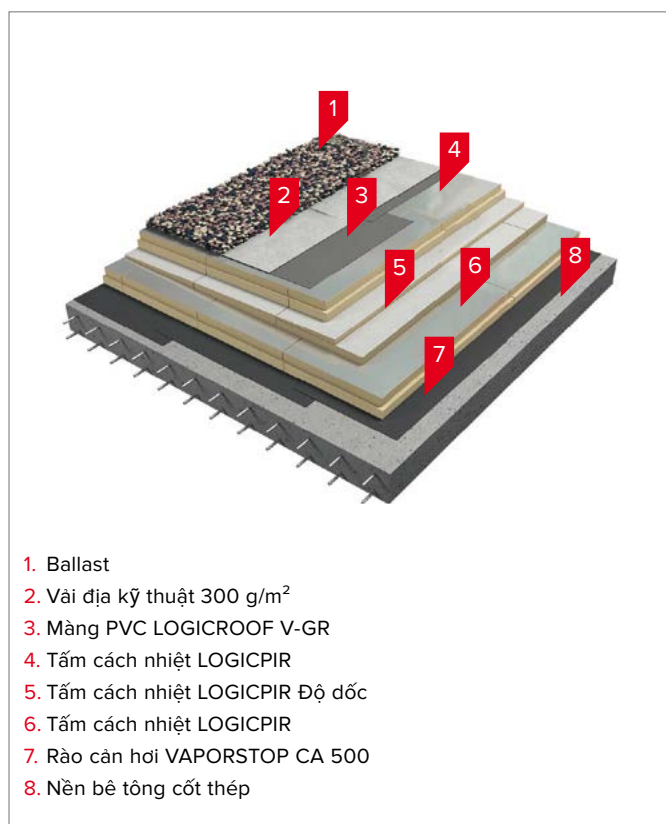
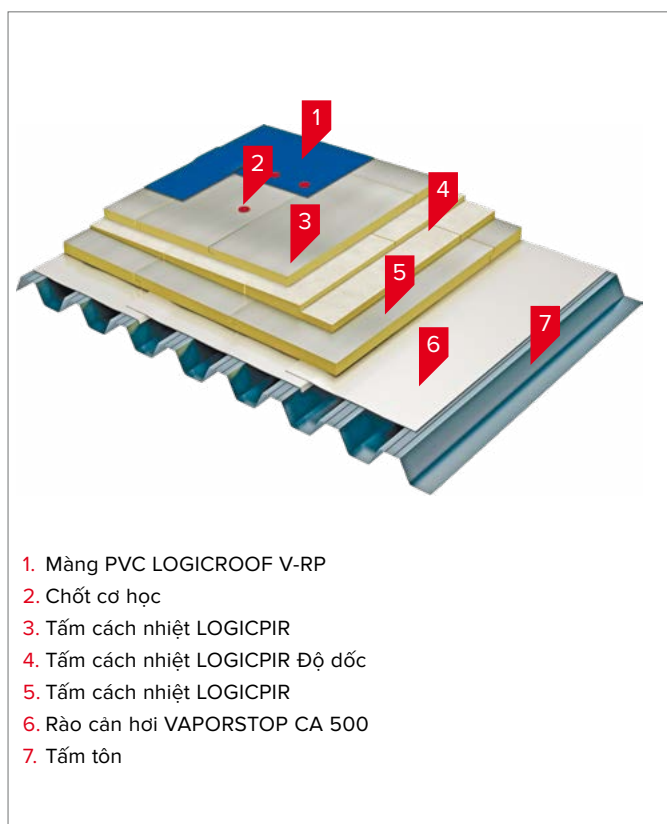


LOGICPIR

TẤM CÁCH NHIỆT PIR

LOGICPIR là tấm cách nhiệt cải tiến được làm từ PIR (Polyisocyanurate), được sử dụng trong các hệ thống mái phẳng và dốc, sàn, tường và mặt tiền. Rất cứng và phẳng hoàn hảo, LOGICPIR là chất nền lý tưởng cho vật liệu lợp mái. Nó có cường độ nén cao và giá trị dẫn nhiệt thấp kỷ lục.

LOGICPIR có 2 loại bề mặt: lá nhôm hoặc thảm sợi thủy tinh. Nó có thể được cung cấp với các cạnh phẳng hoặc hình chữ L. Có sẵn một biến thể với hình dạng độ dốc để tạo độ dốc 1,7 hoặc 3,4% nhằm thoát nước từ mái nhà xuống phễu.



ĐẶC TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	LOGICPIR
Độ dẫn nhiệt λ_D , W/m*K	EN 13165	0.022 (lớp phủ lá nhôm) 0.026 (lớp phủ sợi thủy tinh)
Khả năng chịu nhiệt (tùy thuộc vào độ dày), R_D , m²*K/W	EN 12667	1.35-6.81 (lớp phủ lá nhôm) 1.15-5.77 (lớp phủ sợi thủy tinh)
Cường độ nén khi biến dạng 10%, kPa	EN 826	≥150
Hấp thụ nước lâu dài khi ngâm, %	EN 12087	≤1
Phản ứng với lửa – khả năng bắt lửa, Euroclass	EN 13501-1	E
Kích thước tấm, mm	EN 822	1200×600, 2400×1200
Độ dày (tăng 10 mm), mm	EN 823	30-150
Loại bề mặt	-	lá nhôm hoặc thảm sợi thủy tinh

TECHNONICOL Việt Nam

Để được hỗ trợ bán hàng:

info@technicol.vn

Để được hỗ trợ kỹ thuật:

tech.support@technicol.vn



WWW.TECHNONICOL.VN